



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92704 – U.S.A. | Tel.: (714) 548-4148 / (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com
Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: ĐĐ. Thích Huệ Cảnh
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Thiện
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh
Chủ bút: Vĩnh Hào

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: Tâm Quang
Hình bìa: Pixel2013 (Pixabay.com)

LIÊN LẠC:

- Bài vở: baivochanhphap@gmail.com
- Quảng cáo/Phát hành: (714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu truyền qua những trang báo nhỏ này, mọi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email: baivochanhphap@gmail.com.

Trân trọng cảm ơn.

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:
CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 4
- ♦ **XỨNG DANH THẠCH TRỤ** (thơ Thích Viên Thành), trang 11
- ♦ **NỘI DUNG KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA**, t.t. (HT. Thích Thắng Hoan), trang 9
- ♦ **QUÊ TÒI** (thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 11
- ♦ **CHUYẾN ĐI ÚC CHỪNG MINH LỄ KHÁNH THÀNH CHÙA TRÚC LÂM** (ĐNT Tín Nghĩa), trang 12
- ♦ **MÙA CHỜM VÀO ĐÔNG** (thơ Mặc Phương Tử), trang 14
- ♦ **SINH VÊ ĐẦU LÀ DO MÌNH** (Quảng Tánh), trang 15
- ♦ **THÀNH TỰU NHỮNG ĐIỀU KIỆN THUẬN LỢI CHO THỜI ĐIỂM LÂM CHUNG** (Dalai Lama - Tuệ Uyển dịch), trang 16
- ♦ **TÒA SÁNG BÓNG THIÊN TĂNG** (thơ Chúc Hiền), trang 17
- ♦ **BÓN NHIỆP PHÁP: CÁ NHÂN & QUỐC GIA** (Nguyễn Thế Đăng), trang 19
- ♦ **THƯ MỜI THAM DỰ HAI NGÀY ÔN TẬP GIỚI LUẬT VÀ CÁC PHÁP YẾT MA** (TN Giới Châu), trang 21
- ♦ **NHỮNG VIÊN THUỐC BỌC ĐƯỜNG** (Nguyễn Minh), trang 22
- ♦ **ĐIỆN THƯ PHÂN ƯU: NI TRƯỞNG THÍCH NỮ DIỆU TỪ VIÊN TỊCH** (GHPGVNTNHNK), trang 25
- ♦ **BÀN TAY ĐÃ MÁT** (TN Như Thủy), tr. 26
- ♦ **DÒNG KHÔNG** (thơ Hoàng Xuân Sơn), trang 27
- ♦ **NGƯỜI THẬT SỰ ĐÃ RA ĐI** (TN Tâm Vân), trang 29
- ♦ **STORY OF FIVE HUNDRED BHIKKHUS** (Daw Mya Tin), trang 31
- ♦ **VIỆT SỬ CA** (thơ Tiểu Lục Thần Phong), trang 32
- ♦ **NHÂN NÀO QUẢ NẤY – Câu chuyện dưới cờ** (Thị Nguyên Nguyễn Đình Khôi), trang 33
- ♦ **TỬ AN – Phật Pháp Thứ Năm** (Nhóm Áo Lam), trang 34
- ♦ **LÝ HỌC VÀ PHẬT GIÁO**, t.t. (Nguyễn Lang), trang 36
- ♦ **TÌNH TÂN VÌ ĐẠO** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 39
- ♦ **ĐỌC ‘BIỆN CHÍNH PHẬT HỌC’: NGHĨ LỜI ĐỨC PHẬT RẦY** (Nguyên Giác), trang 40
- ♦ **TÌNH OI - MÂY DẬM ĐỘC HÀNH** (thơ Bạch Xuân Phê), trang 43
- ♦ **TÊN ẮN TRỘM** (MĐ Triều Tâm Ảnh), trang 46
- ♦ **TRUYỆN NGÁN TRĂM LINH TÁM CHỮ** (Steven N.), trang 51
- ♦ **MỠI NGÀY NÀO** (thơ Thục Độ), tr. 52
- ♦ **LĂNG ĐĂNG THÁNG NĂM** (Đồng Thiện), trang 53
- ♦ **HẦY CHIÊU SÁNG SỰ SÓNG** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 55
- ♦ **MẸ TRONG MƠ** (thơ Bùi Vĩnh Hưng), trang 56
- ♦ **NẤU CHAY: CÁCH LÀM ĐẬU HŨ RÁN NỘI CÀ CHUA** (Huyền Trân), tr. 57
- ♦ **NHỮNG GÃ DU TỪ MANG NGHIỆP CHỮ** (Tiểu Lục Thần Phong), trang 58
- ♦ **EM VỀ MANG CÁ THỦ SANG** (thơ Hiền Nguyễn), trang 60
- ♦ **SUỐI TÀO-KHÊ, DÒNG CAM-LỘ BAO ĐỜI VẪN CHÁY** (Hạnh Chi), trang 61
- ♦ **NIỆM PHẬT MỘT MÌNH** (thơ TN Huệ Trân), trang 63
- ♦ **TƯỜNG THUẬT NGÀY VỀ NGUỒN LÀN 11 TẠI CHÙA KHÁNH ANH, PHÁP QUỐC** (Thích Như Điển), tr. 64
- ♦ **LỜI RU CỦA TRÁI TIM** (Mãn Đường Hồng), trang 69
- ♦ **LỜI KHÔNG PHẢI TẠI THẦY THUỐC** (Truyện cổ Phật giáo), trang 73
- ♦ **CÁM ƠN KIẾP ĐƯỢC LÀM NGƯỜI...** (thơ Lưu Lăng Khách), trang 74
- ♦ **BỤI ĐƯỜNG – chương 9** (Vĩnh Hào), trang 75
- ♦ **CHÁNH ĐẠO** (thơ Diệu Viên), trang 79



Báo Chánh Pháp số 84, tháng 11 năm 2018, do Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại (Dallas, Texas) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện quý tự và chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

NHỆ NHƯ MÂY

Bão mạnh và sóng thần ở châu Á khiến hàng ngàn người thiệt mạng, hàng ngàn người mất tích; tàn phá nhà cửa, tài sản công và tư, thiệt hại vô kể. Bão lớn quét qua miền Đông và Đông nam nước Mỹ cũng lấy đi mạng sống của ba mươi người và hàng ngàn người còn mất tích... Hàng trăm ngàn người vẫn còn phải chịu đựng sự lụt lội, mất điện, lạnh giá, thiếu nước uống. Trong khi đó, gió Santa Ana như mọi năm đã thổi về, mang hơi nóng hầm hập sau cơn mưa rì rả một ngày một đêm của miền Tây nam. Lá thu cuốn theo gió, tràn ra đường nhựa, chạy đuổi theo xe cộ ngược xuôi. Những hàng dây điện giăng mắc qua các phố nhỏ lung lay như đưa vồng dưới cơn nắng vàng hanh. Có mùi gì khét lẹt như khói xăng hay tro ấm của nạn cháy rừng tháng trước, còn phảng phất trong không khí của ngày vào thu. Trời vẫn vũ mây xám. Phố chợ vẫn tấp nập những người là người. Các bích chương quảng cáo bầu cử với tên ứng viên rất lớn và nổi bật, trưng đầy ở các góc đường.

Trong cái xôn xao của những cuộc đấu tranh, biểu tình, chống đối, ủng hộ, người nào cũng cố gắng bày tỏ tối đa quan điểm của mình, cho cách nghĩ cách sống của mình mới là đúng. Thường thì sự bày tỏ đơn độc được cổ vũ bởi đám đông, dễ tiến đến cực đoan; mà cũng có thể từ sự cực đoan của một vài cá nhân đã tác động lên hành động và lời nói của quần chúng. Xét cho cùng, chẳng có cái cực đoan nào gọi là hay, là tốt. Đằng sau, bên dưới những nhãn hiệu và danh xưng tốt đẹp, vẫn chỉ là mặt thực của tham vọng cá nhân—lại thường vay mượn, núp bóng cái dù tập thể.

Từ sinh hoạt quốc gia, chính trị đảng phái, cho đến cả tôn giáo (với nhiều tai tiếng chấn động niềm tin của tín đồ), người ta càng nhìn rõ mặt trái của lòng tham, của bản ngã. Có người rời bỏ những nhãn hiệu với thái độ hoặc lời nói công kích. Có người lặng lẽ rút lui, tìm về

nơi ở ngoài những thị-phi, thiên kiến. Có người cố gắng nán lại, tìm cách điều chỉnh thực trạng, sao cho giữ được chính danh.

Nhưng *danh* thế nào mới là *chính*? Cái danh mà không phản ánh đúng cái thực thì danh đó chỉ là danh suông, sáo rỗng. Có cần hô hào lớn tiếng để bảo vệ một cái danh rỗng tuếch hay không? Thực chất đã mục rỗng thì không cái danh nào có thể cứu vãn sự sụp đổ của một tập thể đã từng một thời vang bóng. Một tập thể mà đa phần là những người hủ bại, háo danh, tham quyền cố vị, thì sự có mặt của thiếu số chỉ là để tiếp sức cho sự tồn tại của một con thuyền mục rã, chệch hướng.

Nói theo ngôn ngữ nhà thiền thì danh của lão tăng cũng là giả danh. Nhưng nói theo thông tục thì lão tăng đúng là một danh tăng đạo hạnh, đã làm thật nhiều việc: xây dựng tăng trường, phiên dịch, trước tác, giảng dạy, đào tạo nhiều thế hệ tăng ni và phật-tử. Điều kỳ lạ là khi tiếp xúc ông, người ta thấy dường như ông chưa từng làm gì cả. Nơi ông không toát ra hào quang của một người nổi tiếng hay một người đã từng đóng góp rất nhiều cho đạo, cho đời. Phong vận từ bi của ông trùm lấp tất cả những ý niệm phân biệt, đánh giá của người đối diện.

Mùa hè năm nay, lão tăng từ quê nhà qua thăm. Mượn một thiền đường nơi thị tứ làm chỗ tương ngộ một văn nhân. Cả hai đều "*văn kỳ thanh, bất kiến kỳ hình.*" Lão tăng có bệnh nan y, có lẽ là không chữa được nữa; chỉ mượn dịp đi xa để từ giả những người hữu duyên. Văn nhân thì có tâm bệnh—cái bệnh là hay bất mãn, bất phục, có lẽ cũng khó chữa. Nơi thiền đường, lão tăng nhờ thiền chủ đặt sẵn hai ghế dựa song song, quay mặt về hướng tôn tượng Đức Phật Thích Ca; không có bàn ghế nào khác trước mặt, nên khoảng cách từ chỗ này với bàn thờ Phật là một khoảng không gian rộng, trống. Văn nhân bước vào, xá Phật rồi quay sang bái lão tăng. Từ tăng phòng, lão tăng cũng vừa mới bước vào chánh điện, chắp tay đáp lễ, chờ văn nhân



bước đến, mời ngồi nơi ghế còn lại. Từ vị trí này, cả hai cùng nhìn về một hướng. Im lặng khá lâu như thể cuộc hội ngộ chỉ là để dùng tâm mà nghe tâm. Văn nhân ký tặng hơn mười tác phẩm mà lão tăng yêu cầu để đem về cho thư viện ở quê nhà. Câu chuyện ở tù, bị biệt giam trong tác phẩm ấy có thực không, hay chỉ là hư cấu. Dạ, có thực; nhưng chỉ thực một phần thôi, không phải tất cả là thực. Lão tăng gật gù. Một chập, lão tăng đặt bàn tay ấm lên lưng bàn tay văn nhân, vỗ về. Cố gắng, cố gắng nha. Vào đời hành đạo không dễ đâu.

Băng đi gần nửa năm. Rồi một sáng sớm, nghe tin lão tăng viên tịch. Nhớ lại cuộc tương ngộ đầu tiên và cũng là cuối cùng của hôm ấy, chợt sa lệ. Trong nhập nhòa nước mắt và tâm tưởng, chỉ nhớ hình bóng một lão tăng đôn hậu, hiền lành, nói

năng nhỏ nhẹ, ngôn ngữ bình dân, và đặc biệt là nơi nhân cách ấy, tất cả các danh xưng, nhân hiệu, chức vị, đều không thể bám vào.

Theo dõi tang lễ qua một đoạn phim quay trực tiếp đăng lên mạng, chỉ thấy một kim quan bằng gỗ đơn giản, màu nâu, được mười mấy đệ tử tục gia mặc áo tràng lam khiêng. Có lẽ kim quan cũng nhẹ như tâm thái của lão tăng khi còn sinh tiền; chỉ là vì phải đặt trên một giàn gỗ kênh cang, nên nặng. Tăng nhân mấy trăm vị đưa tiễn kim quan đến lò thiêu. Nghi lễ đơn giản. Tiếng niệm Phật vang đều cho đến khi kim quan được đặt gọn vào hầm lò thiêu. Từ phương ngoại, văn nhân tịnh tọa nơi bàn viết, chấp tay cung kính tiễn biệt. Có một vầng mây trắng, nhẹ nhàng bay cao.

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

ẤN ĐỘ: Lễ hội Phật giáo tôn vinh Đạo sư Naropa tại Jammu & Kashmir

Leh, Jammu & Kashmir – Vào ngày 16-9-2018, một lễ hội Phật giáo kéo dài trong 5 ngày được tổ chức để tôn vinh Đạo sư Naropa (Na-lạc -ba) – vị thánh giả bảo trợ của dòng truyền thừa Drukpa – đã bắt đầu tại bang Jammu & Kashmir.

Hàng trăm người tập trung tại Naro Photang Hemis để tham gia vào các buổi lễ hàng ngàn năm tuổi, nơi có những cuộc trình diễn văn hóa đầy màu sắc thể hiện truyền thống phong phú của người dân địa phương. Rinchen Wachter, Chủ tịch Hiệp hội Thanh niên Drukpa, cho biết những lễ hội như vậy đã tạo nên nền tảng để mọi người gìn giữ được nền văn hóa của mình. Lễ hội này kỷ niệm cuộc đời của vị thánh giả Ấn Độ Naropa mà giáo lý của Ngài được xem là cốt lõi của Phật giáo.

(ANI – September 17, 2018)



Tượng Đạo sư Naropa
Photo: Google

HÀN QUỐC: Ngôi chùa trong bức tranh của họa sĩ Kim Hong-do (1745-?) được xác định là chùa Shinkwansa

Một phần tích gần đây cho thấy ngôi chùa Phật giáo xuất

hiện trong bức tranh "Sansaguiseungdo" của họa sĩ Kim Hong-do là chùa "Shinkwansa" ở Haeju thuộc tỉnh Hwanghae.

Nhà đấu giá chuyên về đồ cổ My Art Auction (Đấu giá Nghệ thuật Của tôi) ở Hàn Quốc đã công bố điều này vào ngày 18-9-2018.

Bức tranh "Sansaguiseungdo" miêu tả một tu sĩ Phật giáo chống gậy đi về hướng một Phật tự nằm sâu trong núi vào một ngày mùa thu. Họa phẩm này được cho là hiếm có vì Kim Hong-do hiếm khi vẽ cảnh thiên nhiên. Nhưng bức tranh chưa được nghiên cứu đầy đủ, ví dụ như nó đã được vẽ khi nào và tại sao, trong khi bài thơ tứ tuyệt viết trên tranh thì đã bị hỏng nặng.

(english.donga.com – September 19, 2018)



Bức tranh "Sansaguiseungdo" của họa sĩ Kim Hong-do
Photo: donga.com

ẤN ĐỘ: Đức Đạt lai Lạt ma sẽ được trao Giải thưởng Gandhidarsan

Đức Đạt lai Lạt ma sẽ được trao Giải thưởng Quốc tế Gandhidarsan 2018 của Hội Gandhi Toàn cầu, các nhà tổ chức cho biết.

Giải thưởng bao gồm số tiền 300,000 Rupees, một

biểu chương và tác phẩm điêu khắc, chủ tịch S. Vijayan của Hội Gandhi Toàn cầu công bố tại một cuộc họp báo ở thành phố Thiruvananthapuram, bang Kerena, vào ngày 18-9-2018.

Được xem là đại sứ toàn cầu về hòa bình và hòa giải, Đức Đạt lai Lạt ma là một người rất ngưỡng mộ Mahatma Gandhi và các nguyên tắc Ahimsa của ông. Đức Đạt lai Lạt ma cũng đã chủ trương bất bạo động trong việc giải quyết cho tự do chính trị của đất nước mình từ năm 1959.

(Phayul – September 19, 2018)



Đức Đạt lai Lạt ma
Photo: Phayul

CAM BỐT: Hội Phật giáo Từ Tế Đài Loan giúp nạn nhân lũ lụt tại Cam Bốt

Hội Phật giáo Từ Tế Đài Loan gần đây đã cung cấp hàng cứu trợ nạn nhân lũ lụt tại Cam Bốt, phân phối cho gần 3,000 hộ gia đình.

Phối hợp với chính quyền địa phương, các tình nguyện viên Từ Tế đã phân phối bánh mì cho 200 gia đình bị ảnh hưởng bởi lũ lụt trong tháng 7 và tháng 8.

Đầu tháng 9, tại 7 ngôi làng ở tỉnh Kampong Cham, Hội đã phân phát cho 879 hộ gia đình mỗi hộ 40 kg gạo do Hội đồng Nông nghiệp Đài Loan cung cấp, một thùng mì chay ăn liền và bánh mì – đủ

cho một gia đình 4 người ăn trong một tháng.

Vào giữa tháng 9, các tình nguyện viên Từ Tế đã thăm và phân phối lương thực cho hơn 2,000 hộ gia đình nạn nhân lũ lụt tại tỉnh Tboung Khmum.

(Focus Taiwan – September 19, 2018)



Hội Phật giáo Từ Tế Đài Loan cứu trợ nạn nhân lũ lụt tại Cam Bốt

Photo: Focus Taiwan

ẤN ĐỘ: Bang Maharashtra phát triển Ajanta và Ellora cho Du lịch Phật giáo

Công ty Phát triển Du lịch Maharashtra (MTDC) thuộc chính quyền bang Maharashtra đã vạch ra một kế hoạch để làm cho các di sản Phật giáo của Ajanta và Ellora trở thành những điểm đến du lịch và hành hương mang tính biểu tượng dọc theo mạng mạch Phật giáo đang phát triển.

Ajanta và Ellora là các Di sản Thế giới UNESCO nằm cách thành phố Aurangabad 29 km và 107 km.

Atjanta bao gồm 30 hang động cắt-đá được tạo tác giữa thế kỷ thứ 2 và thứ 5. Chúng chứa một số thí dụ hiếm có nhất và đẹp nhất còn sót lại của nghệ thuật tôn giáo Phật giáo cổ đại – đặc biệt là các tranh vẽ trên đá.

Ellora gồm 34 hang động cắt-đá, được tạo dựng từ thế kỷ thứ 5 đến thứ 10, là nơi có các tu viện và đền thờ của 3 truyền thống tôn giáo: Phật giáo, Ấn Độ giáo và đạo Jaina. Để thu hút khách hành hương Phật giáo và khách du lịch, chính quyền Maharashtra đang có kế hoạch hợp tác với Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo KJ Somaiya ở Mumbai để thiết kế các gói du lịch.

(Buddhistdoor Global –

September 21, 2018)



Ellora là một trong những khu phức hợp hang động tự viện cắt-đá lớn nhất thế giới
Photo: atlasobscura.com



Các tượng Phật ở một trong những hang động Phật giáo tại Ellora
myupscprelims.com



Các di tích hang động cắt đá tại Atjanta

Photo: quora.com



Một Phật điện bên trong Hang động Atjanta—Photo: timesofindia.indiatimes.com

ĐỨC: Khánh thành bảo tháp tại Đại Tịnh xá Hamburg

Đánh dấu một mốc quan trọng cho Phật tử tại Đức, bảo tháp đầu tiên đã được khánh thành tại Đại Tịnh xá Hamburg vào ngày 8-9-2018.

Bảo tháp được đặc biệt mang đến từ Tích Lan, và công trình này liên quan đến việc thành lập một bảo tháp do Hòa thượng Tiến sĩ Rathmale Punnaratana của Đại Tịnh xá Hamburg khởi xướng, với sự hỗ trợ của Đại sứ quán Tích Lan tại Berlin.

Các xá lợi linh thiêng đã được tôn trí trong bảo tháp tại một buổi lễ đặc biệt với sự tham gia của Đại Tăng đoàn cùng sự tham dự của một số quan chức của 2 nước.

Đông đảo của Phật tử Tích Lan và Đức tham dự và phụ giúp đã làm cho buổi lễ thành công tốt đẹp. Đại sứ Tích Lan Hettiarachchi nhấn mạnh tầm quan trọng của sự kiện lịch sử đặc biệt này, vốn sẽ cho phép và tạo thuận lợi cho người dân để suy nghiệm và thấm nhuần lời dạy của Đức Phật.

(NEWS.LK – September 23, 2018)



Khánh thành bảo tháp tại Đại Tịnh xá Hamburg

Photo: NEWS.LK

NHẬT BẢN: Các tu sĩ Nhật Bản chia sẻ kinh điển Phật giáo cổ đại thông qua âm nhạc hiện đại

Một trong những nhiệm vụ cốt lõi của một tu sĩ Phật giáo là tụng niệm kinh Phật như là một phần trong tu tập hàng ngày của mình.

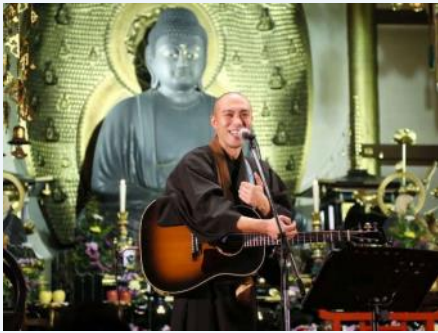
Tuy nhiên, hai tu sĩ Nhật Bản - một tăng, một ni - đã có cách tiếp cận khác bằng cách truyền bá đạo Phật qua âm nhạc đương đại: tăng sĩ Kanho Yakushiji và ni cô Satoshi Yamamoto cùng kết hợp kinh điển Phật giáo với dàn nhạc và công nghệ hiện đại.

Yakushiji và Yamamoto thành lập ban nhạc Kissaquo

vào năm 2003, và kể từ đó họ đã trình diễn âm nhạc của mình tại các chùa và các câu lạc bộ nhỏ. Các ca khúc của họ đặc biệt thu hút giới trẻ đến với Phật giáo. Và kể từ khi thành lập ban nhạc, cặp đôi này đã phát hành một số album, hiện có trên các nền tảng chia sẻ âm nhạc trực tuyến. Trong số các bản phát hành phổ biến nhất của 2 tăng sĩ này có Tâm Kinh, một trong những bản kinh nổi tiếng nhất trong Phật giáo Đại thừa, đã trở thành một bản hit của họ.

Một nữ ca sĩ khác, trình diễn với nghệ danh Thần tượng-bồ tát (Idol-bosatsu), cũng đang thực hiện sứ mạng tương tự để thu hút thanh niên đến với Phật giáo. Cô hát những giai điệu techno-pop do các nhạc sĩ chuyên nghiệp sáng tác.

(Buddhistdoor Global – September 24, 2018)



Nhà sư ca sĩ Kanho Yakushiji
Photo: nikkei.com



Nữ ca sĩ Idol-bosatsu
Photo: twitter.com

THÁI LAN: Trường Đại học tăng sĩ của Thái Lan sẽ mở các khóa thạc sĩ và học vị tiến sĩ thiền định

Ngày 24-9-2018, một vị cao tăng từ Trường Đại học

tăng sĩ Mahachulalongkornrajavidyalaya ở Bangkok cho biết trường sẽ mở một chương trình thạc sĩ và học vị tiến sĩ về nghiên cứu ý thức và thiền định.

Phra Maha Hansa Tham-mahaso, giám đốc trường Cao đẳng Nghiên cứu Phật giáo của trường đại học này nói rằng trường đã ký một thỏa thuận hợp tác với trường Đại học Phật giáo Dharma Gate (Pháp Môn) ở Hungary để cung cấp các khóa học này.

Các khóa học dựa trên những ý kiến và kết luận từ một hội thảo học thuật quốc tế được tổ chức gần đây về thiền định, vị giám đốc nói.

Các khóa học sẽ bắt đầu trong năm học tới, ông nói thêm.

(The Nation – September 24, 2018)



Trường Đại học tăng sĩ Mahachulalongkornrajavidyalaya (Bangkok, Thái Lan)
Photo: studyinthailand.org

CỘNG HÒA KALMYKIA (Liên bang Nga): Hòa thượng Yelo Rinpoche hoằng pháp tại thủ đô Elista

Cao tăng Phật phái Gelug, Hòa thượng Yelo Rinpoche, đã từ nước cộng hòa Burytia sang thăm nước cộng hòa Kalmykia từ ngày 14 đến 25-9-2018 để hướng dẫn các nghi thức Mật tông hàng năm và thuyết pháp.

Chương trình được tổ chức tại ngôi chùa lớn nhất Âu châu - chùa Thích Ca Mâu Ni Kim Tự, còn gọi là chùa trung tâm - ở thủ đô Elista của Kalmykia.

Yelo Rinpoche sinh năm 1943 tại Tây Tạng. Năm 3 tuổi, ngài được công nhận là hóa thân thứ tư của Yelo

Rinpoche, và 4 năm sau ngài thọ giới tu sĩ. Về sau ngài rời quê hương, sang Ấn Độ tu học và làm việc. Ngài đạt được trình độ giáo dục cao nhất trong truyền thống Gelug, gọi là geshe lharampa (tương đương với bằng tiến sĩ) vào năm 1979.

Năm 1993, theo lời khuyên của Đức Đạt lai Lạt ma, Yelo Rinpoche chuyển đến Buryatia – một trong những nước cộng hòa Phật giáo ở Liên bang Nga – và vào năm 2004 ngài thành lập chùa Datsan Rinpoche Bagsha tại thủ đô Ulan Ude của Buryatia.

(Buddhistdoor Global – September 26, 2018)



Yelo Rinpoche (đứng giữa) chủ trì các nghi thức Mật tông tại Elista, Kalmykia
Photo: shakjamuni.ru

PHI LUẬT TÂN: Tổ chức nhân đạo Phật giáo JTS cứu trợ nạn nhân trận siêu bão Mangkhut

Ngay sau khi trận bão lớn Mangkhut tấn công Luzon, hòn đảo nằm ở cực bắc và là đảo lớn nhất tại quần đảo Phi Luật Tân vào ngày 14-9-2018, tổ chức nhân đạo Phật giáo JTS chính phủ Join Together Society (JTS) đã nhanh chóng triển khai một đội nhân viên cứu trợ tình nguyện để cứu trợ các cộng đồng bị ảnh hưởng bởi trận siêu bão này.

Khi đến hiện trường, đội cứu trợ đã khảo sát tác động của bão và thiết lập hệ thống phân phối để cung cấp cho người dân địa phương các mặt hàng cơ bản và hàng cứu trợ, như gạo và các sản phẩm thực phẩm khác và các đồ gia dụng thiết yếu, bao gồm lưới chống muỗi, muông, chén đĩa, xà phòng, văn phòng phẩm và dụng cụ nấu ăn. Các tình nguyện viên JTS đã mang được

hàng cứu trợ đến cho khoảng 440 hộ gia đình ở Itogon và hơn 65 hộ gia đình ở Loacan gần đó.

Hội JTP Quốc tế được thành lập vào năm 1993 bởi Thiền sư Hàn Quốc Pomnyun Sunim. Có trụ sở chính tại Seoul, Hàn Quốc, JTS điều hành các văn phòng chương trình tại Hàn Quốc, Đức và Mỹ, cùng với các văn phòng làm việc tại hiện trường ở Ấn Độ và Phi Luật Tân.

(Buddhistdoor Global - September 27, 2018)



Tổ chức nhân đạo Phật giáo JTS cứu trợ nạn nhân trận siêu bão Mangkhut
Photos: Kim Ji Hea & JTS

ẤN ĐỘ: Đức Đạt lai Lạt ma chia buồn và đóng góp tiền cho công việc cứu trợ sau động đất và sóng thần tại Indonesia

Dharamsala, Ấn Độ - Vị lãnh đạo Tây Tạng Đức Đạt lai Lạt ma đã bày tỏ nỗi buồn của ngài về sự tổn thất nhân mạng và thiệt hại tài sản trong trận động đất và sóng thần tấn công hòn đảo Sulawesi ở Indonesia.

Trận động đất 7.5 độ richter xảy ra ngoài khơi đảo Sulawesi ở độ sâu 10 km vào ngày 28-9-2018 đã tạo sóng thần cao 6 mét đánh vào bờ biển, tàn phá các thị trấn đánh cá và các bãi biển nghỉ mát tại đây.

Đức Đạt lai Lạt ma, người

từng viếng thăm đất nước này vào năm 1982, đã viết cho Tổng thống Indonesia, H.E. Joko Widodo, "Tôi muốn bày tỏ nỗi buồn sâu sắc của mình về sự tổn thất nhân mạng bị thương và thiệt hại tài sản, cũng như những khó khăn gây ra cho quá nhiều người - do trận động đất và sóng thần lớn đã giết chết nhiều người và làm bị thương rất nhiều người nữa trên đảo Sulawesi."

Nhà lãnh đạo Tây Tạng cũng tặng một khoản 50.000 USD từ Quỹ Đạt lai Lạt ma cho những nỗ lực cứu trợ.

(Phayul - October 1, 2018)



Động đất và sóng thần xảy ra tại đảo Sulawesi, Indonesia
Photo: Phayul & Reuters



TRUNG QUỐC: Đền thờ Phật giáo cổ xưa 'trông giống như Lego' do việc sơn phục chế bị hỏng

Sau khi việc phục chế bị hỏng, một đền thờ Phật giáo ngàn năm tuổi được chạm khắc vào một sườn núi đã bị so sánh với Lego và với tác phẩm nghệ thuật của một đứa trẻ.

Người ta đã tô màu các tượng Phật tại ngôi đền hang động ở tỉnh Tứ Xuyên này.

Nhiều người nói rằng những bức tượng thiêng liêng nói trên bây giờ trông giống đồ chơi trẻ em hơn, và một số người trên mạng trực tuyến gọi đây là những tượng "Lego".

Đền thờ có 9 tượng Phật khắc trên mặt đá này được cho là có niên đại từ thời nhà Đường (618-907 AD).

Không có tổ chức chính phủ chính thức nào tuyên bố chịu trách nhiệm về công việc phục chế bị hỏng nói trên.

(Mirror - October 2, 2018)



Các tượng Phật trước và sau khi phục chế
Photos: AsiaWire



NHẬT BẢN: 1,001 tượng Phật được tập hợp lại tại Kyoto lần đầu tiên kể từ năm 1992

Kyoto, Nhật Bản - Lần đầu tiên trong 26 năm - kể từ năm 1992 - tất cả 1,001 tượng Phật của chùa Sanjusangendo, chánh điện của ngôi đền Rengeoin, đã được tái hợp và sẽ trưng bày cho công chúng từ ngày 3-10 đến 26-11-2018.

Đây là các pho tượng Thiên thủ Quán Thế Âm Bồ tát bằng gỗ, có kích thước bằng người thật, được chính phủ chỉ định là tài sản quan trọng.

Công trình khôi phục 45 năm của các tượng này đã được hoàn thành vào năm ngoái. Vào tháng 3, Hội đồng

Văn hóa của chính phủ đã kiến nghị rằng 1,001 pho tượng cần được nâng cấp chung thành một kho báu quốc gia.

Để kỷ niệm việc nâng cấp theo kế hoạch trong tương lai gần, 5 pho tượng mà các bảo tàng quốc gia ở Tokyo, Kyoto và Nara mượn đã được trả lại cho chùa Sanjusangendo.

(asahi.com - October 3, 2018)



Tất cả 1,001 tượng Phật được tập hợp lại tại chùa Sanjusangendo ở Kyoto vào ngày 2-10-2018—Photos: Ryo Kato

ĐÀI LOAN: Phái đoàn Vatican sẽ đến Đài Loan để dự hội thảo Thiên chúa giáo - Phật giáo quốc tế vào tháng 10-2018

Ngày 4-10-2018, Bộ Ngoại giao Đài Loan cho biết một phái đoàn quan chức Vatican sẽ thăm Đài Loan trong tháng 10 để dự một cuộc hội thảo chung với Phật Quang Sơn, tu viện Phật giáo lớn nhất tại đảo quốc này.

Hội đồng Giáo hoàng về Đối thoại Liên tôn giáo (PCID) và tu viện Phật Quang Sơn sẽ tổ chức một hội thảo Thiên chúa giáo-Phật giáo quốc tế tại thành phố Cao Hùng, nam Đài Loan.

Sẽ có khoảng 60 đại biểu từ 16 quốc gia tham dự hội thảo để phát huy sự hiểu biết lẫn nhau giữa 2 tôn giáo này.

Theo Bộ Ngoại giao Đài Loan, cuộc hội thảo - diễn ra từ ngày 13 đến 20-10-2018 theo lịch trình - sẽ là sự kiện liên tôn giáo lần thứ ba được tổ chức tại Đài Loan kể từ năm ngoái.

(Focus Taiwan - October 4, 2018)

XÚNG DANH THẠCH TRỤ

Thành kính tưởng niệm
Giác Linh TL Hoà Thượng thượng Minh hạ Cảnh
(1937-2018)



*Huệ Quang thừa kế xứng cao Tăng
Tứ Điển dịch kinh lẫm nhọc nhàn
Đào tạo Tăng tài hăng nghị ngại
Lưu truyền Phật Pháp mãi vinh thăng
Hán Nôm phiên dịch Ngài khai triển
Đàn Giới Yết Ma tuyển Phật hoàng
Trong nước tựa nương Ngài Trí Tịnh
Làng Mai Nhất Hạnh hiệp truyền đăng...!*

Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật
Pháp Hoa – Nam Úc, 13/10/2018

TK THÍCH VIÊN THÀNH
khê thủ

NỘI DUNG KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

HT. Thích Thắng Hoan

(trích từ tác phẩm *YẾU CHỈ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA*)

(tiếp theo)

23.- PHẨM DƯỢC VƯƠNG BỒ TÁT BỒN SỰ:

Từ Phẩm 22 trở về trước, đức Phật Thích Ca chỉ lý giải phần "Diệu Dụng" của Pháp Thân Thường Trụ của Như Lai qua hình thức Khai, hình thức Thị và hình thức Tô Ngộ về tri kiến của Phật. Từ Phẩm 23 trở về sau, đức Phật Thích Ca lại trình bày phần "Diệu Hạnh" để chỉ rõ cách thức chứng đắc vào tri kiến của Phật (Nhập Phật Tri Kiến). Về phần Diệu Hạnh, tức là phần hành trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa một cách mẫu nhiệm để được chứng đắc tri kiến của Phật, đức Phật Thích Ca giới thiệu thêm 6 phẩm kế tiếp là Dược Vương Bồ Tát, Diệu Âm Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát, Diệu Trang Nghiêm Bồ Tát và Phổ Hiền Bồ Tát - là những Bồ Tát đã chứng đắc tri kiến của Phật, đồng thời các Bồ Tát này sử dụng những năng lực bí mật để gia hộ những chúng sanh thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa qua Phẩm Đà La Ni.

Trước hết, đức Phật Thích Ca giới thiệu với Bồ Tát Tú Vương Hoa về hình ảnh Diệu Hạnh của Bồ Tát Dược Vương. Hình ảnh Diệu hạnh của Bồ Tát Dược Vương nghĩa là trong quá trình tu tập, Bồ Tát Dược Vương nương nơi Kinh Pháp Hoa để dứt sạch vô minh phiền não, để phá trừ ngã chấp pháp chấp và nhờ đó đạt thành được diệu hạnh, chứng được tri kiến của Phật. Sau khi chứng đắc tri kiến của Phật, Bồ Tát trở thành vị Đại Lương Y với danh hiệu là Dược Vương cứu lành thân bệnh và tâm bệnh của tất cả chúng sanh. Diệu Hạnh của Dược Vương Bồ Tát như sau:

Tiền thân của Bồ Tát Dược Vương chính là Bồ Tát Nhứt Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến. Bồ Tát Nhứt Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến sau khi nghe Phật Nhứt Nguyệt Tịnh Minh Đức thuyết kinh Pháp Hoa liền phát tâm bồ đề, tinh tấn tu tập khổ hạnh và kết quả cuối cùng chứng đắc một thứ Thiên Định gọi là Hiện Nhứt Thiết Sắc Thân Tam Muội. Hiện Nhứt Thiết Sắc Thân Tam Muội nghĩa là một thứ Thiên Định có công năng thể

hiện được tất cả sắc thân để tùy duyên hóa độ muôn loài chúng sanh.

Khi được chứng được Tam Muội này, liền nghĩ đến công ơn giáo hóa của đức Phật Nhứt Nguyệt Tịnh Minh Đức, Bồ Tát Nhứt Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến, trước hết dùng vật cúng dường và sau dùng bản thân cúng dường bằng cách vận dụng thần lực tự thiêu bản thân để cúng dường, trong kinh gọi là "Chân Pháp Cúng Dường Như Lai". Nhờ tinh tấn thực hành công được Diệu Hạnh để cúng dường Phật, Bồ Tát Nhứt Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến liền đạt thành pháp môn "Giải Nhứt Thiết Chúng Sanh Ngôn Ngữ Đà La Ni" với một sắc thân khác trong những Hiện Nhứt Thiết Sắc Thân Tam Muội ở nơi cõi của đức Phật Nhứt Nguyệt Tịnh Minh Đức. Giải Nhứt Thiết Chúng Sanh Ngôn Ngữ



Đà La Ni nghĩa là một thứ thần lực có thể giảng giải tất cả ngôn ngữ của mọi loài chúng sanh. Bồ Tát nương nơi thần lực đó nghe được các bài kệ Chân Ca La, Tần Bà La và A Súc Bà của Kinh Pháp Hoa phát ra từ vô lượng hằng hà sa cõi.

Tiếp theo Bồ Tát được đức Phật Nhứt Nguyệt Tịnh Minh Đức phó chúc rằng: "Sau khi ta diệt độ, có bao nhiêu xá lợi cũng phó chúc cho ông, nên làm cho lưu bố rộng bày các việc cúng dường, nên xây bao nhiêu nghìn tháp". Đức Phật Nhứt Nguyệt Tịnh Minh Đức phó chúc xong liền nhập Niết Bàn. Bồ Tát y theo lời phó chúc của Phật thực hiện hoàn tất phép trà tỳ (hỏa táng) và sau đó kế tiếp phát nguyện Diệu Hạnh lần thứ hai để cúng dường Phật, gọi là "Cúng Dường Xá Lợi". Bồ Tát cúng dường xá lợi bằng cách xả bỏ và thiêu đốt hay tay. Nhờ cách cúng dường này, Bồ Tát chứng được kim thân của Phật và trọn vẹn được phước đức cùng trí tuệ thuần hậu của một Bồ Tát. Về sau Bồ Tát chuyên cần tu trì Diệu Hạnh xả thân bồ thí như thể trải qua vô lượng vô số kiếp liền chứng được ngôi vị Dược Vương. Dược Vương là ngôi vị có khả năng trị liệu thân bệnh và tâm bệnh phiền não thâm căn của muôn loài chúng sanh qua thần lực của Kinh Pháp Hoa. Giờ đây Bồ Tát Nhứt Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến được mang pháp hiệu là Dược Vương Bồ Tát và Diệu Hạnh

tu tập của Bồ Tát được gọi là "Kinh Dược Vương Bồ Tát Bốn Sự."

Trong phẩm này có những điều cần phải quan tâm để nhận thức chân giá trị của nó qua những hiện tượng như, sự chứng được Hiện Nhứt Thiết Sắc Thân Tam Muội, sự thiêu thân cúng dường, sự chứng được Giải Nhứt Thiết Chúng Sanh Ngôn Ngữ Đà La Ni, sự chứng được Kim Thân của Phật v.v... Đó là những gút đã được trình bày trong kinh mà chúng ta cần phải quán chiếu chiều sâu của chúng để lãnh hội, mặc dù chúng ta lãnh hội chỉ giới hạn một khía cạnh nào tương đối của những sự việc nói trên.

1/- HIỆN NHỨT THIẾT SẮC THÂN TAM MUỘI:

Sắc thân đây tức là chỉ cho ngã tướng của tất cả chúng sanh hữu tình từ trong Tạng Thức Alaya đã được xây dựng thành hình tướng. Tạng Thức Alaya nơi mỗi chúng sanh hữu tình đã chứa vô lượng vô số hình bóng quan hệ của tất cả chúng sanh hữu tình khác gọi là hạt giống ngã tướng. Nào hạt giống ngã tướng (hình bóng) cha mẹ anh em, bạn bè thân hữu v.v... đã chứa đầy trong Tạng Thức Alaya của mỗi người con. Giả sử hạt giống ngã tướng của một người nào nếu được Tạng Thức Alaya xây dựng thì sẽ thành sắc thân của người đó hiện hữu trong thế gian. Từ đây cho thấy, Tạng Thức Alaya là một năng lực phi thường có thể xây dựng tất cả ngã tướng của muôn loài chúng sanh biến thành sắc thân. Như Tạng Thức Alaya thường hay biến hiện sắc thân người bạn hữu quý mến của mình trong giấc mơ để sinh hoạt. Tạng Thức Alaya theo luận Đại Thừa Khởi Tín của ngài Mã Minh chính là biến tướng của Tạng Như Lai.

Tam Muội nghĩa là chánh định, một thứ thiền định có thể điều khiển được Tạng Thức Alaya nơi mỗi chúng sanh để biến hiện vô số sắc thân từ nơi hạt giống ngã tướng theo ý muốn. Người đời tu thiền phần đông chỉ tu Ý Thức nhiều hơn là tu Tâm Thức Alaya, nhưng trong kinh đức Phật lại dạy hành giả cần phải tu Tâm Thức Alaya nhiều hơn là tu Ý Thức, nguyên vì Ý Thức thì thuộc về vọng tâm mà bản chất của nó không phải Chân Tâm. Bản chất của Tạng Thức Alaya mới thực sự là Chân Tâm và từ lý do đó Tạng Thức Alaya chính là Tạng Như Lai đã bị biến tướng. Ý Thức chỉ có khả năng xây dựng những pháp không thể chắc như là người máy, cỏ cây hoa lá bằng chất nhựa hóa học thuộc loại không có sức sống ở trong v.v... và Ý Thức này không có khả năng xây dựng những pháp có thể chắc chắn thật như là con người, cỏ cây hoa lá thuộc loại có sức sống ở trong v.v... Năng lực của Ý Thức khác hơn năng lực của Tâm Thức Alaya. Năng lực của Ý Thức là trí tuệ Diệu Quan Sát chỉ hiểu biết bên ngoài của vạn pháp cũng tương tự như năng lực dòng điện của bóng đèn chỉ soi sáng sự vật trong nhà. Trái lại năng lực của Tạng Thức Alaya chính là Trí Tuệ Đại Viên Cảnh có

khả năng tàng trữ, xây dựng và bảo trì sự sống của tất cả vạn pháp cũng tương tự như năng lực dòng điện trong người máy có thể thay thế con người làm tất cả mọi việc. Thiền Định thuộc Tam Muội mới đủ sức điều khiển năng lực Tạng Thức Alaya để xây dựng tất cả hạt giống ngã tướng trong nội tâm biến thành vô số sắc thân một cách tự tại theo chí nguyện. Có thể khẳng định, hành giả muốn sử dụng năng lực Tạng Thức Alaya để xây dựng vô số sắc thân theo ý nguyện của mình như Bồ Tát Nhứt Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến thì phải tu tập và hành trì thiền Tam Muội cho được thuần thục.

2/- SỰ THIÊU THÂN CÚNG DƯỜNG:

Hiện tượng thiêu thân, chặt tay, đốt ngón tay, hay đốt liễu trên đầu để cúng dường chư Phật đối với Thiền Môn không phải vấn đề trọng đại trong luật lệ Phật Giáo, nhất là hiện tượng phát nguyện đốt ngón tay trong ngày đại lễ hay phát nguyện đốt liễu trên đầu trong giới đàn truyền giới là việc làm bình thường của các thầy tu hành trì. Hành giả muốn thiêu thân hay chặt hai tay không bị đau đớn thì trước hết phải sử dụng Thần Lực Tạng Thức Alaya qua thiền Tam Muội để điều khiển Ý Thức tập trung tuyệt đối vào vấn đề nào không cho có cảm giác, cũng giống như Hòa Thượng Thích Quảng Độ sử dụng thiền Tam Muội hướng dẫn Ý Thức của ngài tập trung tuyệt đối vào vấn đề cứu nguy Phật Giáo, cho nên thiêu thân một cách tự tại. Trạng thái này giống như những vị bác sĩ giải phẫu bệnh nhân bằng thuốc mê hoặc chúng ta đốn cây phá rừng một cách tự nhiên không bị chúng phản ứng lại.

Điều đặc biệt hơn nữa, Bồ Tát Nhứt Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến sử dụng lửa Tam Muội nguyên thể qua chánh định để thiêu thân mà không phải dùng lửa biến thể của thế gian để hỏa táng. Ngọn lửa Tam Muội nguyên thể (Static States) phát sanh từ Hòa Đại của pháp tánh trong ba cõi cho nên ánh sáng của nó chiếu tỏa khắp mười phương xuyên qua bản thể của vạn vật. Bồ Tát cúng dường Phật bằng cách thiêu thân với ngọn lửa Tam Muội nói trên. Nhờ phương pháp cúng dường này, Bồ Tát chúng được pháp môn Giải Nhứt Thiết Chúng Sanh Ngôn Ngữ Đà La Ni.

3/- SỰ GIẢI NHỨT THIẾT NGÔN NGỮ ĐÀ LA NI:

Thông thường ai cũng cho rằng chỉ có Ý Thức mới nhận biết được tiếng nói của mọi người qua ngưỡng cửa của Nhĩ Thức. Họ quan niệm như thế cũng không sai, nhưng chưa đúng hoàn toàn, ngoài sự hiểu biết của Ý Thức ra, Tạng Thức Alaya cũng là một loại Tâm Thức có khả năng hiểu biết siêu đẳng những âm thanh của tất cả pháp. Sự hiểu biết của Tâm Thức Alaya thì khác hơn Ý Thức lại phải nhờ Tâm Thức Mạt Na yểm trợ. Cụ thể như cây cỏ chẳng hạn chúng nó chỉ có hai Tâm Thức mà thôi: Tâm Thức Alaya và Tâm Thức Mạt na, nhưng cây cỏ cũng có sinh lý đực cái, cũng biết yêu thương khác giống, cũng sanh sản nảy nở

mầm non ra bông kết trái thì trong đó, chúng nó quyết định cũng biết nghe tiếng nói lẫn nhau. Sự sinh hoạt nghe biết của cây cỏ không giống như sự nghe biết của loài người, của loài động vật. Các nhà khoa học ngày nay đã xác nhận điều trên và họ cho rằng, bông hoa cũng biết nghe âm nhạc.

Đà La Ni là tổng trì, nghĩa là một loại thần lực của Tạng Như Lai được thể hiện qua Đại Định có công năng thâm nhiếp cùng bảo trì tất cả pháp thể gian và xuất thể gian, trong đó lẽ dĩ nhiên bao gồm tất cả ngôn ngữ của muôn loài chúng sanh. Ngôn ngữ của muôn loài chúng sanh đều tàng trữ trong Thức Tạng (Alaya) với hình thức tiềm năng (Memories) và hơn nữa Thức Tạng của mỗi loại chúng sanh đều cùng một thể tánh Tạng Như Lai, cho nên Tạng Như Lai có thể dung hợp và giải bày tất cả tiềm năng ngôn ngữ qua điều dụng của thần lực. Thần lực của Tạng Như Lai có công năng chuyển ngữ tất cả tiếng nói muôn loài chúng sanh được gọi là Giải Nhứt Thiết Chúng Sanh Ngôn Ngữ Đà La Ni. Hiện tượng này cũng tương tự như Đài Truyền Thanh phát thanh ra nhiều thứ tiếng trên thế giới. Bồ Tát Nhứt Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến chứng được Đà La Ni này qua Đại Định nên gọi là Giải Nhứt Thiết Chúng Sanh Ngôn Ngữ Đà La Ni.

4/- KIM THÂN CỦA PHẬT:

Kim Thân là thân sắc vàng của Phật, thân này do trí tuệ của Phật tạo thành cũng như mặt trời là do khối năng lượng của điện không gian hội tụ để soi sáng trần gian. Trong kinh đức Phật nói: tất cả chúng sanh đều có Phật Tánh, nhưng Pháp Thân của Phật không phải nghiệp thân của chúng sanh. Pháp Thân của Phật được xây dựng bằng Trí Tuệ sáng suốt cho nên gọi là Kim Thân của Phật. Bồ Tát Nhứt Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến chứng được Pháp Thân này của Phật qua lời phát nguyện khi hủy bỏ thân phương tiện độ tha của một Bồ Tát.

Tóm lại đây là những hiện tượng thuộc điều dụng của Thần Lực Như Lai trong phẩm Dược Vương Bồ Tát thứ 23 mà Bồ Tát Nhứt Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến hành trì Kinh Pháp Hoa và chứng đắc qua đại định chân chánh. Điều dụng của Thần Lực Như Lai vô cùng phi thường mà khả năng của Ý Thức không thể nghĩ bàn. Ý Thức chỉ có khả năng hiểu biết những sự vật qua ảo giác thì không thể nào thấu triệt được điều dụng phi phạm của Thần Lực Như Lai. Muốn có điều dụng của Thần Lực Như Lai như Bồ Tát Nhứt Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến, hành giả phải tu tập Thiền Tam Muội để có Đà La Ni làm phương châm đạo và hành giả khi đạt được đạo qua phương châm Đà La Ni nói trên thì lẽ dĩ nhiên đã chứng đắc tri kiến của Phật (Nhập Phật Tri Kiến) một cách mau nhiệm.

(còn tiếp)

QUÊ TÔI

*Thừa Thiên, xứ Huế quê tôi,
Bắc giáp Quảng Trị nam thời Quảng Nam.
Miền đông giáp với biển đông,
Trường sơn tây giáp suốt dòng quê tôi.*

*Mười hai quận hạc bao đời,
Đé đô kiến lập quê tôi tổ tông.
Từ đồng ruộng đến phố phường,
Người dân mộc mạc vuông tròn như nhau.*

*Không phân kẻ khó người giàu,
Đâu đâu cũng có tươi màu chùa hương.
Đâu đâu cũng có học đường,
Tận tình đào tạo con đường văn nhân.*

*Nông thôn xa, phố thị gần,
Xem nhau ruột thịt tình thân mới là.
Cho dù thế cuộc phiêu pha,
Tình thâm vẫn giữ mới là Thừa Thiên.*

thơ

ĐNT TÍN NGHĨA

Mậu tuất Quý thu, Oct. 01st, 2018



Chuyến Đi Úc Chứng Minh Đại Lễ Khánh Thành Chùa Trúc Lâm – 2018

ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

Ngày 11 tháng 09 năm nay 2018, là ngày tôi đi Úc châu để vừa chứng minh Đại lễ vừa thuyết giảng trong ngày Khánh thành chùa Trúc Lâm, do sự đệ của tôi là vị chủ xưởng tạo dựng khi mang tâm trạng xa quê với mục đích giữ trọn tấm thân đã phát nguyện theo gót chân Phật. Trong ngày Đại hội đầu xuân của Giáo hội họp tại chùa Bát Nhã, tôi cũng có thưa với Giáo hội và Hòa thượng Thông Hải, là: năm nay Tín Nghĩa tôi không thể thân lâm tham dự Khóa Tu Học Bắc Mỹ được, lý do như trên.

Trước khi đi vào phần chính của đề tài, chúng tôi cũng tạm nói qua một vài nét về Thượng tọa Thích Tâm Minh.

Thượng tọa Tâm Minh khi tu học ở Tổ Đình Trúc Lâm - Cổ đô Huế, được bốn sư cho Pháp danh là Nguyễn Tịnh. Trong suốt thời gian tu học, thầy rất chuyên chú, cần mẫn và cũng thuộc lớp tu sĩ trẻ khá xuất sắc. Thầy được chính chúng tôi (*Tín Nghĩa*), trực tiếp hướng dẫn bậc Tiểu học mà bản thân chúng tôi là Hiệu trưởng, cho đến khi thi vào lớp Đệ thất trường Quốc Học - Huế. Đặc biệt ngôi trường năm lớp này chỉ dạy bữa trưa từ 10 giờ sáng cho đến 2 giờ chiều; vì, trước khi cắp sách đến trường học và sau khi tan trường là lớp học sinh này đa phần phải về giữ trâu hoặc bò, hoặc phụ giúp gia đình. Ngôi trường năm lớp này tọa lạc trong khuôn viên Tổ Đình Trúc Lâm. Từ lớp Một đến lớp Ba thì chư Tăng phụ trách, còn lớp bốn và lớp Năm chúng tôi tuyển Giáo viên và có thù lao hảnh hoi. Chính Đại tá Lê Văn Thân, đương kim Tỉnh trưởng kiêm Thị trưởng Thừa Thiên - Huế cũng phải nể vì. Duy nhất chỉ có Tổ Đình Trúc Lâm mới có hiện tượng khá đặc thù như vậy.

Chương trình tu học đang trên đà êm đẹp, thì tháng Tư đen của 1975 đã đưa mọi người đi một ngả. Thầy Tâm Minh vào Sài Gòn tu học tại Tu viện Già Lam và chùa Vạn Phước.

Năm 1989, Thầy vượt biên đến tỵ nạn tại trại Galang, Indonesia và sống ở đây hơn hai năm.

Tháng 10 năm 1991, Thầy qua định cư ở Úc Đại Lợi.

Ban đầu Thầy sinh hoạt tại chùa Phước Huệ, sau đó ra ngoài sống lang thang một thời gian ngắn để tìm nơi an thân.

a.- Năm 1993, Thầy ra khỏi Phước Huệ,

thuê được một ngôi nhà tạm để lập chùa sinh hoạt, hướng dẫn Phật tử đã từng quen biết theo thầy để cùng tu tập.

b.- Năm 1994, dời chùa lần thứ hai.

c.- Năm 2009, mua ngôi nhà thứ nhất và chính thức lập chùa tại địa điểm 13 Winspear Avenue, Bankstown – NSW – 2200, với tên Trúc Lâm cho đến ngày Khánh thành. Lúc ban đầu chùa mới có, nhưng đơn sơ thì bao nhiêu biến động xảy đến rất khắc nghiệt. Thầy đã vận dụng Bi-Trí-Dũng để vượt qua các biến động xảy đến cho Giáo Hội cũng như cho ngôi chùa Trúc Lâm này.

(*CP xin lược bớt 2 đoạn*)

Hiện tại Thượng tọa là Tổng vụ trưởng Tổng vụ Thanh niên Gia đình Phật tử, Hội đồng Điều hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Úc Đại Lợi - Tân Tây Lan ; một vị Sám chủ và Gia trì sư có tầm cỡ về những Đại lễ lớn không những riêng chỉ cho Giáo hội Úc châu mà cả Hải ngoại nữa. Tất cả những vị Tăng sĩ về Nghi lễ ở hải ngoại không ai mà không biết đến.

Trở lại vấn đề đi Úc lần này cũng có nhiều kỷ niệm khá đặc biệt của riêng tôi. Số là, những lần đi du hóa ở đâu thì tôi dùng tuyến đường đi thẳng, rất ít bị dừng lại một nơi nào đó rồi đi tiếp; ngoại trừ dừng lại là vì tôi muốn thăm một vài vị đồng sự pháp lữ vong niên cũng mang tâm trạng tỵ nạn, rồi cũng lập chùa như tôi, như: Hòa thượng Trường Sanh ở Tân Tây Lan, Hòa thượng Tánh Thiết ở chùa Thiện Minh, Lyon, Pháp quốc hay Ngày Về Nguồn 5 tại Tây Đức do Hòa thượng Như Điển làm





trưởng ban tổ chức,...

Khi đi, không có gì trở ngại. Lên máy bay từ phi trường Dallas, xuống máy bay phi trường Sydney.

Khi về, trong vé có chuyển bay và ngày giờ đã ấn định như vé đã mua; tuy nhiên khi ra đến phi trường, Thượng tọa Tâm Minh nói "Con đậu xe vào parking lot rồi cùng với ôn vào quầy vé, đầu đó xong xuôi, con hãy về." Tôi nói:

"Thôi, Tâm Minh công việc bề bộn chưa lo xong và còn hai đứa em từ Việt Nam qua phụ giúp trong mấy ngày lễ nữa, dù sao cũng là khách mình phải có bốn phận."

Thầy Tâm Minh ngoan ngoãn lái xe về. Tôi vào nơi quầy đổi vé để lấy Boarding Pass, nhân viên bảo máy bay có vấn đề và phát cho tôi một phiếu ăn, một phiếu đi taxi có địa chỉ do hãng chỉ định đưa về phòng ngủ. Tôi nói không cần thiết, vì tôi đã có người nhà đưa đón.

Thầy Tâm Minh từ giả, chạy chưa được nửa giờ, tôi gọi điện thoại nói:

"Tâm Minh ơi, thầy quay lại đón ôn về, vì không có máy bay, họ nói ngày mai trở lại."

"Thầy Tâm Minh nói, ôn ngồi đợi con."

Thế là, thầy quay lại đón. Khổ nỗi khi đi thì chỉ bốn mươi lăm phút, khi về mới hai mươi phút; tìm cách trở lại vô cùng khó khăn vì đã vào đường hầm. Quay xe trở lại, chốc chốc Tâm Minh lại gọi và nói:

"Ôn gắng đợi con, đừng đi đâu hết, cứ ở ngay địa điểm Qantas cho dễ tìm."

Thế mà, tôi ngồi đợi mất một tiếng rưỡi đồng hồ, vì lượn xe ra vào phi trường mỗi lúc một đông.

Thầy Tâm Minh vừa tới, hai huynh đệ ra Parking Lot lấy xe về lại chùa. Từ đây về chùa phải nói là bò chứ không phải chạy nữa đâu. Về đến chùa là 11 giờ 20 sáng, và cũng là giờ ngộ trai của đại chúng.

Qua ngày sau, hai huynh đệ dậy thật sớm và đi liền ra phi trường 4 giờ rưỡi sáng. Xe chạy bon bon chưa tới 40 phút. Kinh nghiệm ngày trước, chúng tôi đưa xe vào Parking Lot và đứng đĩnh song đôi vào quầy vé. Vì đi quá sớm nên nhân viên chưa làm việc. Xách hành lý đi tới đi lui trong phi trường đợi giờ lấy Boarding Pass.

Bây giờ hoàn cảnh lại khác đi. Không bay trực tiếp từ Sydney và Dallas mà phải qua đổi chuyển bay ở phi trường San Francisco với hãng American Airlines. Trong giây thì cho biết khởi hành lúc 8 giờ 30 sáng, thế mà, phải ngồi miết cho đến 4 giờ 30 chiều máy bay mới cất cánh.

Về đến phi trường San Francisco là 11 giờ sáng cũng cùng ngày thứ Sáu. Bước ra khỏi máy bay, nhân viên đưa một mảnh giấy nhỏ bảo tới quầy vé để đổi lại Boarding Pass mới, vì cái cũ cấp ở Úc không còn chỗ ngồi. Tay xách hành lý chạy lon ton theo mọi người cùng đi trong nội địa.

Đến đây đổi xong Boarding Pass, lại phải sắp hàng vào cổng một lần nữa. Khi vừa đến cổng đợi số 45A, nhân viên cho biết máy bay trực trặc, lại phải ngồi đợi thêm ba giờ đồng hồ nữa. Tội cho cặp vợ chồng trạc tuổi độ 45 trở lại có bốn đứa con dại, hai trai, hai gái. Mỗi đứa ở sau lưng có buộc một sợi dây y như mấy người dẫn chó đi bộ. Vì phi trường náo nhiệt, người lui tới chen chúc sợ con dại bị thất lạc.

Trong vé cho biết máy bay sắp cất cánh thì lại đổi cổng ra vào. Chúng tôi phải xách hành lý chạy một lần nữa đến cổng số 50 cũng mất mười lăm phút. Đôi vợ chồng ấy tay xách nách mang hành lý, lại phải mỗi người cầm thêm hai sợi dây của bốn đứa con. Tuy thế, họ vẫn kịp giờ để vào máy bay.

Thông thường thì tôi không bao giờ gửi hành lý, ngoại trừ những lúc đi gần, máy bay quá nhỏ thì được gửi ngay nơi vào máy bay và khi ra nhận rất dễ dàng. Lần này máy bay lớn, hành khách quá đông nên chỗ để hành lý bị hạn chế. Tôi bị bắt buộc phải gửi hành lý ở quầy vé.

Máy bay, bay đến địa phận tiểu bang New Mexico, phi công bảo thiếu nhiên liệu, bắt buộc phải đáp xuống phi trường Albuquerque. Máy bay mới đáp, phi công cho biết sau khi lấy xong nhiên liệu thì phải đợi thêm một giờ rưỡi nữa, vì ở phi trường Dallas bị mưa to gió lớn không đáp xuống được. Thế là toàn bộ ở lại phi trường hơn hai giờ.

Khi về đến Dallas, nước ngập không vào được, phải ở ngoài phi đạo thêm gần một giờ nữa.



Máy bay vào tới cổng, hành khách đều xuống hết và ra ngồi nơi chỗ lấy hành lý; khổ nỗi nhân viên hết nhiệm vụ đã ra về, phần nhân viên đến làm nối tiếp thì chậm, vì trời mưa to. Ba chuyến máy bay cùng đổ dồn về một chỗ, hành khách kẻ đứng người ngồi, bản thân tôi cũng vậy.

Tội nghiệp cho Ni sư Hạnh Thanh trông đợi tôi về, lái xe đi đón. Tôi bảo:

"Ni sư đừng có đi, mưa to mà thầy chưa lấy được hành lý."

Ni sư vẫn lái xe ra phi trường đón tôi. Chạy cách chùa chưa tới hai cây số, mưa to gió lớn; xe nhỏ xe lớn sắp hàng một dãy đường, chỉ đứng chờ không đi được, Ni sư cho biết.

"Thầy đã nói, Ni sư đừng có đi đón."

Cũng may Ni sư tìm cách quay trở lại chùa và gọi phone cho tôi hay:

"Thầy lấy được hành lý, thuê Taxi mà về, bây giờ con đã về lại chùa rồi."

Tôi cùng hành khách ngồi đợi thêm gần hai giờ nữa mới lấy được hành lý. Ai lấy trước về trước, ai lấy sau về sau. Còn những vị chuyển máy bay để về nhà thì tạm ngủ gà ngủ gật tại phi trường. Cả trong lẫn ngoài đều chật ních cả người là người.

Tội cho cặp vợ chồng kia, tôi lại gần đến hỏi:

"Mấy vị ở đây hay ngoài tiểu bang?"

"Chúng tôi ở Oklahoma City."

Tôi đùa với họ cho vui:

"Thêm một cặp nữa để kéo dây cho vui."

Họ cười và giã biệt. Tôi ra đường kiếm taxi để về chùa. Về tận chùa mở cửa bước vào, Ni sư vẫn chưa ngủ vì còn trông đợi tôi về. Đồng hồ chỉ đúng 5 giờ, tôi đi tắm và chuẩn bị đi tụng công phu sáng vì Phật tử cũng đã có một vài vị đến rồi.

Đây là lần đầu tiên tôi gặp phải hoàn cảnh này và cũng là một kỷ niệm khó quên kể từ khi định cư tại Hoa Kỳ vào ngày 19 tháng 09 năm 1979.

*Quý thu Mậu tuất
Sept. 23, 2018*



MÙA CHỚM VÀO ĐÔNG

*Bây giờ mùa đã chớm vào Đông
Mây trắng mù giăng, trắng ngõ lòng!
Thăm thẳm chiều xa buồn cánh nhận
Hắt hiu đời quạnh nhớ mênh mông!*

*Đã bao lần gọi mây thu lại
Dặm khách chưa tròn bước lãng du
Cánh nhận mù xa chiều dĩ vãng,
Thăm nghe tiếng lá dưới sương mờ.*

*Lòng ai muối xát, và ta nữa,
Nhưng nổi chiều hoang bốn phía trời!
Tiếng vạc canh trâu buồn quá đỗi,
Như tuồng hận sử của muôn đời!*

*Con sông vẫn chảy, đục hay trong
Vẫn tự bao đời Sắc với Không,
Từ lẽ thịnh suy là thế đấy,
Cao bay gì, cũng lụy theo dòng.*

*Thế thôi, như cuộc tuần lưu vậy,
Đông sẽ phai tàn, Xuân sẽ tươi!
Trời đất khai sơ từ buổi ấy,
Nước nguồn, cây cội, mộng ta người.*

*Cái lạnh mùa Đông chùng thế ấy,
Không gian tê tái tuyết sương rơi.
Sao bằng ác nghiệp từ nhân thế,
Gieo rắc niềm đau khắp mọi trời...!*

thơ

MẶC PHƯƠNG TỬ

South Dakota (USA), Cuối thu 2018

SINH VỀ ĐÂU LÀ DO MÌNH

Quảng Tánh

Sau khi kết thúc đời sống hiện tại, chúng ta sẽ theo nghiệp mà thọ sinh vào cảnh giới tương ứng. Theo tuệ giác của Thế Tôn, sinh về đâu, vui hay khổ đều do nghiệp của mình. Không một đấng thần linh hay thế lực siêu nhiên nào có quyền và có thể can thiệp vào quá trình này.

"Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc cùng với chúng Đại Tỳ-kheo năm trăm người.

Lúc ấy trong thành Xá-vệ có một Ưu-bà-tắc vừa mạng chung và lại sanh trong nhà đại Trưởng giả tại thành Xá-vệ. Vị phu nhân lớn nhất mang thai. Thế Tôn dùng thiên nhãn thanh tịnh không tí vết để xem, thấy Ưu-bà-tắc này sanh trong nhà Trưởng giả giàu nhất thành Xá-vệ.

Ngay ngày đó lại có Phạm chí thân hoại mạng chung sanh trong địa ngục. Thế Tôn cũng dùng thiên nhãn xem thấy.

Cũng ngay ngày đó, Trưởng giả Cấp Cô Độc mạng chung, sanh cõi thiện, lên trời. Thế Tôn cũng dùng thiên nhãn xem thấy.

Ngay ngày đó có một Tỳ-kheo diệt độ. Thế Tôn cũng dùng thiên nhãn xem thấy.

Bấy giờ Thế Tôn thấy bốn việc này rồi, liền nói kệ này:

Nếu người thọ bào thai
Hạnh ác vào địa ngục
Người lành sanh lên trời
Vô lậu nhập Niết-bàn.
Nay người hiền thọ sanh
Phạm chí vào địa ngục
Tu-đạt sanh lên trời
Tỳ-kheo thì diệt độ.

Bấy giờ, Thế Tôn từ tịnh thất dậy, đến giảng đường Phổ Tập mà ngồi, rồi Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nay có bốn việc mà nếu người hay tu hành theo thì khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh trong loài người. Thế nào là bốn? Nghĩa là người thân, miệng, ý, mạng thanh tịnh không tí vết, lúc mạng chung sẽ được sanh trong loài người.

Này Tỳ-kheo! Lại có bốn pháp mà nếu

người tu tập, hành theo thì sẽ vào trong địa ngục. Thế nào là bốn? Nghĩa là thân, miệng, ý, mạng không thanh tịnh. Đó là, này Tỳ-kheo! Có bốn pháp này mà nếu có người thân cận thì khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào trong địa ngục.

Lại nữa, này Tỳ-kheo! Lại có bốn pháp mà nếu người tu tập hành theo thì sẽ sanh cõi lành, lên trời. Thế nào là bốn? Bồ thí, nhân ái, lợi người, đồng lợi. Đó là, này Tỳ-kheo! Nếu có người hành bốn pháp này thì khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh cõi lành, lên trời.

Thế nên, các Tỳ-kheo! Nếu có người vọng tộc trong bốn bộ chúng, muốn sanh trong loài người thì hãy tìm phương tiện hành thân, miệng, ý, mạng thanh tịnh. Nếu muốn được sanh cõi trời, cũng hãy tìm phương tiện hành tứ ân. Nếu muốn được hết hữu lậu, thành tựu vô lậu, tâm giải thoát, trí huệ giải thoát, cũng hãy tìm phương tiện hành tứ thiện. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm."

(Kinh Tăng nhất A-hàm, tập II, phẩm 31. Tăng thượng, VNCPHVN ấn hành, 1998, tr.173)

Thật rõ ràng, muốn tái sinh làm người có phước thì hiện tại phải tu "thân, miệng, ý, mạng thanh tịnh." Ngược lại, "thân, miệng, ý, mạng không thanh tịnh" thì bị đọa vào cõi ác. Nếu muốn sinh lên cõi trời cần thực hành "Bồ thí, nhân ái, lợi người, đồng lợi" (Tứ ân), cách gọi khác của Tứ nhiếp. Những ai thực hành Tứ thiện "Thiền có giác, có quán (tâm, tứ); Thiền không giác, không quán; Thiền xả niệm; Thiền khổ vui diệt," thì sẽ dứt hữu lậu, thành tựu vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát.

Thế nên, người đệ tử Phật không cầu xin thần linh, không sợ hãi ma quỷ, biết "nướng tựa hòn đảo chính mình," "tự mình thắp đuốc lên mà đi." Nếu chú tâm, thấy rõ nghiệp nhân mình đang tác tạo thì ắt cũng biết rõ nơi mình sẽ tái sinh vào ở đời sau.



THÀNH TỰU NHỮNG ĐIỀU KIỆN THUẬN LỢI CHO THỜI ĐIỂM LÂM CHUNG

Nguyên bản: *Gaining favorable condition for the time of death*

Tác giả: **ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA**

Anh dịch và hiệu đính: **JEFFREY HOPKINS, PH. D.**

Chuyển ngữ: *Tuệ Uyển*

*Một số chết trong bào thai,
Số khác chết lúc sanh ra,
Nhưng một số lúc chúng có thể
bỏ
Một số khi chúng có thể đi.*

*Một số thì già,
Những người khác là trưởng
thành,
Ra đi từng người một
Như trái cây rơi trên đất.
(ĐỨC PHẬT)*

Thi Kệ Số Sáu

*Xin cho chúng tôi ghi nhớ
những giáo huấn cho sự thực
tập*

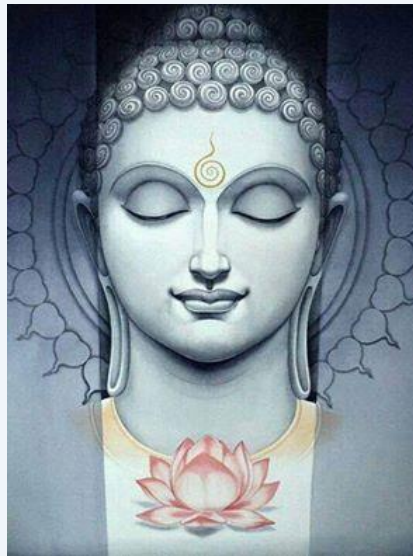
*Khi bác sĩ bỏ rơi chúng tôi
và các nghi thức không có kết
quả,*

*Bạn bè đã bó tay với sự sống của chúng
tôi,*

Và chúng tôi không còn gì nữa để làm.

Chương trước quan tâm chính yếu với hai chướng ngại đến một sự thực tập chính đáng khi lâm chung – đau khổ trần ngập và những hiện tượng sai lầm làm sinh khởi tham luyến, thù oán, hay rối rắm. Trong khi tìm cách để tránh hai chướng ngại này, ta cũng cần phát sinh những thái độ đạo đức bằng việc nhớ lại sự thực tập của chúng ta. Khi không còn hy vọng gì được nữa cho kiếp sống này, khi các bác sĩ đã buông tay, khi những nghi lễ tôn giáo không còn hiệu quả nữa, và khi ngay cả những người bạn và người thân của ta từ trong đáy lòng đã không còn hy vọng, thì ta phải làm những gì có ích. Ngay khi ta có chánh niệm, thì ta phải làm bất cứ điều gì ta có thể giữ tâm thức chúng ta trong một cung cách đạo đức.

Để làm điều này, ta cần nhớ những chỉ dẫn cho việc phát sinh các thái độ đạo đức. Như tôi sẽ bàn luận trong những thi kệ sau, những chỉ dẫn được sử dụng (1) trước linh quang của sự chết; (2) khi linh quang của sự



chết biểu hiện; (3) khi linh quang của sự chết chấm dứt và thể trạng trung ấm thân bắt đầu; và (4) trong thể trạng trung ấm vì thế ta có thể đạt được những thiện xảo du già đặc biệt. Bất cứ chỉ dẫn điều gì ta phải tiếp nhận phù hợp với năng lực và sự thông tuệ của ta cần phải được nhớ một cách rõ ràng vào những lúc này. Hãy điều khiển sự thực tập thông thường của chúng ta ở bất cứ trình độ nào mà ta đã đạt đến trong những lúc này.

Qua năm năng lực sau đây thì sự thực tập của ta có thể có một tác động lớn:

1. **Năng lực của sự quen thuộc:** trau dồi thường xuyên và trở thành quen thuộc đến

bất cứ điều thực tập nào thường lệ của ta là – cho dù đây là sự trau dồi của xu hướng giải thoát khỏi sanh tử luân hồi, việc trau dồi từ ái, bi mẫn, việc trau dồi của mục tiêu để đạt được Giác Ngộ vì lợi ích của chúng sanh, hay việc trau dồi những giai đoạn của Tantra Yoga Tối Thượng.

2. **Năng lực hướng đến tương lai:** hãy nghĩ, “Tôi sẽ duy trì sự thực tập của tôi trong kiếp sống này, thể trạng trung ấm thân, và những kiếp sống tương lai cho đến khi đạt được Quả Phật.”

3. **Năng lực của những thiện nghiệp:** hãy tích tập năng lực của những hành vi phước đức (thiện nghiệp) để thúc đẩy sự thực tập của ta.

4. **Năng lực của việc trừ diệt:** hãy quyết định rằng tất cả những hiện tượng chẳng hạn như sanh, chết, và trung ấm thân chỉ tồn tại một cách lệ thuộc – chúng không có sự tồn tại cố hữu, ngay cả trong vi tế nhất. Hãy thực hiện quyết định này như một phần của niềm tin chúng ta rằng sự tự yếu mền là một kẻ thù, việc suy nghĩ, “Rằng tôi trải nghiệm khổ đau trong vòng luân hồi là qua sự tự yếu mền; gốc

rẻ của sự tự yêu mến đến từ vọng tưởng rằng chúng sanh và mọi thứ là tồn tại cố hữu, trái lại chúng không như vậy.”

5. **Năng lực của nguyện ước:** hãy lập đi lập lại nguyện ước sau đây: “Ngay cả sau khi chết nguyện cho tôi đạt được một thân thể phục vụ như một sự hỗ trợ cho sự thực hành giáo huấn trong kiếp sống tới. Quan tâm cho một sự hướng dẫn tâm linh tuyệt vời, nguyện cho tôi không bị tách rời khỏi sự thực tập.”

Năm năng lực này là đặc biệt lợi lạc trong việc ghi nhớ để thực tập, ngay khi khó để làm như vậy.

Khi rõ ràng rằng một người nào đó sắp chết, bạn bè không nên tập họp chung quanh người ấy trong một cách dính mắc, nắm chặt tay người sắp chết, ôm lấy người ấy khóc lóc đầm lệ, hay than vãn hoàn cảnh. Điều này sẽ không giúp ích gì cả; thay vì thế, cung cách như vậy sẽ làm phát sinh một thái độ thèm khát trong tâm thức người sắp chết, làm hủy hoại bất cứ cơ hội nào cho việc phát sinh một tư duy đạo đức. Bạn bè và người thân nên giúp để cung ứng những điều kiện đúng đắn cho việc phát sinh đạo đức bằng việc nhắc nhở người ấy về những hướng dẫn và thực hành tôn giáo, nói nhỏ nhẹ vào tai cho đến khi hơi thở ra chấm dứt.

Thí dụ, nếu người sắp chết tin vào một Thượng Đế tạo hóa, thế thì hãy nghĩ Thượng Đế có thể làm cho người ấy thoải mái hơn, an bình hơn, và ít dính mắc, sợ hãi, sân hận, và hối tiếc hơn. Nếu người sắp chết tin vào tái sanh, thế thì hãy nghĩ về kiếp sống tới đầy đủ ý nghĩa trong việc phụng sự người khác sẽ có những kết quả tương tự. Một Phật tử có thể chánh niệm về Đức Phật và hồi hướng phước nghiệp trong kiếp sống này đến kiếp sống mới tích cực. Một người không tin ngưỡng có thể quán chiếu tương tự rằng sự chết là một bộ phận tất yếu của đời sống, và bây giờ nó đang diễn ra thì lo lắng không ích gì. Điểm chính là sự an bình của tâm hồn nhằm để không quấy rầy tiến trình của sự chết.

TOÁT YẾU THỰC TẬP

- 1) Thật hữu ích để biết rằng ở một thời điểm nào đó tất cả mọi hy vọng cho sự tiếp tục của kiếp sống này sẽ chấm dứt. Vào lúc ấy bác sĩ, tu sĩ, bè bạn, và người thân không thể giữ ta lại kiếp sống này; nó tùy thuộc vào ta làm bất cứ điều gì hữu ích.
- 2) Trong khi lâm chung, ta cần nhớ lại những hướng dẫn tâm linh phù hợp với trình độ thực tập của chính ta và biểu hiện nó.
- 3) Hãy phát triển việc quen thuộc với sự thực tập của ta. Hãy quyết định duy trì



TỎA SÁNG BÓNG THIỀN TĂNG



Thành kính tưởng niệm Giác Linh
Trưởng Lão Hoà Thượng thượng Minh hạ Cảnh

*Huệ Quang tỏa sáng bóng thiền Tăng,
Minh Cảnh Tôn Sư tỏa ánh rằm.
Viết sách dịch kinh truyền diệu đạo,
Tiếp tăng độ chúng nối tiền nhân.
Khai trường mở lớp mỗi hương tuệ,
Tán đạo nghiêm thân thấp nghĩa ân.
Cõi Phật ngày về sen nở đón,
Đài vàng thượng phẩm nhẹ cao dâng...!*

Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật
California, 12-10-2018

Hậu Học
THÍCH CHÚC HIỀN
khấp đề

đường hướng tâm linh này trong tất cả mọi hoàn cảnh, bất chấp nó khó khăn như thế nào. Hãy dẫn thân trong nhiều hành động phước đức vì thế sự tích lũy năng lực của chúng tác động mọi khía cạnh của sự sống và sự chết của ta. Hãy nhận thấy rằng khổ đau sinh khởi từ sự tự yêu mến và hãy học hỏi để yêu mến người khác. Hãy thường xuyên nguyện ước duy trì sự thực tập tâm linh của ta qua những kiếp sống tương lai.



- 4) Khi một người khác chết, hãy cẩn thận không làm người ấy khó chịu bằng việc làm dính mắc hơn hay kích động sân hận và thù oán. Không kêu la sự ra đi của họ, ôm nắm họ, hay khóc lóc trong sự hiện diện của họ. Hãy giúp đỡ họ ra đi một cách đầy đủ ý nghĩa bằng việc nhắc nhở họ về sự thực tập sâu hơn.
- 5) Nếu hoàn toàn có thể, hãy yêu cầu những người khác cũng làm như ta. Hãy xếp đặt để có người nào đó nói một cách êm dịu vào tai ta thình thoảng, nhắc nhở ta về một thái độ thực tập tâm linh đặc thù mà ta muốn thể hiện.

Thi Kệ Số Bảy

Xin cho chúng tôi có sự tự tin hân hoan và hi lạc

Khi thực phẩm và tài sản được tích lũy với những sự đau khổ bị bỏ lại phía sau

Và chúng tôi chia lìa mãi mãi với những người thân yêu mến và ước mong,

Ra đi đơn độc tới một hoàn cảnh hiểm nghèo.

Thông thường, nếu ta nghe rằng sự chết của ta sắp xảy đến, sẽ thật sâu khổ, không chỉ cho chính ta mà cả bạn bè và gia đình. Trong nỗi đau buồn này, tiến trình của sự chết – sự rút lui dần dần của tâm thức – sẽ xảy ra. Tuy nhiên, nếu như sự giải thích ở trên, ta đã quán chiếu trên tầm quan trọng của việc rút ra tinh hoa của hoàn cảnh kiếp sống này và sự cần thiết cho nhu cầu thực tập tâm linh, và đã quán chiếu lặp đi lặp lại tính vô thường, thế thì qua việc nhớ lại những sự hướng dẫn này trong khi lâm chung, ta sẽ không bị ảnh hưởng bởi những điều kiện không thuận lợi như đau buồn và sâu khổ. Tất cả những hiện tượng phối hợp với sự chết thay vì làm ta xao lãng, lại nhắc nhở ta về sự thực tập và khuyến khích ta hướng đến việc hành thiền.

Với điều này trong tâm, thật sẽ có thể chết với an lạc và tự tin, giống như một đứa bé vui vẻ trở về nhà cha mẹ của nó. Trong những người sẽ đi vào thể trạng trung ấm thân giữa những kiếp sống, điều tốt nhất có thể quyết định sự tái sanh mới của họ; chẳng hạn như

một người có thể chết với sự tự tin, mà không có bất cứ sự lo lắng nào. Một hành giả trung bình sẽ không sợ hãi, và người tột nhất cũng sẽ không có bất cứ sự hối tiếc nào. Vì ta đã chuẩn bị cho việc tái sanh trong một cung cách đầy đủ ý nghĩa – có thể tiếp tục sự nỗ lực tâm linh – không có hối tiếc, phiền muộn hay sợ hãi khi sự chết đến. Tâm thức chúng ta có thể ra đi với sự tự tin mạnh mẽ.

Một số tu sĩ và học giả mà tôi biết đã chết trong cung cách ấy. Họ nhận ra rằng họ sắp chết và mời

gọi những người quen của họ lại để chào giá biệt. Vào ngày họ chết họ đắp lên bộ y màu vàng nghệ, và thắm nhập thiền định mà không có một chút lo lắng nào về sự chết. Một tu sĩ ở Dharamsala, sau khi sau khi yêu cầu người thị giả đem cà sạ đến, ngài đắp lên và qua đời. Một vài vị ở Ấn Độ này đã có thể ở trong tâm linh quang trong nhiều ngày – một người là mười bảy ngày, những người khác trong chín hay mười ngày. Như một dấu hiệu của điều này, sau họ ngừng thở, thân thể của họ vẫn tươi nhuận, không có một chút mùi hôi nào, vào toàn thời gian ấy trong xứ sở nóng bức này. Những cá nhân như vậy có thể duy trì không có biến động trong tâm linh quang của sự chết, và chết với sự tự tin và an lạc.

Trưởng lão giáo thọ của tôi, Ling Rinpochoy, đã nói với tôi câu chuyện của một vị Lạt ma thật vui và buồn cùng một lúc. Vào lúc gần qua đời, vị Lạt ma đắp cà sạ và nói với những người thiện hữu của ngài rằng ngài sắp chết. Sau đó, trong khi đang ngồi trong tư thế hoa sen của thiền tập, ngài viên tịch. Một trong những học trò mới của ngài, vừa đến từ một vùng xa xôi, không biết về khả năng viên tịch trong tư thế ngồi thiền, vào phòng của vị Lạt ma và đã thấy thân thể của vị thầy trong tư thế ngồi dậy. Ông ta tưởng rằng một linh thức nào đã nhập vào thân thể của thầy ông, cho nên ông đã xô ngã thân xác ấy xuống!

TOÁT YẾU THỰC TẬP

Tránh bị sâu não về sự chết, hãy nương tựa trong tôn giáo tương ứng với ta trong lòng từ bi cho tất cả chúng sanh; quán chiếu về tầm quan trọng của việc rút ra những tinh hoa của kiếp sống hiện tại, là thứ cho phép cho ta với cả việc thoải mái và những cần thiết của việc thực tập tâm linh, và hãy quán chiếu lặp đi lặp lại về tính vô thường.

Với căn bản ấy cho việc nhớ lại một cách hiệu quả sự thực tập của ta trong khi lâm chung, thì ngay cả những sự kiện và hiện tượng kinh khủng có thể xảy ra sẽ chỉ phục vụ để thúc giục ta tỉnh lặng và để hành thiền với niềm hoan hỉ và tự tin.

Ấn Tâm Lộ, Friday, August 10, 2018

BỐN NHIẾP PHÁP: CÁ NHÂN & QUỐC GIA

Nguyễn Thế Đăng

1. Cá nhân

Bốn nhiếp pháp là bốn cách đối xử với người khác để làm lợi lạc cho người và cho mình trong sự tiến bộ phát triển chung về vật chất lẫn tinh thần. Bốn nhiếp pháp có trong kinh điển hệ Pali Nam tông và hệ Sanskrit Bắc tông. Ở Bắc tông được nhấn mạnh hơn bởi vì đây là sự thực hành hòa nhập và lợi lạc cho xã hội, đưa xã hội tiến bộ, của người thực hành đạo Bồ-tát.

Bố thí: là cho, chia sẻ, không bám giữ vào tài sản vật chất và tinh thần. Ngược lại với bố thí là sự keo kiệt, ích kỷ.

Người ta có thể cho bất kỳ lúc nào. Chẳng hạn, có người hỏi đường, ta chỉ cho họ căn kê, như vậy là ta đã cho họ chút ít thời gian của mình, một chút công sức, và có thể một chút lòng tốt, tâm từ. Một nụ cười, một cái gật đầu chào, đó là cho. Sự cho đem lại dễ chịu, niềm vui cho cả hai bên.

Nếu thường giữ ý tưởng cho, trong một ngày chúng ta sẽ có rất nhiều cơ hội để cho, để đem lại sự vui lòng cho người khác, để niềm vui của lòng tốt nở hoa giữa cuộc đời. Khi sống với ý tưởng cho, tự nhiên chúng ta thấy mình rất giàu có, vì có rất nhiều thứ để cho, thậm chí một ý nghĩ chúc lành trong tâm đã là cho rồi. Cho tạo ra sự thân quen, gần gũi và làm cho tâm hồn chúng ta và người khác rộng lớn ra, vui vẻ hơn.

Khi tụng kinh hay làm một việc tốt chúng ta hồi hướng, đó là cho. Thấy một cảnh đẹp, chúng ta mong muốn người khác cũng được hưởng thụ những cảnh đẹp như vậy, đó là cho. Cho làm cho tâm rộng ra, thư thái, trong sạch vì thoát khỏi bám chấp, ích kỷ, hạn cuộc.

Cho là một hành động từ bi; và khi được kết hợp với trí huệ, nghĩa là sự thấy được tính cách không cách biệt ngăn ngại giữa chủ thể và đối tượng, thì đây là một pháp

thực hành của Bồ-tát: từ bi bao la kết hợp với trí huệ không có chướng ngại, trí huệ vô ngại.

Ái ngữ: Lời nói là sự biểu lộ của tâm. Tâm ta cấu kinh, bực dọc, công kích, đập phá thì lời nói của ta cũng cấu kinh, bực dọc, công kích, đập phá. Ái ngữ là lời nói tử tế, an hòa, xây dựng, hòa hợp, độ lượng. Thực hành lời nói như vậy thì tâm ta cũng tử tế, hòa hợp, từ bi. Nói để lấy lòng, nịnh nọt, bóp méo sự thật thì không phải là ái ngữ. Để nói đúng (chánh ngữ) thì phải thấy đúng (chánh kiến), như vậy phải có trí huệ.

Ái ngữ là sự nối kết giữa người này và người khác bằng từ bi và trí huệ để tiến bộ. Cho nên ái ngữ là một thực hành của Bồ-tát.

Lợi hành là hành động lợi ích cho người khác. Ngày nay, với sự phản công trong một xã hội như một hệ thống mà việc làm của một người ảnh hưởng đến toàn bộ hệ thống, thì mỗi người dù muốn hay không đều bắt buộc làm lợi ích cho người khác. Để lãnh lương, anh điện phải thường

trực cung cấp điện, anh nước phải sửa ngay đường ống nứt bể, anh vệ sinh phải lấy rác mỗi ngày. Mỗi người như một con ong, làm việc để duy trì và phát triển tổ ong.

Nhưng lợi hành còn hơn là sự bắt buộc hay bốn phận. Lợi hành là cái tâm tích cực luôn luôn làm điều lợi ích cho người khác không chỉ ở chỗ làm mà trong mọi sinh hoạt của xã hội. Lượm một bao nhựa bỏ vào thùng rác công cộng, đó là lợi hành. Dạy học trò với mục tiêu đào tạo những công dân tốt, giỏi cho xã hội, đó là lợi hành. Lợi hành có mặt ở mọi phương diện xã hội, mọi cấp độ của xã hội, từ chức vụ cao nhất đến chức vụ thấp nhất.

Chúng ta thấy ngày nay trên thế giới những xã hội, những quốc gia phát triển nhất đều có tinh thần lợi hành cao nhất. Một điều dễ thấy là những quốc gia giàu có nhất đều có năng suất lao động cao nhất.



Lợi hành là một phương diện của từ bi, và còn được kết hợp với trí huệ không tham, không sân, không si để được tự do ngay khi làm. Nhờ trí huệ, lợi hành được trở nên thanh tịnh và thành thật, không tự lừa dối, và do đó tâm trong sáng, an vui.

Đồng sự là cùng làm với người khác, cùng chia sẻ công việc, hợp tác với người khác. Người tiến bộ không đứng ngoài công việc và số phận của người khác. Trong ý nghĩa rộng hơn, đồng sự là cùng sống một thân phận làm người với người khác, cùng nhận chịu một sanh tử với chúng sanh, cùng hợp tác để đưa mọi người tiến bộ về vật chất và tâm linh.

Cùng chung một số phận với chúng sanh để làm lợi lạc cho họ, đây là lòng bi. Nhưng đồng thời với trí huệ, Bồ-tát ở rất xa cái gọi là thế gian này, vì trong trí huệ thì "không có mắt tai mũi lưỡi thân ý, không có sắc thanh hương vị xúc pháp, không có vô minh cho đến lão tử..." (*Bát-nhã Tâm kinh*). Tóm tắt, ở thế gian, cùng làm việc với người khác mà không nhiễm ô bởi thế gian. Đây là chỗ người xưa nói "hòa quang đồng trần."

Chúng ta có thể hỏi bồ thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự ở đời nào cũng phải có, ở bất cứ tổ chức nào cũng phải có, để tổ chức ấy vận hành tốt; đó là những kỹ năng để sống và hợp tác trong bất cứ công việc nào; thế thì cần gì đến Phật giáo chỉ dạy bốn nhiếp pháp này?

Bốn nhiếp pháp này ở đời cũng có, nhưng không sâu sắc, căn bản bằng Phật giáo, vì bốn nhiếp pháp Phật giáo bắt nguồn từ trí huệ và từ bi, nghĩa là từ nền tảng sâu thẳm nhất của con người.

Bốn nhiếp pháp là sự kết hợp của trí huệ và từ bi. Ứng dụng chúng, người ta làm lợi lạc cho người và cho mình trên con đường phát triển một nhân cách cao hơn và rộng hơn. Con đường Bồ-tát đi bằng hai chân trí huệ và từ bi để đến nhân cách cao cả nhất và rộng lớn nhất là nhân cách giác ngộ. Thế nên bốn nhiếp pháp là sự thực hành quan trọng của Bồ-tát.

2. Quốc gia

Ngày nay nhân loại vẫn đang tiến theo chiều hướng tích cực ấy. Điều đó được gọi là sự tiến bộ hay phát triển về vật chất và tinh thần của thế giới. Ngoài những thể chế lớn như Liên hiệp quốc và các tổ chức khác của nó như UNESCO, FAO... còn có các tổ chức phi chính phủ.

Chiến tranh và tăng cường chi phí quân sự là điều đang xảy ra mặc dầu đã mấy ngàn năm phát triển văn hóa văn minh. Chiến tranh là do những xúc tình tiêu cực tham sân si, kiêu căng, đố kỵ, nghi ngờ... Nếu biết sống theo những điều tích cực là bốn nhiếp pháp, những xúc tình tiêu cực sẽ bị loại trừ, nghĩa là loại trừ chiến tranh và những phương tiện của chiến tranh.



Bồ thí hay là sự chia sẻ: qua các viện trợ, cứu trợ... cho các nước nghèo hoặc bị thiên tai. Học bổng du học để giúp đỡ những nước kém phát triển. Mọi nghiên cứu, khám phá trong mọi lãnh vực đều được chia sẻ trong thời đại toàn cầu hóa. Giải Nobel do người Thụy Điển lập ra, nhưng ngày nay nó đã trở thành một giải thưởng thế giới để trao tặng cho những nhân tài bất kể quốc gia, bất kể chủng tộc.

Ái ngữ của một quốc gia là những lời nói, những tuyên bố mang lại hòa hợp, hài hòa, thay vì hung hăng, đưa đến đấu khẩu và chiến tranh. Những tuyên ngôn của Liên hiệp quốc mang tính ái ngữ rõ ràng. Một quốc gia có ái ngữ thì được đánh giá cao, văn minh.

Lợi hành: thế giới là một hệ thống các quốc gia đan xen, tương thông, tương tác. Mỗi quốc gia làm việc với nhau, cạnh tranh một cách hòa bình với nhau để tạo ra những giá trị về vật chất và tinh thần cho cả thế giới. Một nhà hàng ăn, một khu chợ có đủ tất cả các sản phẩm của các nước, nhìn vào đó là chúng ta thấy cả thế giới.

Đời sống một người, dù ý thức rõ ràng hay không, đều đóng góp phần mình vào sự sinh hoạt của thế giới.

Đồng sự: chia sẻ với nhau về số phận con người, sự nóng lên của trái đất, sự hủy hoại môi trường, thiên tai... Chia sẻ với nhau những thành tựu văn hóa, khoa học, kỹ thuật. Một môi lửa chiến tranh là nhiều quốc gia, các khối quốc gia tìm cách dập tắt. Tất cả mọi văn hóa văn minh là để cải thiện số phận con người và mọi quốc gia đều tham gia vào đó. Tinh thần hợp tác không còn là một kêu gọi đạo đức, mà là một tất yếu để nhân loại sống còn và phát triển.

Cho nên bốn nhiếp pháp áp dụng vào đời sống quốc tế sẽ đảm bảo cho sự tồn tại và tiến bộ của nhân loại. Đi ngược lại bốn nhiếp pháp là cản trở và phá hoại sự tiến bộ phát triển của nhân loại, thậm chí tiêu diệt nhân loại. Bốn nhiếp pháp càng được áp dụng thì nhân loại càng sống trong hòa bình, hạnh phúc để phát triển đến sự hoàn thiện của con người.

(Nguồn: thuvienhoasen.org)



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ

TỔNG VỤ NI BỘ

10660 Rosalie Drive, Northglenn, CO 80233 – U.S.A.

Tel.: (303) 350-3570 ; (303) 350-7252

NAM-MÔ BỒN-SU THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT
Thư Mời Tham Dự Hai Ngày Ôn Tập
“GIỚI LUẬT VÀ CÁC PHÁP YẾT MA”

Kính gửi Quý Ni Sư, Quý Sư Cô,

Để nâng cao tinh thần tu học và phát triển tinh đoàn kết của Ni giới Hoa-Kỳ, chúng con thay mặt Ban-điều-hành Tổng vụ Ni Bộ thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, thành kính cung thỉnh quý Ni Sư, quý Sư Cô tham dự hai ngày ôn tập Giới Luật Tỳ-Kheo-Ni và đặc biệt là các Pháp Yết Ma.

Buổi học sẽ được tổ chức tại chùa Bát Nhã:

4717 W. 1st. Street., Santa Ana, California, 92703

Hai ngày, từ 8 giờ sáng đến 5 giờ chiều.

Thứ Tư & thứ Năm, ngày 5 & 6 tháng 12 năm 2018

Chúng con thành kính cung thỉnh quý Ni Sư và quý Sư Cô. Và xin hồi báo càng sớm càng tốt, để Ban tổ chức chúng con chuẩn bị thức ăn sáng và trưa. Kính xin Quý Sư, vui lòng gọi Sư Trưởng Giới Châu.

Cell. (303) 350-7252 – hoặc – Sư Cô Nguyễn Giác. Cell. (714) 277-7843.

Kính chúc quý Ni Sư, quý Sư Cô thân tâm thường lạc, Phật sự viên thành.

Thành kính cung thỉnh,

Colorado. PL. 2561– ngày 17 tháng 10 năm 2018

Quyền Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Ni Bộ



Thích Nữ Giới Châu

TKN. Thích Nữ Giới Châu

NHỮNG VIÊN THUỐC BỌC ĐƯỜNG

(Chấp Tay Lạy Người, Phần 7)

Nguyễn Minh

Kinh *Pháp Bảo Đàn*, phẩm Cơ duyên có ghi lại chuyện ngài Pháp Đạt, xuất gia từ năm 7 tuổi, chuyên trì tụng kinh Pháp Hoa. Lần đầu tiên tìm đến lễ bái Lục tổ Huệ Năng, khi lễ lạy đầu không sát đất. Tổ sư thoáng nhìn đã biết Pháp Đạt trong tâm có chút kiêu mạn, liền gạn hỏi. Pháp Đạt nói: "Tôi tụng kinh Pháp Hoa đã được ba ngàn lượt!"

Tụng kinh đến ba ngàn lượt, cho dù mỗi ngày tụng được trọn một bộ (cả thầy có 7 quyển, 28 phẩm) thì cũng phải mất đến khoảng 10 năm liên tục! Như vậy, ắt hẳn phải thuộc lòng văn kinh; và thọ trì kinh văn được như vậy đã có thể nói là rất chí thiết. Nhưng thái độ chưa đủ chí thành khi lễ lạy Tổ sư và câu trả lời đầy tự mãn như trên lại chứng tỏ vị tăng này chưa nhận hiểu và thực hành được theo đúng nghĩa kinh! Vì như chúng ta vừa đề cập trên, chỉ riêng một phẩm Thường Bất Khinh Bồ Tát cũng đã dạy ta những điều hoàn toàn ngược lại với thái độ ấy, huống chi là đã thọ trì được trọn vẹn cả bộ kinh?

Thế nhưng, chúng ta đừng vội xem thường ngài Pháp Đạt. Kinh *Pháp Bảo Đàn* cũng ghi rõ là chỉ sau một lần đối thoại trong hôm đó, ngài đã nhận hiểu được những lời dạy của Lục tổ, khai mở được trí tuệ và trở thành một trong những vị danh tăng của thời ấy. Liệu có mấy ai trong chúng ta ngày nay có thể sánh được với năng lực tu tập và nhận hiểu như ngài?

Vấn đề cần lưu ý ở đây là, ngay cả khi có được sự nỗ lực hành trì rất mãnh liệt và chí thiết như ngài Pháp Đạt: xuất gia từ năm lên bảy, tụng đọc kinh Pháp Hoa đến ba ngàn lượt... nhưng vẫn chưa diệt hẳn được tâm chấp ngã! Điều đó cho thấy rằng một nhận thức chân thật về bản ngã không phải là điều có thể dễ dàng và nhanh chóng đạt đến.

Câu chuyện thứ hai tôi muốn đề cập ở đây là chuyện về Quốc sư Ngô Đạt, được nhắc đến trong lời tựa sách *Từ bi thủy sám pháp*.

Ngài Ngô Đạt là danh tăng vào đời nhà Đường của Trung Hoa, khi chưa là Quốc sư đã từng chăm sóc một vị tăng mang bệnh ghê lở, toàn thân hôi hám. Sau khi lành bệnh, trước lúc chia tay vị tăng ấy có dặn ngài về sau nếu gặp khổ nạn hãy đến tìm ông ta ở núi Cửu Lũng, Bành Châu, thuộc tỉnh Tứ Xuyên.

Thời gian sau, ngài Ngô Đạt nhờ có đạo hạnh cao thâm, uyên bác kinh điển nên được vua Đường Ý Tông vô cùng kính trọng, quyết định tôn ngài làm Quốc sư. Trong một buổi lễ vô cùng long trọng, vua thỉnh ngài ngồi lên tòa trầm hương cao quý nhất trước sự cung kính lễ bái của chính nhà vua cùng với đông đảo thần dân và quan viên lớn nhỏ trong triều đình. Ngay khi ấy, ngài Ngô Đạt liền khởi lên một ý niệm rằng: "Chỉ có ta mới được nhận sự cung kính đến như thế này!" Ngay khi đó, ngài thấy trong người khó chịu, choáng ngất. Đến chừng tỉnh lại thì nơi đầu gối đã mọc ra một cái ghê vô cùng đau nhức.

Đó là một cái ghê rất kỳ lạ, có hình dạng như một mặt người. Cái ghê ấy khiến ngài đau nhức không sao chịu nổi, mà biết bao danh y được mời đến cũng đều bó tay không sao chữa trị được. Cuối cùng, ngài nhớ đến lời dặn của vị tăng năm xưa, liền tìm đến núi Cửu Lũng. Quả nhiên gặp được vị tăng ấy.

Vị tăng dạy ngài pháp sám hối và dùng nước suối nơi ấy để rửa cái ghê. Nhưng ngay trước khi ngài khoác nước rửa, cái ghê bỗng cất tiếng nói như người và nhắc lại mối thâm thù từ một kiếp xa xưa giữa ngài với nó. Trải qua nhiều kiếp sống theo đuổi nhưng kẻ thù này không thể ra tay, chỉ vì ngài luôn tu tập nghiêm cẩn, giữ gìn theo giới hạnh cao quý nên nó không đủ sức làm hại ngài. Chỉ đến lúc ngài được mời lên tòa trầm hương, thoáng một niệm sinh tâm kiêu mạn, kẻ thù mới nhân dịp đó mà ra tay, khiến ngài phải chịu khổ sở vì cái ghê oan nghiệt. Sau khi thành tâm sám hối và dùng nước suối nơi ấy rửa qua cái ghê, ngài mới được lành lặn như xưa.

Ngài Ngô Đạt nhân chuyện này mới soạn ra bộ *Từ bi thủy sám pháp*, là một bản văn sám hối rất hay, lưu truyền mãi đến ngày nay. Pháp sám hối mà ngài đề cập trong bản văn chính là dùng nước từ bi để rửa sạch mọi oan nghiệt, oán thù, giống như ngài đã từng sám hối và nhờ nước suối nơi ngọn Cửu Lũng mà rửa sạch oán thù trong quá khứ.

Điều tôi muốn nhấn mạnh ở đây không phải là câu chuyện ly kỳ được truyền tụng qua nhiều đời về Quốc sư Ngô Đạt, mà chính là cái tâm kiêu mạn mà ngài đã khởi sinh trong chốc lát khi được thọ nhận sự cung kính lễ bái cúng

dường. Trong chúng ta, liệu có mấy ai dám sánh với Quốc sư Ngô Đạt về công phu tu tập cũng như đạo hạnh cao thâm? Vì thế, khi đối mặt với những tác động chi phối của tâm chấp ngã, không thể không hết lòng cẩn trọng.

Bài học muôn thuở được rút ra từ câu chuyện của ngài Ngô Đạt chính là mối tương quan giữa sự tu tập và ngoại cảnh. Một chú sa-di mới tập tễnh vào chùa, bất cứ ai cũng có thể sai khiến được, sẽ có rất ít nguy cơ sinh lòng kiêu mạn, vì chú tự biết là mình chẳng hơn ai trong môi trường mới. Tuy nhiên, sau một thời gian dài tinh tấn tu tập, dần dần trở thành một vị cao tăng thạc đức thì thái độ của mọi người chung quanh tất yếu cũng thay đổi, ngày càng bày tỏ sự cung kính nhiều hơn. Và như vậy, công phu tu tập càng cao, giới hạnh càng nghiêm cẩn, kiến thức càng thông tuệ, thì người ta càng nhận được nhiều sự cung kính và xưng tụng. Điều đáng sợ là, trong khi những sự cung kính và xưng tụng đó hoàn toàn xứng đáng đối với người có tài năng và đức hạnh, thì đồng thời nó cũng là liều thuốc có tác dụng ru ngủ sự tinh tấn đồng thời khơi dậy và nuôi lớn tâm kiêu mạn, trở thành một cái bẫy cực kỳ nguy hiểm mà bất cứ ai trong chúng ta cũng đều rất dễ rơi vào.

Tiến trình này cũng diễn ra tương tự trong cuộc sống thường ngày của mỗi chúng ta, nhưng dường như rất ít người nhận biết. Những khi cơ hàn lam lũ, tình nghĩa đệ huynh, bằng hữu thường gắn bó như keo sơn, luôn thương yêu tôn trọng lẫn nhau; nhưng đến khi thành đạt, nắm trong tay nhiều của cải, quyền lực, người ta lại rất thường trở nên xa lạ, nhạt nhẽo tình cảm với người khác. Đó là vì "cái ta" của mỗi người luôn lớn lên theo tỷ lệ thuận với giá trị của bản thân mà họ nhận biết được trong mối quan hệ với những người chung quanh. Càng được người khác tôn trọng, cung kính thì "cái ta" càng được nuôi lớn hơn, và "cái ta" càng lớn lên thì người ta sẽ có một cái nhìn khác hơn đối với mọi người quanh mình, thường là thiếu tôn trọng và rất dễ xem thường người khác.

Nếu như người tu hành dễ rơi vào cái bẫy của sự tôn kính lễ lạy, thì những kẻ thế tục cũng có cái bẫy của tiền tài và quyền lực. Bởi nhìn chung thì những thứ ấy đều khiến cho người khác phải bày tỏ sự phục tùng, cung kính đối với ta, và điều đó tất yếu sẽ làm cho sự kiêu căng ngã mạn vốn có của ta càng phát triển, cho đến khi nó khống chế hoàn toàn và biến ta thành một con người khác hơn so với trước đó.

Vì thế, khi ta bắt đầu bước vào con đường đạo thì mục tiêu trước mắt chỉ đơn thuần là học

hỏi và tu tập, sao cho có thể dẹp bỏ dần những thói xấu và hoàn thiện bản thân mình. Nhưng khi sự tu tập của ta đạt nhiều thành tựu thì vấn đề bắt đầu thay đổi. Một mặt, ta thường tự hào với những kết quả mà mình đã có được với sự tinh tấn nỗ lực, nhất là khi những kết quả ấy nổi bật hơn so với nhiều người khác; mặt khác, ta cũng dễ dàng nhận ra là những người quanh ta bắt đầu bày tỏ sự ngợi khen, tán thán hay thậm chí là nể phục, tôn kính đối với ta, vì họ



cũng thấy được những thành tựu mà ta đã đạt được.

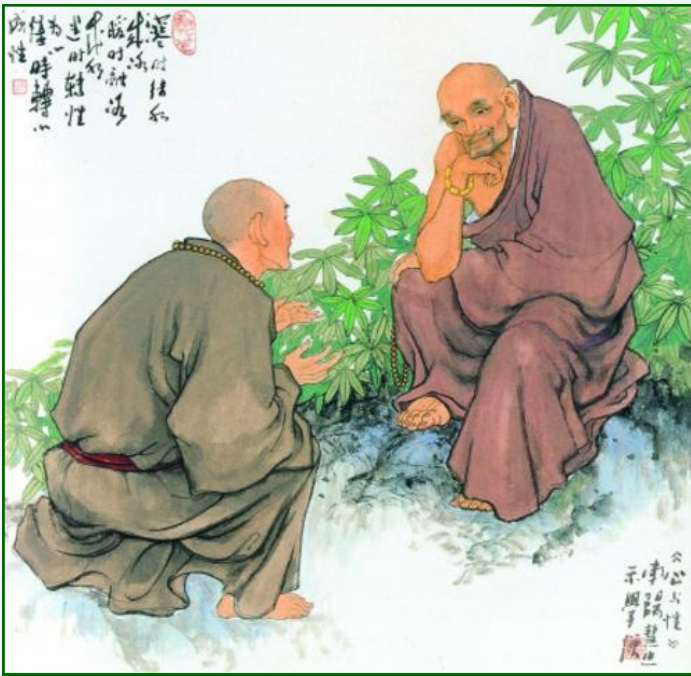
Cho đến đây thì mọi việc vẫn diễn ra hoàn toàn hợp lý và tất yếu, bởi những gì ta có được là xứng đáng, vì chúng được tạo ra từ những nỗ lực chân chánh và đúng hướng của bản thân ta. Thế nhưng, nếu ta không có sự tỉnh táo để nhận biết được nguy cơ tiềm tàng vào lúc này, thì khả năng rơi vào cái bẫy kiêu mạn sẽ ngày càng lớn hơn.

Nói cách khác, nếu muốn tiếp tục vững tiến trên đường tu tập thì ngay vào lúc này ta phải biết tỉnh táo để nhận ra ngay mọi khuynh hướng thay đổi đang chớm xuất hiện trong tâm thức.

Ta cần nhận hiểu một cách đúng thật hơn về sự tôn kính mà mọi người chung quanh đang dành cho ta. Lấy ví dụ, **khí ta tu tập đúng theo lời Phật dạy và được nhiều người tôn kính, thì sự tôn kính đó rõ ràng có được là nhờ vào đức Phật, người đã vạch con đường cho ta đi theo. Khi ta giảng giải giáo pháp và được nhiều người tôn kính, thì sự tôn kính đó là hướng về giáo pháp, vốn do đức Phật truyền dạy chứ không phải do ta nghĩ ra. Nếu biết suy nghĩ như thế, ta sẽ chế ngự được tâm kiêu mạn ngay từ khi nó vừa chớm phát ra.**

Mặt khác, nếu ta đạt được nhiều thành công, thậm chí là những kết quả phi thường, khiến mọi người quanh ta đều ngưỡng mộ và tôn kính, thì thật ra những điều đó cũng không phải chỉ riêng mình ta mà có thể đạt được. Điều tất yếu là ta phải có sự giúp sức của nhiều công sự, có sự thuận lợi đến từ nhiều yếu tố liên quan... Nếu không, ta không thể đạt được bất kỳ kết quả nào dù là rất nhỏ. Khi nhận thức về sự việc một cách đúng thật và toàn diện như thế, ta sẽ không thấy tự mãn một cách thái quá về những thành tựu của mình. Nhờ đó, ta sẽ chế ngự được tâm kiêu mạn.

Nhưng nếu thiếu sự suy xét tỉnh giác và nhận thức đúng đắn, ta sẽ rất dễ dàng rơi vào con đường tuột dốc vì ngã mạn, thay vì là tiến bộ. Do sự cung kính lễ bái của người khác, ta thường thấy mình trở nên quan trọng, tài đức hơn người, và có vẻ như những người khác không ai có thể sánh bằng ta được... Thậm chí mỗi khi có ai đó bày tỏ thái độ thiếu cung kính



hoặc tôn trọng không đúng mức đối với ta, chẳng hạn như chỉ tán tụng sơ sài hơn những người khác hoặc xưng hô bằng những danh xưng không hợp ý ta, ta rất dễ sinh ra phiền não, bực dọc...

Không những thế, khuynh hướng này sẽ ngày càng phát triển. Sự cung kính lễ bái hoặc tán thán ngợi khen của người khác có tính chất tương tự như những liều thuốc kích thích, muốn giữ được tác dụng thì ngày càng phải tăng liều mạnh hơn, nhiều hơn. Nếu như lần đầu tiên được khen ngợi ta có thể hài lòng với một mức độ nào đó, thì về sau những lời khen tương tự như thế sẽ không còn làm ta thỏa mãn nữa. Ta cần đến những sự ca ngợi, tán tụng có mức độ mạnh mẽ hơn, và ta cũng khát khao, thèm muốn nhiều hơn đối với những sự ca ngợi, tán tụng như thế...

Và khi đã rơi vào căn bệnh ngã mạn, đã "nghiện nặng" đối với sự phục tụng và tôn xưng, kính trọng của người khác, ta sẽ dễ dàng đánh mất đi sự sáng suốt và trung thực vốn có trước đây của mình. Ta thêm muốn được người khác xưng tụng, ngợi khen, đến mức không ngần ngại đưa ra những đòi hỏi như thế. Thậm chí ta có thể đòi hỏi hoặc gợi ý người khác nhiều hình thức khác hơn nữa để bày tỏ sự kính trọng đối với ta, như viết văn thơ ca tụng, như tôn xưng ta trước đám đông, hoặc phải bày tỏ sự tôn kính tuyệt đối những lời ta nói ra, hay thậm chí dựng cả tượng đồng để vinh danh ta càng tốt... Nói chung, đó là một con đường tuột dốc cực kỳ nguy hại và không có điểm dừng!

Mặt khác, hệ quả của căn bệnh trầm kha này là ta sẽ luôn tìm mọi cách để che giấu những khuyết điểm hay lỗi lầm của mình, vì ta rất sợ những điều đó sẽ khiến ta mất đi sự tôn kính. Trong khi việc mắc phải một số lỗi lầm hay sai sót là chuyện rất bình thường đối với mọi con người khi chưa đạt đến sự giác ngộ hoàn toàn, thì đối với ta lại là điều không thể

chấp nhận được. Đó chính là vì ta đã nuôi dưỡng "cái ta" lớn lên quá mức, và "cái ta" đó không cho phép ta tự mình hạ thấp hay bộc lộ sự thua kém trước người khác, ngay cả khi đó là sự thật. Than ôi! Ta có ngờ đâu chính khuynh hướng thiếu trung thực, che giấu lỗi lầm như thế sẽ làm cho tâm trí ta ngày càng mê muội hơn nữa, đánh mất đi khả năng trực nhận chân lý cũng như hoàn thiện chính bản thân mình.

Thật ra, trong cuộc sống thì những thay đổi theo khuynh hướng như trên thường rất dễ được mọi người quanh ta nhận ra, nhưng bản thân ta lại không mấy khi tự nhận biết! Chính vì tâm chấp ngã đã làm cho ta trở nên thiếu sáng suốt và luôn nhìn sự vật quanh ta qua một lăng kính biến đổi nhằm thỏa mãn đòi hỏi của nó. Với cách nhận thức biến đổi sự việc theo hướng đó, ta dễ dàng nhận ra và thậm chí là thường khuếch đại những khuyết điểm, lỗi lầm của người khác, vì điều đó giúp ta cảm thấy mình tốt đẹp hơn, cao quý hơn so với họ. Ngược lại, ta không thể nhận ra hoặc không muốn nhận ra những khuyết điểm, những yếu kém hoặc lỗi lầm của chính bản thân mình, vì điều đó sẽ làm suy giảm sự tốt đẹp của ta đối với người khác, sẽ khiến ta cảm thấy bị tổn thương.

Nếu so sánh với câu chuyện về Bồ Tát Thường Bất Khinh trong kinh *Pháp Hoa*, ta sẽ dễ dàng nhận ra hai khuynh hướng tác động trái ngược nhau. Trong khi sự chân thành tôn kính và lễ bái người khác có thể giúp ta điều phục tâm ý, phá trừ chấp ngã, vững vàng trong sự tu tập, thì tất cả những hình thức ngợi khen, xưng tán hay lễ bái mà người khác dành cho ta lại có tác dụng hoàn toàn ngược lại, dễ dàng nuôi lớn tâm chấp ngã và đẩy ta vào một sự suy thoái về đạo đức lẫn tinh thần.

Điều đáng chú ý nhất ở đây là, tiến trình đó luôn diễn ra một cách âm thầm, chậm chạp nhưng vô cùng mạnh mẽ, khiến cho ta thậm chí không nhận biết được là mình đang dần thay đổi vì chịu sự tác động của nó!

Nhưng nói như vậy không phải là đổ lỗi cho những sự ngợi khen, xưng tán hay cung kính lễ bái... Trong thực tế, những người có tài năng, đức độ thì tất nhiên rất xứng đáng để được ngợi khen, xưng tán... Và mỗi chúng ta cũng cần thiết phải chân thành biểu lộ sự tôn kính, ngợi khen đối với những người có tài năng, đức độ hơn ta, vì điều đó sẽ giúp ta phát khởi tâm hướng thiện mạnh mẽ hơn, sẽ nỗ lực tinh tấn nhiều hơn để hoàn thiện chính mình.

Vấn đề ở đây là, mỗi khi nhận được sự ngợi khen, xưng tán từ người khác, ta phải luôn có sự tỉnh giác, tự giữ mình; luôn phải nhận biết rằng những lời khen ngợi đó sẽ dễ dàng trở thành những viên thuốc ngủ bọc đường nếu ta thiếu sự tỉnh giác. Và thật ra thì chỉ khi có thể tỉnh táo nhận biết được như vậy, ta mới thật sự xứng đáng với sự ngợi khen, xưng tán hay lễ bái của người khác.



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
COUNCIL OF MANAGEMENT
CENTRAL OFFICE

4717 W. First St., Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel: (714) 571-0473 * Fax: (714) 558-1009

ĐIỆN THƯ PHÂN ƯU

Kính gửi: Ban Tổ Chức Tang Lễ và Môn Đồ Pháp Quyển của Cố Ni Trưởng Thích Nữ Diệu Từ

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Hội Đồng Giáo Phẩm và Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ nhận được ai tín Ni Trưởng Thích Nữ Diệu Từ, Khai Sơn kiêm Viện Chủ Chùa Diệu Quang I tại Thành Phố Sacramento, Bắc California và Chùa Diệu Quang II tại Thành Phố Santa Ana, Nam California, Hoa Kỳ, đã viên tịch vào lúc 10 giờ tối ngày 20 tháng 10 năm 2018, nhằm ngày 12 tháng 9 năm Mậu Tuất, tại Chùa Diệu Quang, Thành Phố Santa Ana, California, Hoa Kỳ.

Cố Ni Trưởng Thích Nữ Diệu Từ đã tận hiến đời mình cho sự nghiệp hoằng dương Chánh Pháp và góp phần xây dựng và phát triển nền Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ.

Hội Đồng Giáo Phẩm và Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK nhất tâm cầu nguyện Giác Linh Ni Trưởng Tân Viên Tịch Cao Đẳng Phật Quốc và thành tâm phân ưu cùng Môn Đồ Pháp Quyển của Cố Ni Trưởng.

Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật,

Santa Ana, ngày 21 tháng 10 năm 2018

Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK
Chủ Tịch



Tín Nghĩa

Sa Môn Thích Tín Nghĩa



NI TRƯỞNG THÍCH NỮ DIỆU TỪ

Bàn Tay Đã Mất

THÍCH NỮ NHƯ THỦY

Xưa, có một chàng trai lên đường thi hành nghĩa vụ quân sự. Giặc tan, chàng trở về và bỏ lại một bàn tay ở chiến trường.

Từ dạo đó, trong những đêm hôm khuya khoắt chàng mơ hồ cảm thấy mình đau nhức dữ dội ở bàn tay đã mất. CƠN ĐAU NGÀY CÀNG GIA TĂNG, BỆNH TƯƠNG ĐÃ THÀNH BỆNH THẬT, chàng tìm đến một y sĩ. Y sĩ hỏi:

- Anh đau ra sao?
- Thưa tôi bị nhức nhối ở bàn tay mất nhất là khi về đêm.

Y sĩ mỉm cười:

- Anh đưa bàn tay đau cho tôi xem nào.

Bệnh nhân sững sốt hồi lâu ấp úng:

- Thưa bác sĩ, bàn tay mất của tôi không có ạ!

- Thế thì tôi đã chữa bệnh cho anh rồi.

Bệnh nhân liền ra về với một nụ cười. Hóa ra lâu nay chàng mắc loại bệnh tương.

Ít lâu sau thanh niên cùng đến thăm y sĩ với một thanh niên bạn, người bạn này cũng mắc một chứng bệnh tương tự để nhờ y sĩ chữa giúp. Lần lần bệnh nhân tự bảo:

- Thưa bác sĩ, dù rằng đã biết bàn tay mình không có nhưng trong giấc ngủ chập chờn tôi lại thấy đau nhức dữ dội ở bàn tay đã mất xin bác sĩ chữa bệnh cho tôi.

Y sĩ liền hí hoáy biên toa, xong căn dặn:

- Toa thuốc này có hai loại, một để uống và một để thoa lên vết thương. Anh về điều trị tuần sau khám lại.

Bệnh nhân thứ hai y lời về mua thuốc, nhưng chàng không biết bôi thuốc vào đâu, vì bàn tay đã không còn thì làm gì có vết thương. Loay hoay tìm kiếm hồi lâu anh bật cười bảo:

- Lão bác sĩ này gạt mình thật!

Từ dạo đó anh lành bệnh. Hai anh bệnh nhân đã lành bệnh trên, về sau lại gặp một người bạn cũng mang chứng bệnh tương tự. Cả hai đều trở hết kinh nghiệm và sợ trường của mình điều trị song cơn đau vẫn không thuyên giảm. Bệnh nhân liền được đưa đến phòng mạch. Y sĩ hỏi:

- Những lúc nào anh bị đau nhức?

- Thưa, tôi bị đau nhức liên tu bất tận.

- Thế không có lúc nào ngừng đau à?

- Thưa có, những lúc nào tôi say mê đọc sách hay nghe nhạc thì cơn đau dường như không còn nữa.

- Thế thì... toa thuốc của anh đấy, khi nào

thấy đau đớn hãy lấy sách báo đọc hoặc là nghe nhạc...

Bệnh nhân y lời, bệnh tình ngày một thuyên giảm.

Em thân mến!

Có phải chúng ta tất cả đều mang một chứng bệnh tương như ba anh chàng trên đây không?

Chúng ta cứ than van suốt ngày "Tôi buồn, tôi khổ, tôi mệt mỏi, tôi chán nản, tôi tuyệt vọng..." Và nếu có ai hỏi "cái tôi" ấy ở đâu thì chúng ta không khỏi giật mình. Thấu đáo cho rõ CAI TÔI này thì căn bệnh mới chữa tận gốc. Tôi là thân hay tâm?

Thông thường, chúng ta cho cái suy nghĩ phân biệt, thương ghét, buồn giận đó là tôi. Và cái tôi này quả là loạn động, rối bời, xao xuyên. Chúng ta nghe cuộc gặp gỡ giữa hai người y sĩ Bồ Đề Đạt Ma và bệnh nhân Huệ Khả như sau:

Bệnh nhân thưa:

- Tâm con bất an, xin Ngài dạy con phương pháp an tâm.

Y sĩ mỉm cười bảo:

- Đưa tâm ra đây ta xem!

Bệnh nhân lúng túng:

- Con tìm tâm không ra.

Y sĩ:

- Vậy thì ta đã chữa bệnh an tâm cho ông rồi.

Huệ Khả liền đại ngộ, tức là hết bất an, hết kêu than là khổ sở, đau đớn quá nữa.

Trường hợp của Tổ Huệ Khả tương tự như trường hợp anh thương binh thứ nhất, sau một lần đến phòng mạch là lành bệnh.

Trường hợp bệnh nhân thứ hai là những hành giả phải gia công quán chiếu tu trị những tâm thức vọng động của mình bằng các phương pháp trị tâm hay tu tâm. Cho đến bao giờ hành giả chợt thấy rằng "năm uẩn





Tổ Huệ Khả dâng tay cầu đạo

đều không” thì “vượt qua tất cả khổ ách.” Đây là lúc anh chàng thương binh đang loay hoay tìm cách rịt thuốc lên vết thương thì bỗng khám phá ra bàn tay mình không có, vết thương cũng không luôn nên rút gói thuốc đi và lành bệnh.

Trường hợp thứ ba, chỉ những lúc hì hục tu hành, say mê hạ thủ, tụng kinh lễ bái, niệm Phật trì chú... hành giả mới cảm thấy vui sảu, bớt khổ não, tâm dần an định... giống như anh chàng thương binh thứ ba, khi nghe nhạc hoặc đọc sách thì không thấy đau đớn gì cả.

Ba chàng thương binh trên đây mang bệnh tưởng vì ngỡ rằng bàn tay có thật, bàn tay có thật nên sự đau nhức cũng có thật, sự đau đớn có thật nên thuốc chữa cũng có thật:

“Có thì có tự may may”

(Tác hữu trần sa hữu)

Bệnh của họ được chữa lành khi họ khám phá ra rằng bàn tay không có, bàn tay không có nên bệnh cũng không, bệnh không nên thuốc cũng không.

“Không thì cả thế gian này cũng không.”

(Vi không nhất thiết không)

Chúng ta cũng thế, bao nhiêu khổ đau rắc rối đều thành hình khi ta ngỡ rằng mình là một cái này, một cái nọ... Do có “ta” nên có cái “của ta.” Và hỷ, nộ, ái, ố... cũng bắt đầu từ đó. Hành giả chỉ hết khổ khi thấu hiểu được rằng “cái ta không có.” Chỗ này, Lục Tổ bảo rằng: “Bản lai vô nhất vật” vậy!

Thầy thuốc xem bệnh nhân bình đẳng như nhau, nhưng tùy theo tình chấp của mỗi người mà cách chữa trị có khác. Các pháp môn tu của Phật cũng thế, tùy theo tình chấp của chúng sanh mà có thiên sai vạn biệt. Chúng ta không thể nói rằng pháp môn này cao pháp môn kia thấp... mà chỉ có thể nói rằng: “Cố chấp của tôi nhiều, tình chấp của anh ít hơn mà thôi.”

Em có thấy như thế không?

(trích Hư Hư Lục)

DÒNG KHÔNG

*xa lạ quá giữa tâm trần nhân thế
lần đi. thôi vờ hết cuộc đất nông
vĩ như thổi một làn mây gió nhẹ
sợi máu buồn se chỉ một mùa đông*

*ngày đã đến sao đêm còn mở hé
cho tàu về xuôi ngược những dòng không
đời biến hiện sau quày hàng sinh kế
cửa sáng choang và bản mặt vô thần*

*thử nói kết một dung hình viễn tượng
cái ở gần, mắt hút tự đàng xa
em hãy lẫn vào trong người. tưởng tượng
hãy bình yên thời khắc lặng chan hòa*

*đừng mở miệng. đừng. tơ trời đương xuống
rung trên đôi và tiếng hát bao la
đừng vội vã hôn sâu vào mặt đất
hồn lưu cư còn thuở trái cây nhà*

*hãy thông thả ngắm nhìn cơn đau xuất
có. hay không mù mịt cũng nghìn chương
ôi cái biết giam người vào ngục thất
nằm vô tri như sỏi cuội ngoan hiền*

HOÀNG XUÂN SƠN

(Thơ Quỳnh)



Người thật sự đã ra đi

TN TÂM VÂN

(Thành kính tưởng niệm
Lễ Tiểu Tường
Ni Trưởng Thích Nữ Như Thủy)



Hôm nay tôi thức dậy sớm hơn thường lệ, lướt nhẹ ngang qua Chánh Điện. Văng đèn hào quang nơi tượng Phật tỏa ánh sáng thanh tịnh. Tôi thấy Phật mỉm cười; nụ cười thanh khiết bình yên như chưa từng biết cuộc đời này là nơi chốn của gió bão.

Tâm tư tôi đậm lại những kỷ niệm đã qua. Bên bờ rêu xanh của ký ức, tôi nhớ là gần đến ngày tưởng niệm một năm của Ni Trưởng Như Thủy. Sư Chị Tâm Chánh, Sư Chị Như Bảo và huynh đệ học Ni chúng tôi tại Hoa Kỳ sẽ tổ chức lễ tưởng niệm một năm của Ni Trưởng Như Thủy tại Chùa Huệ Lâm, Boston vào khóa tu học mùa Thu năm nay. Nghĩ đến tự nhiên lòng tôi lại quặn đau, như có một nguồn sống ngầm ray rứt, chớp nhoáng đã một năm đi qua, Người không còn nữa giữa cõi đời ác trước đây nghiệp chướng này.

Tôi lặng lẽ đi từng bước thật chậm. Tôi nghĩ đến Người trong niềm âm thầm đơn độc của buổi chiều vàng tuổi tác.

Nhớ lại bước chân đã in vết lạ vết quen, trên nhiều lãnh thổ buồn vui khác nhau. Người vô cùng tận tụy kéo vali đi xuyên nhiều tiểu bang trên đất nước Hoa Kỳ, truyền dạy chân lý của Phật Đà. Thế nhưng, trận gió vô thường chưa từng ngưng thổi. Khi Người ra đi, phôi nhẹ hết những công việc cho đời, có lẽ Người mới được thanh thoi.

Tôi đã ngồi nhìn qua cửa sổ, mây lững lờ trôi; nhìn ngắm tách trà lan tỏa mùi hương của hoa lài và mùi hương trầm hòa quyện; tôi đang uống trà, tôi đang nhìn trăng; tôi đang đi từng bước qua cuộc đời... rồi cũng chỉ là một tách trà thôi. Một tách trà trong khuya vắng âm thầm tưởng niệm đến Ni Sư Như Thủy, Người đã đi để lại vô vàn những bồi hồi thương nhớ... Người vẫn luôn ẩn hiện trong ký ức của nhiều người, cho bao thế hệ sau này làm nơi tưới tắm tâm linh trong những bài pháp thoại... Người có biết không, Sư Tâm Chánh mỗi lần xem lại hình ảnh hay nghe pháp thoại của Người là nước mắt cứ chảy không ngừng.

Một năm trôi qua đã vắng bóng Người... Huynh đệ của Người còn đó, Người biết không? Chúng con còn đây, Người có nhớ không? Chỉ còn lại những kỷ niệm vụn vặt mà thôi. Người đã ra đi một năm rồi, mùa Hạ năm nay chúng con không còn nghe tiếng nói, tiếng cười, hình ảnh của Người cứ mờ dần mờ dần chìm sâu vào hư vô như một làn sương khói mờ trong đêm lạnh.

Hắn trong ký ức của nhiều người, Sư như một người chị, người mẹ kính

yêu, rồi sau đó làm Thầy giáo thọ của chúng tôi... Nhớ lại mùa Hạ năm xưa tôi được ở chung tòa nhà với Người, lần đó tôi bị chóng mặt không thể tiếp tục giờ học, tôi trở về phòng... Người gõ cửa và hỏi tôi sao về sớm vậy.

"Thưa Thầy con mệt quá."

Người ân cần hỏi:

"Có cần chị giúp gì không?"

"Thưa Thầy con chỉ cần ngủ sẽ khỏe lại thôi."

Thầy trả lời rất hài hước "Vậy thì chuyện ấy chị đành bó tay, you phải tự làm lấy," nói xong Người khép nhẹ cửa phòng và từng bước thật nhẹ nhàng đi thiền hành ngoài hành lang.

Những lời nói nhẹ nhàng và ấm áp được phát ra từ cõi lòng bình yên và thái độ của Người ban rải một cảm giác dễ chịu, có thể xoa dịu. Khi biểu đạt ra ngoài bằng hành động hay lời nói phù hợp với những gì đang xảy ra trong tâm thì năng lượng của nó sẽ được truyền tải năng lượng an lành, đích thực là liều thuốc bổ giúp nhau mau chóng hồi phục sức khỏe và tinh thần. Tôi lắng nghe từng bước chân của Người và tôi cũng chìm vào giấc ngủ bình yên, đó là lần cuối cùng tôi gặp Người...

Mùa Hạ năm nay và bây giờ Người đã thật sự ra đi rồi, như một tiếng chuông báo động, nó mất mát rất nhiều... như mỗi khi chiều về không còn tiếng chuông. Đã bao năm sống trong tiếng chuông, lớn lên trong tiếng chuông, tiếng chuông đã là một phần đời sống của người xuất gia. Bây giờ chỉ còn những bài pháp thoại của Người sót lại. Gói trọn một niềm tin trong giáo pháp. Chỉ còn lại một khoảng trống vô tận. Những tâm hồn đều hướng về Người. Như tiếng chuông chiều nghe an ủi, nghe như Người vẫn còn ở đây...

Nhớ năm ấy, trên chuyến đi về hướng Vũng Tàu, cơn mưa phùn chợt đến, bầu trời chiều âm đạm, những kỷ niệm năm xưa. Lối đi vào Thiền Viện

Viên Chiếu thật vắng lặng, hàng cây khuyển điệp cao ngất giữa trời se se lạnh của mùa Đông. Tiếng ve rì rả gợi sầu, nó chẳng phá được cái vắng lặng mà càng làm cho nỗi êm ả của buổi tà dương thêm mênh mông. Lá khuyển điệp rơi đầy lối vào hai bên đường, những chú chim bay xào xạc bên những bụi tre vàng ươm. Khu nhà khách đơn sơ bằng lá dứa ẩn mình sau Thiền đường, xa xa ngoài cánh đồng quê, tôi thích nhất là đi qua những cánh đồng ruộng lúa mênh mông của miền quê. Nghe tiếng chuông chùa vọng lại từ xa tôi thấy như tâm hồn mình yên bình, nao nao làm sao ấy. Tiếng chuông như có an ủi, vỗ về mà cũng như lời buồn nhắc về một thời bình yên thuở nào.

Đó là lần đầu tiên tôi đến Thiền Viện Viên Chiếu. Hôm ấy thấp thoáng xuất hiện bóng người đi theo lối hai hàng dứa, từng bước chậm rãi đó là Ni Trưởng Như Thủy, Ni Sư Như Đức, Ni Sư Hạnh Huệ, Ni Sư Đồng Kính. Đó cũng là lần đầu tiên tôi được biết Chư vị. Buổi chiều hôm đó, hình ảnh này in đậm trong tâm trí tôi, nhắc nhở tôi về hình bóng của con người nổi bật luôn tận tụy dạy cho chúng tôi từng bài kinh kệ. Kỷ niệm này ảnh hưởng rất nhiều đến đời sống tâm linh của tôi. Nhẹ nhàng giống như cái không gian mờ pha lẫn sương mù những ngày Đông của miền quê.

Cái buổi tối hôm ấy của hai mươi năm trước đây, dưới ngọn đèn dầu leo lét huynh đệ chúng tôi ngồi hái đậu phụng, vào dịp cuối năm thu hoạch đậu. Ngày thì huynh đệ ra đồng nhổ và gánh đậu về; tối cùng nhau ngồi hái từng hạt đậu, đem phơi khô để ép dầu.

Nhớ, câu chuyện mà Ni Trưởng Như Thủy kể cho chúng tôi nghe đêm hôm đó là một câu chuyện Thiền:

Bạch Lạc Thiên và Thiền sư Diệu Sào. Thiền sư Diệu Sào hay ngồi thiền trên cây cao có cành lá sum suê ở trong địa

phận cầm quyền của Quan huyện Bạch Lạc Thiên. Hôm đó Quan huyện đến quyền thăm Thiền sư và nói: "Chỗ Thầy Ngồi trên cao thật là nguy hiểm."

Thiền sư đáp: "Chỗ của Quan huyện ngồi còn nguy hiểm hơn nhiều."

Bạch Lạc Thiên phân trần: "Tôi là quan huyện chỗ ấy đâu có gì là nguy hiểm." Thiền sư đáp: "Đó là chỗ ông không hiểu mà thôi. Khi lòng tham bùng lên là tâm ông không vững, thì còn gì nguy hiểm hơn."

Bạch Lạc Thiên hỏi Phật Giáo dạy điều gì? Thiền sư tuyên đọc:

"Điều xấu phải tránh. Điều tốt nên làm.

Giữ lòng trong sạch. Là lời Phật dạy."

Họ Bạch phản đối: "Cái đó đưa bé lên ba cũng biết"

Thiền Sư đáp: "Đúng vậy, đưa bé lên ba cũng biết. Nhưng ông lão tám mươi khó làm được."

Thế nào là hiểu cho được đâu là sự nguy hiểm của việc ngồi thiền trên cây cao và sự nguy hiểm của việc ngồi cao trên quyền chức.

Tất cả những đối nghịch như thế trong đời thật là khó nói. Câu chuyện Thiền vô ngôn nhưng không phải vì thế mà người ta có thể quên được.

Đó là những gì lưu dấu trong một tháng tôi được tu học tại Thiền Viện Viên Chiếu năm ấy.

Người đã đi qua cuộc đời này

Người rong chơi trong cuộc đời này

Người nằm xuống buồn vui vào lãng quên

"Những xót xa đành nói cùng hư không" (1)

Đến đây nghe mắt mình rưng rưng theo từng nét chữ, bụi ngủi trong nỗi bụi ngủi, thương cho cuộc đời, những con người, những số phận, những vết thương lòng của một đời người lặng lẽ, đơn

độc trong cuộc hành trình đi trên con đường Truyền Đạo.

Thời gian vô hình và vô tình vẫn muôn đời làm chứng cho sự thật, vô thường khiến cho con người phải ẩn nhẫn im lặng chịu đựng sự đi qua và tàn phá. Màu sắc một đời người rồi cũng chứa đầy ray rứt như màu thời gian.

"Màu thời gian xanh xanh. Màu thời gian tím ngắt" (2)

khiến cho người hoảng hốt nhìn lại, không còn vọng động tìm kiếm giữa một thế giới thay đổi. Thoáng một chút sương mù trong tôi, thương tưởng như thế khi thấy lại một cái gì không còn là của ngày xưa nữa, như câu kệ đầy thức tỉnh trong bài kinh cầu chiều nay hiện ra với tất cả hùng lực.

"Ngày nay đã qua rồi. Mạng sống giảm dần.

Thời gian lại hết. Ta hãy nhìn lại. Mình đã làm gì."

Không ai có thể đưa tay níu lại thời gian để giữ cho mình không thay đổi. Thôi hãy hài lòng chấp nhận và thành thối sống với thực tại. Đó là cách tìm sự an tâm trước mọi đổi thay.

Trong đời sống này, người ta không chỉ dễ dàng buồn đau vì sự tàn phá cay nghiệt của thời gian mà còn đắm chìm trong tủi khổ của cái tâm phân biệt, chẳng biết đâu là đường đi nẻo về, là ý nghĩa của cuộc sống.

May mắn lớn nhất trong cuộc đời tôi là đã gặp được những bậc Thầy vô cùng đáng kính. Khi nhận ra con đường mình cần phải đi, nhưng rồi tôi lại loay hoay tìm kiếm những điều kiện đơn thuần, với nhiều hình thức bên ngoài. Đó cũng là ý nghĩ hướng ngoại, khi đối diện với rào cản của phiền não quá lớn. Thế nhưng, cuộc sống hoàn toàn có thể làm được giữa cuộc sống có nhiều sự chi phối. Ngược lại, tôi thường đem tâm của mình về một khuôn khổ đúng đắn, dẫn dắt nó đi đúng hướng và biết dừng lại đúng lúc.

Sáng nay, tôi hạnh phúc vì có vài kỷ niệm với Ni

Trưởng Như Thủy. Qua từng lời dạy và cách sống của Người là sức mạnh nâng niu tôi từng bước đi tới. Người bước can trường trong thánh thiện, có thể đời Người cũng có lúc lẻ loi. Nhưng Người đã đi trọn đời bằng những bước chân vô cùng kiêu hùng. Và tôi biết, vì thế giới bình an của Người là Người luôn dành cho thế hệ mai sau. Cuộc đời Người lại đốt cháy những ý nghĩ nhỏ nhoi trong tâm hồn nhỏ bé của tôi.

Người luôn có tấm lòng nhân nại bao dung trải rộng tới mọi người. Trong cuộc đời lý tưởng, Người là ngọn nến cháy mãi để sưởi ấm những trái tim bị thương tổn. Những gì mà Người đã để lại cho đời. Người sống với đời bằng trái tim tràn đầy yêu thương. Tất cả như một sợi dây vô hình, nhưng rất đỗi kỳ diệu đủ sức vượt qua thử thách. Con người cần hiểu nhau hơn, xích lại gần nhau hơn, khiến cho mọi người cảm thấy ấm lòng, cho đi yêu thương chắc hẳn sẽ nhận lại tiếng cười hạnh phúc. Đó là thông điệp cho cuộc sống. Cuộc đời và kiếp người chung quy chỉ là mộng. Tâm ngọn gió thể gian đã không ngừng thổi trên những cánh nhận đã chọn lối về lặng lẽ... Đã đến giờ Người phải ra đi. Người đã chiến đấu trong cuộc chiến cao đẹp, đã chạy hết chặng đường, đã giữ vững niềm tin. Cánh cửa nơi cõi Tây rộng mở chờ người bước vào.

*Las Vegas, Mùa Thu,
October 1st, 2018
Thích Nữ Tâm Vân*

- 1) Mượn lời của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn trong ca khúc "Cho một người nằm xuống."
- 2) Thơ Đoàn Phú Tứ, trong bài "Màu thời gian."

The Story of Five Hundred Bhikkhus *Dhammapada, Verses 273—276*

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verses (273) to (276) of this book, with reference to five hundred Bhikkhus.

Five hundred Bhikkhus, after accompanying the Buddha to a village, returned to the Jetavana monastery. In the evening they talked about the trip, especially the nature of the land, whether it was level or hilly, clayey or stony, etc. The Buddha came to them in the midst of their conversation and said to them, "Bhikkhus, the path you are talking about is external to you; a Bhikkhu should only be concerned with the path of the Noble Ones (Ariyas) and strive to do what should be done for the attainment of the Ariya Path (Magga) that leads to the realization of the Perfect Peace (Nibbana)."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 273. Of paths, the Path of Eight Constituents is the noblest; of truths, the Four Noble Truths are the noblest; of the dhammas, the absence of craving (i.e., Nibbana) is the noblest; of the two-legged beings, the All-Seeing Buddha is the noblest.

Verse 274. This is the only Path, and there is none other for the purity of vision. Follow this Path; it will bewilder Mara.

Verse 275. Following this Path, you will make an end of dukkha. Having myself known the Path which can lead to the removal of the thorns of moral defilements, I have shown you the Path.

Verse 276. You yourselves should make the effort; the Tathagatas (Buddhas) only can show the way. Those who practice the Tranquillity and Insight Meditation are freed from the bond of Mara.

At the end of the discourse those five hundred Bhikkhus attained Arahatsip.

BEST

The Noble 8 fold Way is the best of Ways
The 4 Noble Truths is the best of Facts
The Freedom from Craving is the best of States
The one with clear Vision is the best of Men.



Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.

VIỆT SỬ CA

(Trích từ khổ thơ 95- 106)

95

Này em nhớ giữ lấy lời
Học đi để tránh cho đời mai sau
Đành rằng đời lắm bể dâu
Nhưng mà đây nỗi khổ đau bởi cuồng

96

Đại đồng cái lý thuyết suông
Ngoại lai duy vật lệ tuôn đã nhiều
Vô mình hăng hái làm liều
Đất nghèo thêm họa tiêu điều nước non

97

Giặc Tàu quá đổi du côn
Bé Đông hải đảo chẳng còn em ơi
Giết ngư dân giữa biển khơi
Biết bao thâm độc hại người Việt Nam

98

Quan quyền mờ ám tối tăm
Ích kỷ vô cảm tham lam quá chừng
Lén lút thậm thụt chẳng dưng
Dân oan kêu khóc chưa từng lắng nghe

99

Dở dang đã lỡ mọi bề
Rằng đây kiếp nạn bao giờ giải xong
Vì chưng trong chốn bụi hồng
Quả này trở bởi nhân trồng ngày xưa

100

Dù rằng mình chẳng có ưa
Muốn thôi ngất nổi duyên chưa chín muồi
Tình thương tha thiết ngậm ngùi
Này dân, này nước mà xui lòng sâu

101

Anh hùng chí sĩ nay đâu
Ai người đơm lược đối đầu gian nan
Ai người trí dũng song toàn
Ai người đủ sức kết đoàn dân ta

102

Còn nhiều trí thức tài hoa
Hô hào giữ lấy nước nhà Việt Nam
Dốc lòng tha thiết nhiệt tâm
Chịu nhiều đánh đập giam cầm khảo tra



103

Lặng im sĩ khí quốc gia
Bất tường điềm báo ấy là bại vong
Trăm nghìn khẳng định rằng không
Một mai lại đến... quay vòng thịnh-suy

104

Từ ngày gạt lệ ra đi
Mấy mươi năm lẻ có gì tiếc chẳng
Biển trời xa cách đành rằng
Sơn hà hải quận vẫn hằng em ơi

105

Quan quyền vốn chỉ nhất thời
Lòng dân vạn đại ý trời thuận theo
Dẫu cho nguy cấp hiểm nghèo
Vẫn hy vọng sẽ sớm chèo chống qua

106

Này em có biết chẳng là
Trong ngoài cố quận đều là cháu con
Lòng người nghĩ tưởng nước non
Việt Nam này ắt mãi còn mai sau

thơ

TIÊU LỤC THẦN PHONG

Ất Lăng thành, 9/2018

NHÂN NÀO QUẢ NẤY

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)

Phàm làm việc gì thì phải nghĩ đến kết quả của nó.

Gieo nhân thiện lành thì gặt quả tốt đẹp, an vui. Gieo nhân tai ác thì quả dữ không như ý nảy sinh. Làm việc phải có mục đích mới không uổng phí thời gian và công sức.

Trong kinh có câu chuyện về ngài Nan Đà đáng để chúng ta suy gẫm.

Nan Đà là em cùng cha khác mẹ với Phật. Ở hoàng cung ngài đắm mình trong thú vui ngũ dục. Ngày nọ sau một đêm dài hoan lạc thức dậy nhìn ra ngoài vườn hoa, ngài thấy Đức Phật đang tiến dần về phía ngài, vóc dáng nhu hòa nhưng cao khiết trang trọng. Khi đến nơi Đức Phật ôn tồn bảo Nan Đà:

“Từ lâu ta đã thấy bên trong ta đã có phụ hoàng và em. Chính trong mục đích giải thoát chúng sanh rộng lớn, ta thấy được đạo lý. Ta biết em đang khao khát chân thực. Ta đi trước em. Ta biết rằng hạnh phúc chân thật không thể tìm ở đâu khác ánh đạo. Ánh đạo ấy ta đem về cho em đây.”

Nan Đà cảm động im lặng. Người đứng trước mình là anh, là thầy, là ân nhân. Lòng rạo rức niềm vui phúc thiện. Phật phán:

“Đường ta đi trong sáng, nhưng đầy khó khăn và trở lực; có điều thành tựu nào lại không phải vượt qua trở lực và lao lung. Em có đủ trí lực để vượt qua không?”

Nan Đà găm suy hồi lâu rồi thuận chịu theo chân Phật về tịnh xá. Nan Đà được chúng tăng đón rước rất là ân cần. Nan Đà thấy cuộc sống có ý nghĩa cao cả đáng trọng. Nhưng vẫn còn thiếu một cái gì đó quen quen. Đó là thú vui ngũ dục ở chốn hoàng cung

với cung tần mỹ nữ. Phật hiểu điều đó. Một hôm đi thọ trai xa, Phật đưa bình bát của mình cho Nan Đà dẫn ở nhà đổ đầy nước vào đó. Nan Đà mừng rỡ vội vã đi đổ nước vào bình để khi xong có thể chạy về hoàng cung chút xíu. Thế nhưng đổ mãi nước vẫn không đầy. Cuối cùng Nan Đà cất bình rồi đi đại. Nhưng đã trễ. Phật ở ngoài đang từ từ tiến vào, gặp nhau ngài ôn tồn bảo:

“Thôi trở lại, em đã có lời hứa với anh chưa làm xong. Hãy tự chiến thắng mình mới đi đến đích.”

Ít lâu sau Phật thuyết pháp trên cõi trời Đạo Lợi. Phật dùng thần thông đưa Nan Đà đi theo. Thật là một quốc độ tuyệt vời. Lâu đài mỹ nữ chốn này so với cung điện dưới trần hơn có đến trăm ngàn lần. Khi ông đi ngang qua một toàn cung điện trắng lệt, cung nhân mỹ nữ tuyệt vời nhưng lại chưa có chủ. Ông bèn ướm hỏi:

“Ai là người được diễm phúc an hưởng cung này?”

Các nàng tỏ vẻ:

“Nơi đây đang chờ đón một người nơi hạ giới tên Nan Đà, nếu ông ta tu hành chứng được thánh quả.”

Nan Đà mừng quá lập chí sẽ tinh tấn tu học hơn nữa.

Lần khác, Phật thuyết pháp tế độ cho chúng sanh ở địa ngục. Phật cũng dùng thần thông đưa ông đi theo. Ở đây ông được chứng kiến vô lượng cảnh khổ đau cùng cực không bút nào tả xiết được. Cuối cùng ông thấy năm vạc dầu sôi. Bốn vạc đều có tội nhân vấy vũng than khốc. Riêng có một vạc được đun với nhiệt độ sắp bốc lửa mà không có tội nhân nào.

Ông hỏi con quỷ coi vạc dầu này: “Đun làm chi vạc dầu này cho phí công?”

Nó trợn mắt bảo:

“Nơi đây dành riêng cho một người ở dương thế tên là Nan Đà nếu ông ta giải đạo trong tu tập.”

Nan Đà giật mình không dám hỏi thêm gì nữa.

Từ đó ông vô cùng tinh tấn tu tập. Song chư đại đệ tử của Phật vẫn thường xa lánh ông. Ông đem điều này hỏi Anan. Anan dùng sức quán chiếu soi rọi tâm ý Nan Đà thấy đã đến lúc độ được bèn nói:

“Chúng ta đều là môn đồ nhà Phật nhưng mục đích có khác. Chúng tôi theo Như Lai để cầu đạo vô thượng. Trước độ mình, sau độ khắp cho cả lục đạo chúng sanh. Xả hi, vị tha. Còn thầy chỉ sợ đọa địa ngục, mong sanh thiên để hưởng phú phần sung sướng Nan Đà anh hãy can đảm lên. Quả lành sẽ đến với chúng ta.”

Nan Đà ngộ được chân lý ấy. Một lòng tinh tấn tu hành Phát Đại Hạnh nguyện mưu cầu tri kiến Phật nên đã thành tôn giả đáng trọng mà Phật tử hậu lai đều được nhuần công đức lớn của ngài.

Bổ cục câu chuyện cho ta thấy một cách hoàn hảo sự tùy thời nghi mà thuyết pháp độ sanh.

Bỏ tà theo chánh, bỏ nọ tìm chân.

Lìa Tiểu theo Đại, khứ Thiên theo Viên.

Được vậy là khóa ngỏ về tam đồ Bát nạn, xác định lập trường. Dứt khoát thái độ chí nguyện nhờ đó mà được viên thành.

(Trích 52 Câu Chuyện Dưới Cờ—
Thị Nguyễn Nguyễn Đình Khôi)



TỬ ÂN

(*Phật Pháp Thứ Năm* — tài liệu tu học của GDPTVN)

Trong xã hội, mọi người đều có tương quan tương duyên với nhau. Mọi người đều có ân nghĩa với nhau. Gần gũi nhất là ân của cha mẹ, ân của thầy bạn, rộng ra một chút là ân quốc gia xã hội. Người Phật tử còn thọ ân Tam Bảo. Chúng ta phải biết báo đáp những ân nghĩa cao dày ấy một cách đúng pháp.

1) ÂN CHA MẸ:

a. Công ơn: Cha mẹ thương con vô bờ bến, vì con mà phải chịu bao nhiêu khổ sở. Từ khi mang thai, mẹ phải chịu bao nhiêu cực nhọc, đến khi sinh hạ thì biết bao đau đớn. Suốt cả cuộc đời, cha mẹ làm lưng vất vả cũng chỉ cốt cho con được no ấm. Lúc con ốm đau, cha mẹ mất ăn bỏ ngủ lo lắng thuốc thang. Rồi còn lo cho con học hành để mở mang kiến thức nâng cao văn hóa. Những bậc cha mẹ sớm có duyên với đạo Phật, còn lo đưa con đến với đạo để được giáo dục về đức hạnh và biết được con đường giải thoát khổ đau.

Mãi cho đến cả khi con trưởng thành, cha mẹ cũng còn lo đến việc tạo lập gia thất xây dựng cơ nghiệp cho con. Công ơn ấy làm sao kể xiết. "*Công cha như núi ngất trời, nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển đông.*"

b. Cách báo đáp: Trong đạo Phật thì hiểu đúng đầu muôn hạnh và đức Phật có dạy: "Dù một vai cồng cha, một cai cồng mẹ, suốt cả cuộc đời, cung phụng đầy đủ, cha mẹ đại tiện, tiểu tiện trên đầu, trên cổ cũng vui tươi, vẫn chưa đủ đền đáp công ơn." Vì sao thế? Vậy phải đền đáp công ơn cha mẹ như thế nào?

Bốn phận làm con ngoài việc cung kính, yêu thương chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ, còn phải biết giữ gìn thanh danh gia đình, làm hiển danh cho cha mẹ, không phải bằng chức vị, bằng sự giàu sang mà bằng đạo đức, bằng cuộc sống hiền thiện của mình.

Nhưng chưa đủ, vì muốn báo đáp công ơn cha mẹ cần phải làm sao cho cha mẹ giải thoát khổ đau, sống đời an lạc. Muốn được vậy người con cần phải:

- Nếu cha mẹ có những thói quen, sở thích không tốt như rượu chè, cờ bạc, săn bắn thì khuyên hóa cha mẹ từ bỏ dần dần những thói quen ấy.

- Nếu cha mẹ chưa biết đạo Phật thì khích lệ cha mẹ đi chùa nghe giảng giáo lý, thực hành giáo lý trong cuộc sống.

2) ÂN THẦY BẠN:

a. Công ơn: Chúng ta được mở rộng kiến thức nhờ công ơn thầy dạy dỗ, không quản nhọc nhằn. Bạn bè cùng hỗ trợ giúp đỡ ta trong việc học hỏi. Thực tế ta được học hỏi ở

bạn rất nhiều, những gì ta chưa hiểu được thấu đáo cũng nhờ bạn giải bày, trao đổi mà ta được thấu triệt. Bạn bè còn giúp chúng ta trong những khi thất bại, những khi gặp khó khăn hay trong lúc hoạn nạn.

b. Cách báo đáp: Để đền đáp công ơn ấy, ta phải siêng năng học tập để càng ngày càng nâng cao thêm trình độ văn hóa, càng mở rộng thêm kiến thức.

Dù ta không còn ngồi trên ghế nhà trường nhưng chúng ta luôn luôn tìm học ở sách vở và ở chính thực tế cuộc sống. Chúng ta phải cung kính lễ độ những người thầy của chúng ta

(dù ngày nay không còn dạy chúng ta nữa). Ta thường lui tới viếng thăm giúp đỡ thầy bạn, nhất là trong lúc thầy bạn thiếu thốn hoặc gặp hoạn nạn.

Tình bạn phải gắn bó thủy chung.

Ngoài ra, ta phải biết khích lệ thầy bạn học hỏi giáo lý Phật đà, làm các việc phước thiện.

3) ÂN QUỐC GIA - XÃ HỘI:

a. Công ơn: Nói đến ơn quốc gia thì phải nghĩ đến các vị tiên bối, các anh hùng liệt sĩ đã ra công giữ nước và dựng nước. Những người đã đem xương máu gìn giữ quê hương, và cả những người hiện ngày đêm canh phòng, gìn giữ bờ cõi, bảo vệ trị an để chúng ta được sống thanh bình. Chúng ta cũng mang nặng ân của chính phủ (nếu là chính phủ biết thương dân, lo cho sự ấm no của dân) lo cho mọi vấn đề



giáo dục, y tế, kinh tế, văn hóa, v.v... để chúng ta có cuộc sống ấm no, ổn định và tiến hóa.

Rộng ra nữa, chúng ta có bát cơm ăn cũng nhờ sức lao động của những nông dân, có áo mặc nhờ ơn người thợ dệt, thợ may... Mọi thứ trong cuộc sống ta phải nhờ vả vào xã hội, không ai có thể sống mà không nhờ vả đến kẻ khác. Những người không biết đến ân của quốc gia, của xã hội thì quả là người bội nghĩa, vong ân.

b. Cách báo đáp: Đền đáp đền ân quốc gia xã hội chúng ta phải làm tròn bốn phận của người dân đối với đất nước, phải tôn trọng luật pháp đã quy định. Chúng ta phải biết bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc, và biết chọn lọc tiếp thu văn hóa của các nước tiên tiến chứ không đưa đòi một cách mù quáng để hóa ra vong bản. Chúng ta phải biết sống giản dị, nêu cao tinh thần đoàn kết trong quần chúng, có tinh thần tương thân tương trợ nhất là những lúc đồng bào bị thiên tai họa nạn. Chúng ta luôn nhớ ơn, quý trọng những người lao động, đem công sức, đổ biết bao mồ hôi để ta có bát cơm, tấm áo, thuốc men khi ốm đau, mọi vật dụng cần thiết trong cuộc sống. Đừng nghĩ rằng mình "có tiền là có tất cả," dù ngồi trên đồng tiền mà không có người nông phu cày ruộng, không có người công nhân dệt vải, không có người thợ xây dựng nhà thì hỏi ta có sống được không? Và còn biết bao nhu cầu trong cuộc sống hàng ngày nữa. Vì thế ta không nên phung phí lương thực, không xài phí vật dụng quá đáng, mà phải biết tiết kiệm để giúp đỡ kẻ nghèo khó, tham gia công tác từ thiện xã hội. Đương nhiên, người biết đền ơn quốc gia, xã hội là người biết tích cực làm việc trong nghề nghiệp của mình, trong chức năng của mình để đóng góp cho sự phồn vinh của quốc gia, xã hội.

Với người Phật tử, ta còn có một cách đền đáp công ơn quốc gia xã hội là áp dụng "Tứ nhiếp pháp" để cảm hóa, giáo dục những phần tử không tốt trong xã hội.

4.- AN TAM BẢO:

a. Công ơn: Còn một công ơn lớn lao của người Phật tử nữa, đó là ân Tam Bảo.

Qua bài "Cuộc đời đức Phật," chúng ta đã thấy rõ đấng Thế Tôn, không phải chỉ mong muốn giải thoát cho riêng mình, bỏ cả vợ đẹp con yêu, cung vàng điện ngọc để đi tìm chân lý mà Ngài luôn luôn thao thức tìm hạnh phúc chân thật cho nhân loại, nói rộng ra là cả vạn loại chúng sanh. Ngài đến với thế gian này bằng tấm lòng từ bi rộng lớn.

Nhờ đức Thế Tôn, nhân loại mới biết con đường giải thoát khổ đau, nhờ có đức Thế Tôn, chúng sanh ta mới được hạnh phúc thật sự.

Qua "Tam Bảo," chúng ta cũng nhận được thêm rằng: Ngài đã tịch diệt cách đây 25 thế kỷ nhưng nhờ giáo pháp của Ngài để lại, và nhờ bao nhiêu thế hệ chơn Tăng truyền thừa, ngày nay chúng ta mới được tắm gội trong ánh

sáng nhiệm màu. Cho nên người Phật tử chúng ta không thể nào quên công ơn Tam Bảo. Nhưng để báo ơn Tam bảo ta phải làm gì đây?

b. Cách báo đáp: Thật sự thì ân Tam bảo quá lớn lao, quá cao cả mà chúng ta đang chìm đắm trong mê mờ làm sao gọi là đền đáp cho trọn vẹn được? Chỉ có tấm lòng thành kính và sự thiết tha mong cầu giải thoát của chúng ta mới có thể gọi là chút báo đền công ơn (vì Thế Tôn thị hiện Ta bà cũng với mục đích giải thoát cho chúng ta khỏi đau khổ luân hồi). Muốn thế chúng ta phải:

Luôn luôn tinh tấn học hỏi, nghiên cứu kinh điển, đem giáo pháp thực hành trong đời sống. Nhưng khi nghiên cứu kinh điển ta phải tránh thái độ "Chấp chặt." Chúng ta phải hiểu rằng giáo lý là phương tiện để đi đến chân lý chứ giáo lý không phải là chân lý, giáo lý chỉ là ngón tay chỉ mặt trăng. Có vậy mới hiểu đúng được giáo lý. Cũng như ngày xưa, đức Phật muốn chúng ta đền đáp công ơn Ngài bằng cách "Hiểu đúng" về Ngài chứ không phải bằng cách tôn xưng mù quáng: "*Tin ta mà không hiểu ta là phi báng ta.*"

Nghiên cứu giáo lý với tinh thần cố chấp là tự nhốt mình trong cái vỏ giáo điều để không còn nhìn được sự vật đúng như thật tướng của nó. Khác gì đứa con khờ dại chỉ nhìn người cha qua sự nghiêm khắc khi mình có lỗi rồi kết luận về cha mình mà không nhìn được tình thương ẩn tàng trong ánh mắt nghiêm nghị đó.

Chúng ta còn phải biết hộ trì Chánh pháp bằng cách tích cực trong nhiệm vụ của người Huynh trưởng, luôn luôn chăm sóc đàn em, nhất là lo chu toàn việc học giáo lý của các em. Chúng ta tham gia mọi công tác Phật sự trong khả năng của mình.

Ngoài ra chúng ta nên ủng hộ các công trình phiên dịch, trước tác, ấn hành kinh sách Phật giáo.

Chúng ta luôn luôn cung kính cúng dường chư vị Tăng Ni giới hạnh trang nghiêm tu hành thanh tịnh.

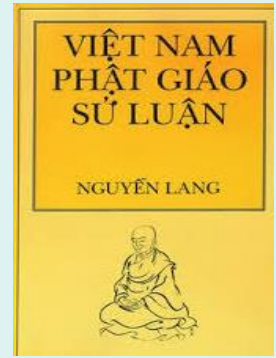
Đã là người, nhất là người Phật tử tức là phải biết TỨ AN và tìm tất cả các phương tiện đền đáp. Nhưng phải đền đáp một cách sáng suốt, có ý nghĩa như đã trình bày trong bài. Theo cách báo đáp ấy thì không phải đợi giàu sang mới báo đáp được, mà dù có nghèo khó đến mức nào, bần hàn đến đâu nữa cũng có thể báo đền đúng pháp, tùy khả năng của mình. Nhưng đừng ngại và cũng đừng bao giờ cho rằng mình khả năng vật chất không có mà khả năng tinh thần thì cũng hạn hẹp. Ví dụ hạn hẹp đến mức độ nào, ít ra mình cũng có thể đem những gì mình đã học hiểu ở giáo lý, áp dụng vào đời sống hằng ngày và khuyến hóa mọi người sống theo lời Phật dạy, đó cũng là đền đáp Tứ trong ân một cách thiết thực nhất.

(Tài liệu huấn luyện của Huynh trưởng GDPT, bậc Kiên)

LÝ HỌC VÀ PHẬT GIÁO

(Chương XXIV, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP II)

Nguyễn Lang



(tiếp theo kỳ trước)

LÊ QUÝ ĐÔN KHUYÊN NHO GIA NÊN CÓ THÁI ĐỘ CỜ MỜ

Lê Quý Đôn sinh năm 1726 và mất năm 1784. Ông đỗ đầu ba khoa thi Hương, thi Hội và thi Đình. Đứng về phương diện chính trị, công nghiệp của ông không có gì to lớn. Nhưng đứng về phương diện văn hóa, ông là một nhà bác học đã từng đóng góp lớn lao cho nền quốc học Việt Nam. Tác phẩm của ông gần bốn mươi cuốn, trong số đó có nhiều cuốn quan trọng chưa tìm lại được, như *Hoàng Việt Văn Hải*, *Tôn Tâm Lục*, *Xuân thu lược luận* v.v.. Sách *Kim Cương Chú Giải* của ông cũng chưa tìm lại được.

Lê Quý Đôn tinh thông về Lý học, nhưng ông có suy tư độc lập của ông và đã trình bày suy tư độc lập ấy trong chương "Lý Khí" ở sách *Văn Đài Loại Ngữ*.

Theo ông, bản chất của vũ trụ vạn vật là khí. Khí không phải là vật chất, không phải là tâm tính mà là nền tảng của cả hai. Nó không phải vô tri và nằm lý. Nó linh hoạt và đầy ý sống. Trời, đất, gió, mưa, sấm, sét, nhật, nguyệt, cho đến cả tính tình của trời đất, đạo đức và sự nghiệp của thánh hiền đều nằm gọn trong khí. Ông viết: "Tác dụng của khí rất nhiệm, khí mà thịnh thì thư thái, khí mà suy thì co rút, cứ xem nơi cây cối khô héo hay tươi xanh thì biết {nó thịnh hay suy}. Khí mà trong thì thông, khí mà đục thì bế tắc; cứ xem nơi lòng người sáng tỏ hay mờ ám thì biết {nó trong hay đục}."

Lê Quý Đôn cho Thái Cực là một khí hỗn nguyên: "*Thái Cực là một, nó là một khí hỗn nguyên... một mở một khép gọi là biến, qua lại không cùng gọi là thông, khép lại là Vô, mở ra là Hữu, qua rồi là Vô, đang đến là Hữu.*" Ông bác ý niệm: "Hữu sinh từ Vô" bởi vì theo ông Hữu và Vô là hai mặt của một Thái Cực. Chỉ nói Thái Cực hay Khí là đủ rồi, không cần nói Vô Cực. Cũng không cần đối lập Lý với Khí. Lý chẳng qua chỉ là thuộc tính của Khí, mà không phải là lưng dựa hình nhi thượng của khí. Khí không cần lưng dựa nào cả. Nó chính là lưng dựa của nó." "*Lý là để nói rằng Khí là Hữu chứ không phải là Vô.*"

Vậy Lý cũng có nghĩa là Pháp. "*Lý không có hình tích, nhờ Khí mới nhận ra Lý được. Lý ở ngay trong Khí. Âm dương, chân lẽ, tri hành, thể dụng... là những cặp đối lập. Nhưng không thể đối lập Lý và Khí.*"

Vai trò của Tâm thì sao? "*Tâm người thật là lớn, trên thì thông với trời đất, giữa thì trắc lượng quý thần, dưới thì xem xét muôn vật. Tâm ấy có thể chuyển đổi tình trạng và sự vận hành của vũ trụ. "Nhật thực có thường độ, nhưng lại có liên quan đến nhân sự, con người sắp làm điều bất thiện thì mặt trăng đang đi vào độ giao thực liền lặn áp và che lấp mặt trời. Đó là cái Khí của con người động đến trời đất vậy."*

Lê Quý Đôn nhìn đạo Phật như sau:

"*Tôi thiết tưởng đây là đại khái của tông chỉ đạo Phật: Vạn vật thế gian là hư ảo, con người phải tu tập để đạt được giác ngộ chân chính mà thoát ra khỏi lục trần. Một khi đã thành được diệu đạo tột bậc thì trở lại thương xót chúng sinh, thi hành nhiều phương tiện để cứu giúp: ai muốn học đạo chính giác thì giúp cho họ viên thông, ai muốn tu tịnh theo đạo làm người thì cũng giúp cho họ được thành người. Đâu phải chối bỏ tình anh em họ hàng và dứt tuyệt luân lý cương thường.*"

Những dòng trên, ông đã viết trong sách *Kiến Văn Tiểu Lục*, thiên "Thiền Đạt." Cũng ở trong sách này, ông trích dẫn kinh Phật để chứng minh rằng đạo Phật cũng dạy việc tu thân, tề gia. Ông đã trích đoạn này trong sách *Pháp Uyển Châu Lâm*, có ghi lời Phật nói với một vị quốc vương để chứng minh đạo Phật có dạy đầy đủ về cách trị nước: "*Có ba việc có thể làm nát hỏng việc nước: thân cận kẻ tà nịnh, không nghe lời phải và ưa chinh phục nước khác. Ông vua là người cả nước trông vào, vì vậy vua nên là cây cầu để tế độ muôn dân, nên làm cái cân để duy trì công lý, không phân biệt thân sơ, nên làm mặt trời chiếu khắp thế gian, nên làm mặt trăng đưa khí mát cho muôn vật, nên là cha mẹ nuôi dạy con âu yếm trăm họ, nên làm bầu trời che hết muôn loài, nên làm mặt đất nâng hết vạn vật.*" Ông lại trích *Kinh Thư* và *Kinh Dịch* để chứng minh là Nho giáo cũng có nói đến chuyện báo ứng (105).

Ông khuyên nho sĩ đừng cố chấp, đừng chê

bai những gì mình chưa biết, chưa hiểu. Ông nói rằng giáo lý Khổng Mạnh nhằm mục đích sửa lại tâm người cho ngay ngắn cho nên không bàn đến chuyện huyền vi là huyền hoặc. Ông viết: *"Giáo lý Phật Lão chuộng sự thanh đạm, thoảng không mọi nổi, siêu việt thể tục, lắng hết căn trần, không để ngoại vật ràng buộc bản thân. Đó cũng là cách độc thiên kỳ thân của bậc cao minh. Những lời đàm luận sâu xa về đạo đức, rộng rãi về tinh thần đều hàm chứa ý nghĩa thâm sâu huyền diệu. Bọn nho sĩ chúng ta nếu cứ giữ thành kiến kỳ thị đạo nọ đạo kia, mà điều gì cũng biện bác chê bai, thì sao cho phải?"*

Lê Quý Đôn rất ham chuộng kinh *Lãng Nghiêm*. Ông viết về kinh này như sau: *"Kinh Lãng Nghiêm là một cuốn kinh mà ý nghĩa rất huyền bí. Không những nghĩa lý của cuốn kinh Phật Giáo này rất sâu rộng mà văn pháp của kinh cũng rất vi diệu. Cách thí dụ và bàn cãi thật là rành rõ như kẻ tóc chân tơ; lời lẽ có khí thể hùng tráng như sông nghiêng núi đổ. Sách nói đức Pháp vương là tay đại hùng biện, quả đúng như vậy."*

Sách *Kim Cương Chú Giải* của Lê Quý Đôn có lẽ được sáng tác sau khi ông từ chức quan về nhà, không còn muốn dính líu đến tình trạng rối ren trong triều phủ. Lúc ấy ông vào khoảng trên bốn mươi. Năm 1765 ông có viết một bài minh khắc trên chiếc khánh đồng chùa Thanh Quang ở thôn Cự Trữ, xã Trúc Phương. Hồi đó ông mới ba mươi chín tuổi. Bài minh như sau:

*Chỉ có lòng người
Vào ra không chừng
Nhờ Định có Tuệ
Nhờ nghe, viên thông.
Chất liệu là đồng
Tên gọi là khánh
Thấu đạt nghĩa ấy
Đông tĩnh nhất tâm
Giác ngộ tự kỳ
Mới thấu hành tung
Hình chất tuy thô
Ý thú cao thâm
Hoa đốm nhân quả
Đừng bàn thiển cận
Ta khuyên mọi người:
Làm thiện hết lòng.*

(Duy nhân chỉ tâm
Xuất nhập vô thì
Định cố tuệ bản
Văn diệc ngộ kỳ

Quyết chất tắc kim
Quyết danh tắc khánh
Tham thấu kỳ lý
Nhất động nhất tĩnh
Liễu ngộ tuần tình
Nãi thức kỳ hạnh
Hình khí tuy thô
Ý thú tự thâm
Nhân quả không hoa
Vật đàm thiển cận
Ngã cáo chư nhân:
"Đẫn lực vi thiện") (106)

Ngôn từ có thể nói là "chất Phật" rồi vậy.

ĐẠI CHÂN VIÊN GIÁC THANH

Vào khoảng cuối thế kỷ thứ mười tám, có một tác phẩm rất lạ ra đời nhan đề là *Trúc Lâm Tông Chỉ Nguyên Thanh*. Sách ký tên ba người: Hải Lượng, Hải Âu và Hải Hòa. Đó là một tổng hợp Nho Thích khá độc đáo, với khuynh hướng quy tụ về Phật Giáo Trúc Lâm. Đọc *Ngô Gia Thế Phổ* ta biết Hải Lượng Thiên Sư chính là Ngô Thì Nhậm. Còn Hải Âu và Hải Hòa là hai trong những vị tăng thân cận với Ngô Thì Nhậm. Sách do Hải Âu và Hải Hòa viết, nhưng những ý chính của sách là của Hải Lượng Ngô Thì Nhậm. Hải Âu và Hải Hòa chỉ



LÊ QUÝ ĐÔN (1726—1784)

thuật lại và viết những bài bàn luận chung quanh các ý chính ấy (107).

Sách *Trúc Lâm Tông Chỉ Nguyên Thanh* có hai phần. Phần đầu nói về hành trạng của ba tổ Trúc Lâm, nhan đề là *Tam Tổ Hành Trạng*. Phần hai là 24 chương nói về 24 thanh, bản về 24 vấn đề liên hệ đến giáo lý Nho và Phật, nhan đề là *Đại Chân Viên Giác Thanh*. Ngoài ra còn có một phần phụ do Bạch túc Hải Điền Nguyễn Đàm Tử sáng tác, nhan đề là *Đại Chân Viên Giác Thanh Tiểu Khấu*. Phần này mất những tờ chót, cho nên chỉ nói được về 18 thanh thay vì 24. Sách được in rất đẹp (108). Bản của chúng tôi sử dụng là một cuốn phim tiêu ly chụp cuốn sách và tăng trữ tại Trường Viễn Đông Bác Cổ Paris. Sách có hai quyển dịch quốc ngữ, một bản do A Nam Trần Tuấn Khải thực hiện, xuất bản tại Sài Gòn năm 1971, một quyển viết tay do Nguyễn Bích Ngô thực hiện, tàng trữ tại Viện Triết Học Hà Nội. Không biết bản dịch sau này căn cứ trên bản nào, vì phía trước có một bài tựa của Phan Huy Ích, không có trong bản của Trường Viễn Đông Bác Cổ (*).

Phần *Tam Tổ Hành Trạng* không có gì đặc biệt. Nội dung là lược truyện của ba vị tổ Trúc

Lâm: Giác Hoàng, Pháp Loa và Huyền Quang, biên soạn căn cứ vào tài liệu của sách *Tam Tổ Thực Lục*, nhưng vẫn tắt hơn nhiều. Những bài thơ còn lưu truyền của Huyền Quang thấy trong các sách *Hoàng Việt Thi Tuyển* và *Toàn Việt Thi lục* được đưa vào trong hành trạng của Huyền Quang. Có điều đáng để ý là sách được mở đầu bằng hình Huyền Quang ngồi phóng hào quang, với những dòng sau đây: "*Huyền Quang tôn giả húy Lý Đạo Tái, nguyên quán Gia Định, tỉnh Kinh Bắc, là bậc thiên thông tuệ, sớm ngộ lý thiền, đậu trạng nguyên Tam Giáo đời Trần, sau xuất gia theo cầu đạo với Điều Ngự, trú trì ở Yên Tử và thị tịch tại đó*" (109). Đồ đệ suy tôn là tổ Trúc Lâm thứ ba. Có bài kê rằng:

*Bậc Đại Giác ở cõi nhân thiên
Tại đất Việt ab lần trao truyền
Khế ngộ được Không Hư
Đã huyền lại thêm huyền
(Đại giác nhân thiên
Nam độ tam truyền
Khế ngộ không hư
Huyền chi hựu huyền)(110)*

Tiếp theo đó là một bản đồ gọi là Hai Mươi Bốn Thanh Phối Khí Ứng Sơn, và 24 tên một đặt cho Bồ Tát Quan Âm, mỗi tên ứng với một thanh.

Phần *Đại Chân Viên Giác Thanh* được tổ chức thành 24 chương, mỗi chương dành cho một thanh. Cách tổ chức mỗi chương có ý mô phỏng theo hình thức Niêm, Tụng, Kê của thiền gia. Mỗi chương vì thế có ba phần. Phần thứ nhất nêu lên đặc tính của một thanh; phần thứ hai, đưa ra những lời nhận xét của Hải Lượng (tức Ngô Thì Nhậm), nhưng nhận xét này có khi được trình bày dưới hình thức của một cuộc tham vấn Thiền học, thỉnh thoảng có kèm theo một số hình ảnh; phần thứ ba là lời bàn của Hải Âu và Hải Hòa. Phần thứ nhất tương đương với Niêm, phần thứ hai tương đương với Tụng và phần thứ ba tương đương với Kê. Ý niệm căn bản của sách Trúc Lâm Tông Chỉ Nguyên Thanh là âm thanh. Sở dĩ tên Quán Thế Âm Bồ Tát được nêu trên 24 lần – mỗi lần một tên khác nhau để phối hợp với một Thanh – là vì vị Bồ Tát này nhờ quán sát âm thanh mà chứng được quả vị viên thông. Vậy có thể nói 24 chương trình bày 24 đề tài thiền quán, mỗi đề tài là một thứ âm thanh. Hai mươi bốn âm thanh là: Không thanh, Ngộ thanh, Ấn Ngộ thanh, Phát tướng thanh, Kiến thanh, Hoán thanh, Thuyết thanh, Thu thanh, Định thanh, Tịch thanh, Vô thanh, Minh thanh, Phán thanh, Tục thanh, Bất quả thanh, Tàng thanh, Hưởng thanh, Lưu động thanh và Dư thanh.

(còn tiếp)

(105) Kinh Thư: "Làm lành thì được trăm việc lành, làm ác thì chịu trăm việc tai ương" (tác thiện

giáng chỉ bác tường, tác bất thiện giáng chỉ bách ương). Kinh Dịch: "Những nhà chứa chất việc thiện thế nào cũng có phúc về sau, những nhà chứa chất việc ác thế nào cũng có tai họa về sau" (Tích thiện chi gia tất hữu dư khang, tích bất thiện chi gia tất hữu dư ương).

(106) Tài liệu của Đoàn Ngọc Phan trong Tạp Chí Văn Học, số 6 năm 1976, Hà Nội.

(107) Ngô Gia Thế Phả viết: "Nhìn quanh trông thấy ai là kẻ đồng tâm, cho nên ông (Ngô Thì Nhậm) bèn mượn đạo Phật làm vui, mở thiền viện Trúc Lâm tại phường Bích Câu, nơi ông ở, thuật lại hành trạng của Tam Tổ: Giác Hoàng, Pháp Loa và Huyền Quang để phụng thờ, độ điệp cho em ruột là Huyền Trai làm Thượng Túc đệ tử. Lúc ấy có các vị sư Hải Hòa và Hải Âu tôn ông là Hải Lượng Đại Thiền Sư, và vì ông làm sách *Trúc Lâm Tông Chỉ*, lấy 24 chương thuyết pháp của ông làm ra Đại Chân Viên Giác Thanh.."

(108) Cuối phần Đại Chân Viên Giác Thanh có ghi tên người viết chữ và san hành như sau:

Phụng tả:

- Thị nội mật sự tả trung doãn Dực trung bá Nguyễn Hữu Dực (Thanh Trì, Nhân Mục).

- Thị nội bí thư thự chính tự Tích trung bá Đào Kim Tích (Gia Lâm, Tĩnh Quang)

- Thị nội bí thư thự kiểm thảo Tuấn trung tử Nguyễn Hữu Tuấn (Thanh Trì, Nhân Mục)

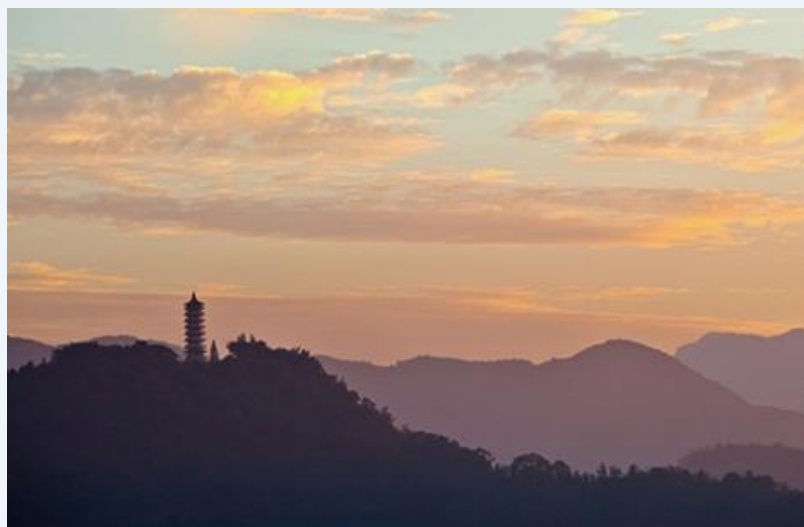
Phụng san:

- Thái thường giám thái chúc Nho nghĩa nam Phạm Đạt Nho (Gia Lộc, Hồng Liêu)

(*) Thật ra Trường Viên Đông Bác Cổ trước đây tàng trữ hai bản in Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh đều cùng bắt nguồn từ một bản: Bản A.2181 bị mất một số tờ trong đó có lời tựa của Phan Huy Ích. Bản A. 460 thì còn đủ. Cũng bản này có ghi tên những người làm thanh dẫn, và có đầy đủ phần thanh tiểu khẩu. Về soạn giả của bộ sách, ta có thể biết được Hải Lượng tức Ngô Thì Nhậm (1746-1803), tác giả phần chính văn, do người khác ghi lại, hoặc cũng có thể do chính ông tự ghi nhưng đặt mình vào ngôi sinh và mất, em ruột Ngô Thì Nhậm, tham gia phần thanh dẫn; Hải Âu tức Vũ Trinh (1759-1828), cháu rể thi hào Nguyễn Du, tác giả *Lan Trì kiến văn lục*, tham gia phần thanh chú; Hải Hòa tức Ngô Đăng Sở (1753-?), tham gia phần thanh chú; Hải Điền, tức Nguyễn Đạm, hay Nguyễn Hành (1771-1824) là cháu ruột thi hào Nguyễn Du, con trai thứ Nguyễn Điều, và là tác giả *Minh Quyên tập*, tham gia phần thanh tiểu khẩu (N.H.C.)

(109) Huyền Quang thị tịch ở Côn Sơn chứ không phải ở Yên Tử.

(110) Bài kê này ắt không phải của Huyền Quang: "Khế Ngộ Không Hư" và "huyền chi hựu huyền" không phải từ ngữ của Phật giáo. Trong những tác phẩm xuất hiện từ trước, chưa có tác phẩm nào nói tới hai bài kê này.



TINH TẤN VÌ ĐẠO

Tại nơi tịnh xá Trúc Lâm
Thành Ba La Nại, mùa Xuân đã về
Đất trời tĩnh lặng bốn bề
Muôn hoa phô sắc sum suê trên cành
Đàn chim vui hót lượn quanh
Hương xuân phảng phất bên màn ngát ngây.
Thế Tôn an tọa nơi đây
Nhưng nhìn thấy cảnh đọa đầy phương xa
Dân tình khốn khổ kêu ca
Dưới quyền của Kế Hoa Đà hại dân
Vừa tàn ác, lại bất nhân
Khiến cho đất nước muôn phần tang thương.
Tâm từ tỏa ngát muôn phương
Thế Tôn tìm cách cứu hàng chúng sinh
Cử người thay mặt cho mình
Đến nơi giáo hóa, chân tình giúp dân.
Trong hàng đệ tử thiết thân
Chẳng nề gian khổ, mùi phân thiết tha
Có tôn giả Phú Lô Na
Cử làm sứ giả thật là thuận duyên,
Phú Lô Na nhận lời liền
Nguyện đem chánh pháp đi truyền bá ngay.

*
Thế Tôn hỏi: "Đất nước này
Đã nhiều độc ác, lại đầy tàn hung
Cần nhiều can đảm vô cùng
Mới mong trái được tẩm lòng từ bi?"
Phú Lô Na: "Con ngại chi
Đương đầu thử thách nguyện đi giúp đời!"
- "Nếu người chửi mắng nặng lời?"
- "Con coi như món quà người tặng thôi
Quà không nhận, mình trả lui
Lòng thời thanh thân, an vui, chẳng phiền,
Người ta như vậy còn hiền
Không dìm con chết đuối liền! Cũng may!"
- "Nếu người dìm xuống nước ngay?"
- "Con coi như họ còn đầy từ tâm
Lại thêm tội dạ vô ngần
Vì không ném đá máu tuôn trên đầu!"
- "Nếu người độc ác bảo nhau
Đầu người ném đá. Tính sao bây giờ?"
- " Bạch Thế Tôn! Họ còn khờ
Chưa mang gậy gộc ra mà đập con!"
- "Nếu người dùng gậy đánh luôn?"
- "Con cho như thế vẫn còn là may



Không giam giữ, chẳng tù đầy
Con đường truyền Đạo còn đây tự do!"
- "Nếu người tìm cách bỏ tù
Họ giam người lại không cho ra ngoài?"
- "Thưa rằng họ vẫn tốt thay!
Vì con sẽ có nhiều ngày tu thân
Thành thời tĩnh dưỡng tinh thần
Luyện nung ý chí thêm phần kiên trinh!"
- "Nếu người hại đến thân mình
Lấy gương đâm chém mặc tình chẳng nương?"
- "Thưa rằng họ vẫn còn thương!
Con không bị giết! Còn đường tương lai!"
- "Nếu người ta giết thẳng tay?"
- "Bạch Thế Tôn! Họ vẫn đầy từ tâm,
Giúp con giải thoát tâm thân
Một đời giả tạm, muôn phần khổ đau
Đường tu thành quả cho mau
Chứng Vô Thượng Giác! Đạo màu nở hoa!"

*
Nghe xong lời Phú Lô Na
Thế Tôn khen ngợi: "Thật là tuyệt hay!
Người đầy ý chí mạnh thay
Nêu cao chân lý thân này coi khinh
Xứng danh đệ tử trung trinh
Thay ta giáo hóa chúng sinh giúp đời
Gương cao ngọn đuốc tuyệt vời
Nước phương xa đó đến nơi soi đường
Đạo vàng trái rộng tình thương
Gieo mầm giải thoát, thơm hương an lành!"
Cúi đầu đánh lễ tâm thành
Vâng lời Phật dạy, nhiệt tình ra đi
Bước chân in dấu từ bi
Phú Lô Na quyết thực thi lời Ngài
Dù bao gian khổ trần ai
Đóng vai sứ giả Như Lai cho tròn...

(thi hóa theo Truyện Cổ Phật Giáo)

thơ TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

ĐỌC 'BIỆN CHÍNH PHẬT HỌC' – NGHĨ VỀ LỜI ĐỨC PHẬT RẦY

Nguyễn Giác

Bạn đã từng nghe Đức Phật rầy la bao giờ chưa? Ngay cả nếu bạn trong một kiếp tiền thân đã từng có duyên nhập chúng trong thời cận kề các bậc thánh "Thiện lai Tỷ khưu," cũng chưa hẳn bạn đã được tận mắt thấy Đức Phật rầy la một ai. Hiếm hoi lắm, nhưng trong kinh điển có ghi lại một số trường hợp.

Nói "Đức Phật rầy la" là nói kiểu đời thường, dùng chữ kém văn nhã (nơi đây, tôi xin chịu lỗi đã dùng chữ quê mùa đời thường để làm nổi bật những cách dùng chữ tuyệt vời hơn): Nhà nghiên cứu Thích Chúc Phú đã sử dụng chữ tinh tế và bác học, rằng đó là "Những Lời Dạy Nghiêm Khắc của Đức Phật" – bài phân tích này nằm ở các trang 219-228 trong sách *Biện Chính Phật Học Tập I*, do NXB Hồng Đức ấn hành năm 2018.

Nếu bạn say mê đọc kinh Phật, ưa thích những phân tích kỹ càng về giáo điển, muốn tìm hiểu các chuyện xảy ra thời Đức Phật đi giảng dạy nơi này và nơi kia, hiển nhiên đây là một tác giả bạn không thể bỏ qua: gần như tất cả những gì Thầy Thích Chúc Phú viết xuống đều rất độc đáo, rọi ánh sáng tới những điểm rất bất ngờ, và mang sức mạnh của sử liệu có thể kiểm chứng được bằng kinh luận. Thú thật, bản thân tôi không đủ uyên bác về cổ ngữ để tìm hiểu một số điểm có thể là khả vấn trong sách, nhưng cảm nhận rằng lý luận và chứng cứ của tác giả Thích Chúc Phú hầu hết là thuyết phục.

Nhóm 3 cuốn *Biện Chính Phật Học Tập I, Tập II, Tập III* chứa đựng rất nhiều thông tin về kinh điển khó tìm nơi khác. Có thể nói ngắn gọn rằng, trên đời này không có bao nhiêu tác giả có đôi mắt sáng như Thầy Thích Chúc Phú.

Thí dụ, nơi đây, để nêu lên một số đề tài phức tạp do Thầy Thích Chúc Phú nghiên cứu, tôi xin ghi tóm lược một số nhan đề bài viết từ Mục lục của *Biện Chính Phật Học* (BCPH) trong ba tập:

- Bàn về những luận điểm sai lầm của Schumann trong tác phẩm *Đức Phật lịch sử*;
- Vương nạn Tỳ-lưu-ly và cuộc thiên di đến Gandhara của dòng họ Thích;
- Nguồn gốc tín niệm cúng sao giải hạn;
- Kinh điển phi Phật thuyết trong kinh tạng Nikaya;

- Khương Tăng Hội cầu xá lợi – huyền thoại và sự thực;

- Từ quan điểm Nhất-xiển-đề thành Phật đến việc sám hối tội Ba-la-di: Khả tính cứu độ và khai phóng của Phật giáo;

- Tại sao tụng *Thất giác chi* để chữa bệnh, cầu an?

- Tại sao Bồ-Đề-Đạt-Ma phủ định công đức của vua Lương Vũ Đế?

- Đối khảo về *Thần chú sản nạn*;

- Những nhận định chưa đúng về Phật giáo trong tác phẩm Đại Việt Sử Ký Toàn Thư (1) và (2);

- Khảo biện về kinh *Dược Sư*;

- Tôn giả Thi-bà-la, vị Thần tài đích thực của Phật giáo;

- Từ Châu-lợi-bàn-đặc, đến lục tổ Huệ Năng, nghĩ về vấn đề pháp hành của Phật Giáo Việt Nam hiện tại;

- Những cứ liệu về Ni giới trước thời Di mẫu Ma-ha-ba-xà-ba-đề;

- Quan điểm của Phật giáo về vấn đề chuyển giới;

- Và nhiều bài khác với các chủ đề cũng độc đáo và quan trọng.

Đa số các bài trong ba tập của bộ sách BCPH có thể tìm trên mạng. Trong các bài trong sách và không tìm thấy trên mạng Internet có bài "Những Lời Dạy Nghiêm Khắc của Đức Phật" – có lẽ vì bài này viết vào thời báo Giác Ngộ chưa lên mạng, vì Thầy Thích Chúc Phú trong ban biên tập Nguyệt San Giác Ngộ?

Cũng nên ghi nhận rằng ấn bản BCPH đang lưu hành là đợt tái bản năm 2018, vì bản tin "Giới thiệu sách: Biện chính Phật học" trên Giác Ngộ ngày 27/10/2015 đã giới thiệu ấn bản đầu tiên qua lời phóng viên Đăng Tâm, trích như sau:

"...Công trình tập hợp nhiều bài viết của tác giả trong những năm gần đây, phần lớn đã được đăng trên nguyệt san Giác Ngộ. Sách do Nhà Xuất bản Tôn Giáo cấp phép, ấn hành quý III, năm 2015.

Mặc dù chủ đích của tác giả là biện chính những vấn đề trong "nội hàm" giáo pháp của Đức Phật, tuy nhiên trên thực tế, biên độ khảo chứng, biện nghị của tác giả còn mở rộng ra các lĩnh vực như: tư tưởng-triết luận, văn hóa,

lịch sử, xã hội, thậm chí những vấn đề liên quan đến khảo cổ học. Tác giả đã viện chứng rất nhiều tài liệu, kinh điển để làm vững chắc thêm cho lý luận của mình, trong đó có nhiều nguồn bằng tiếng Hán, tiếng Anh và tiếng Pali...

Có thể nói, đây là công trình tâm huyết và "táo bạo" của tác giả, bởi nhiều bài viết đã chạm đến những vấn đề từng gây tranh cãi trong quá khứ cũng như những vấn đề được xem là khá nhạy cảm trong Phật giáo ngày nay. Công trình "biện chính" như thế này hiện khá hiếm trên các kệ sách Phật giáo trong cũng như ngoài nước." (ngưng trích)

Tác giả Thích Chúc Phú trong bài "Những Lời Dạy Nghiêm Khắc của Đức Phật" ghi nhận một số trường hợp Đức Phật sử dụng thô ngữ, kèm với lời cảnh giác rằng "lời khó nghe nhưng tận trong sâu thẳm của Đức Phật, là lòng thương yêu chúng sanh không hạn lượng... có tác động mạnh mẽ tới một đối tượng hoặc một nhóm đối tượng cụ thể nào đó... Nói rõ hơn, thô ngữ xuất hiện trong kinh điển bao giờ cũng gắn liền với một ngữ cảnh. Nếu tách rời thô ngữ ra khỏi ngữ cảnh thì sẽ hiểu sai lời Phật dạy trong kinh điển." (BCPH Tập I, trang 221)

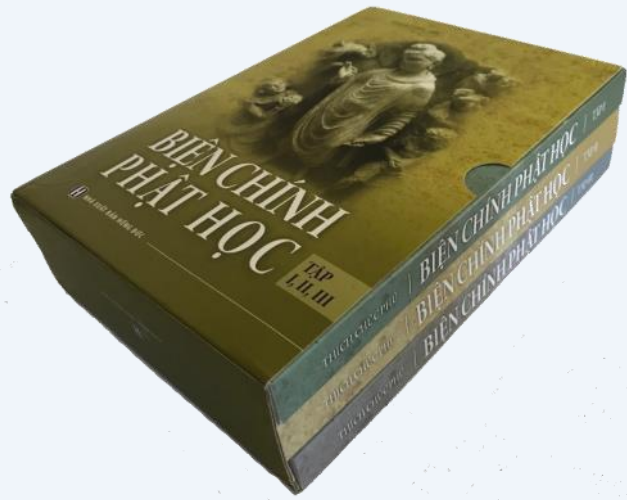
Có thể tóm lược vài trường hợp trong bài nêu trên như sau.

-- Đức Phật đưa ra hình ảnh "một con trùng phấn, ăn phân"... và liên hệ "Tỳ kheo bị lợi đặc" (Thầy Thích Chúc Phú đưa ra ba dẫn chứng: Kinh Tương Ưng Bộ 1, tập 2, thiên Nhân duyên, chương 6, Tương ưng lợi đặc cung kính, phẩm thứ nhất, kinh Trùng phấn; tương tự như vừa dẫn, nhưng ở phẩm thứ tư, kinh Xe; Kinh Tiểu Bộ, tập 4, Chuyện con voi Mahilamukha, số 26);

-- Sau khi Đại đức Pindola Bharadvaja vận dụng thần thông bay lên hư không đoạt lấy cái bát quý làm từ gỗ đàn hương trước chứng kiến của cư dân kinh thành Rajagaha, Đức Phật gọi Đại đức tới và nghiêm khắc huấn thị: "Giống như người đàn bà cho xem chỗ kín vì mục đích của những đồng xu tầm thường; này Bharadvaja, tương tự như thế vì mục đích cái bình bát gỗ tầm thường, pháp thượng nhân tức là sự kỳ diệu của phép thần thông đã bị người để lộ ra trước hàng tại gia." (Thầy Thích Chúc Phú đưa ra dẫn chứng: Cullavagga, chương Các tiểu sự, Bình bát bằng gỗ đàn hương.)

-- Trường hợp Tỳ kheo Vakkali, ghi lại trong Trưởng lão Tăng kệ, chỉ say mê ngắm nhìn dung nhan Đức Phật trong các thời pháp. Sau nhiều lần khuyên nhẹ nhàng, không được, Đức Phật để tới ngày cuối an cư mùa mưa, mới kêu Vakkali tới bảo: "Này Vakkali, hãy đi đi!" Đuối ra khỏi giáo đoàn là trừng phạt quá nặng nề. Do vậy, ngài Vakkali leo lên núi Linh Thứu để tự sát, ngay giây phút nguy ngập liễu thân đó, Đức Phật xuất hiện kịp thời, đưa ra lời dạy thích nghi, và không lâu sau đó, Vakkali chứng quả A La Hán.

-- Trường hợp Đức Phật nói về bảy ví dụ về



nguy hại của tham dục để khiển trách những người xuất gia nhưng vẫn tư tưởng chuyện thể tục, dùng các cặp hình ảnh tương phản như gần gũi người thiếu nữ hay chấp nhận tang thương dưới sức nóng của ngọn lửa, như nhận sự cúng dường và nhận những hình phạt tàn khốc. Nghe xong bảy ví dụ, có "có khoảng sáu mươi vị Tỳ-kheo hộc máu nóng từ miệng, có khoảng sáu mươi Tỳ-kheo từ bỏ học pháp và hoàn tục, nghĩ rằng: "Khó làm thay, Thế Tôn! Thật khó làm thay, Thế Tôn!". Có khoảng sáu mươi Tỳ-kheo, với tâm được giải thoát, không chấp thủ các lậu hoặc." (Thầy Thích Chúc Phú đưa ra dẫn chứng: Kinh Tăng Chi Bộ, tập 3, chương 7 pháp, Đại phẩm, kinh Lửa.)

Phần trên là tóm tắt bài "Những Lời Dạy Nghiêm Khắc của Đức Phật" của tác giả Thích Chúc Phú. Bài được in trong tuyển tập *Biện Chính Phật Học Tập I*, nhưng hình như không có trên Internet. Cảm giác của một người đọc giả trình độ trung bình như tôi là, như dường Thầy Thích Chúc Phú nhắn gửi gì tới một số trường hợp cụ thể trong nước, mà người ngoài nước có thể không hình dung ra. Dù có ám chỉ ai hay không, bài viết dĩ nhiên là có lợi, cũng là lời cảnh giác, rằng coi chừng Đức Phật rầy đó.

Nơi đây, để góp thêm lời, chúng ta thử suy nghĩ về lời Đức Phật giải thích về cách ngài giáo hóa nghiêm khắc, đặc biệt là hình ảnh, hề không dạy được người nào là phải "giết" người đó.

Trong kinh Tăng Chi AN 4.111 (Kesi Sutta), bản dịch của Hòa Thượng Thích Minh Châu, ghi lại cuộc đối thoại giữa Đức Phật và người dạy ngựa tên là Kesi. Đức Phật hỏi Kesi rằng, ông dạy ngựa ra sao, thì Kesi bạch rằng có ba loại ngựa: loại thứ nhất là ngựa dễ thuần hóa, chỉ nói mềm mỏng là đủ để nhiếp phục; thứ nhì là loại ngựa ngang ngược, phải dùng lời nói thô ác mới thuần hóa được; nhưng loại ngựa thứ ba, thì "không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng và thô ác của con, thời bạch Thế tôn, con giết nó. Vì sao? Vì mong rằng nó không làm mất danh dự cho gia đình thầy của con!"

Rồi Kesi hỏi Thế Tôn dạy các tu sĩ ra sao. Đức Phật nói tương tự, và tiếp: "Này Kesi, nếu

người đáng được điều phục không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng của Ta, không chịu nhiếp phục với lời nói cứng rắn, không chịu nhiếp phục với lời nói vừa mềm mỏng vừa cứng rắn, này Kesi, thời Ta giết hại người ấy!”

Kesi thắc mắc, và được Đức Phật trả lời, trích kinh này như sau:

“—Nhưng bạch Thế tôn, sát sanh không xứng đáng với Thế tôn. Tuy vậy, Thế tôn nói: “Này Kesi, Ta giết hại người ấy”.

—Thấy vậy, này Kesi, sát sanh không xứng đáng với Như Lai. Nhưng người đáng được điều phục ấy không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng, không chịu nhiếp phục với lời nói cứng rắn, không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng và cứng rắn, Như Lai nghĩ rằng người ấy không xứng đáng để được nói đến, để được giáo giới. Và các vị đồng Phạm hạnh có trí nghĩ rằng người ấy không xứng đáng để được nói đến, để được giáo giới. Bị giết hại, này Kesi là con người này, trong giới luật của bậc Thánh, bị Như Lai nghĩ rằng không đáng được nói đến, không đáng được giáo giới.” (1).

Trong một kinh khác, Kinh Trung Bộ MN 22 (Kinh Ví Dụ Con Rắn), bản dịch Hòa Thượng Thích Minh Châu, cũng cho thấy Đức Phật dùng lời nghiêm khắc đối với ngài Aruttha, một vị sư chấp thủ sai lạc, nói rằng nhà sư đó ngu si, đã xuyên tạc lời Đức Phật, trích như sau:

“—Này kẻ ngu si kia, sao Ông lại hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy? Này kẻ ngu si kia, có phải chăng, Ta đã dùng nhiều pháp môn thuyết giảng đạo pháp. Và những ai thọ dụng chúng từ đủ bị chướng ngại? Ta đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Ta đã thuyết các dục được ví như khúc xương ... Ta đã thuyết các dục được ví như miếng thịt ... được ví như bó thuốc cỏ khô ... được ví như hồ than hồng ... được ví như cơn mộng ... được ví như vật dụng cho mượn ... được ví như trái cây ... được ví như lò thịt ... được ví như gậy nhọn ... Ta đã thuyết các dục được ví như đầu rắn, vui ít, khổ nhiều, não nhiều, và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Và này kẻ ngu si kia, không những Ông xuyên tạc Ta, vì Ông đã tự chấp thủ sai lạc, Ông tự phá hoại Ông và tạo nên nhiều tổn đức. Này kẻ ngu si kia, và như vậy sẽ đưa đến bất hạnh và đau khổ lâu dài cho Ông.”(2)

Tương tự, trong một kinh khác trong Trung Bộ, Kinh MN 38 (Đại kinh Đoạn tận ái), bản dịch của Hòa Thượng Thích Minh Châu, ghi lại sự kiện Đức Phật nói lời nghiêm khắc khi một nhà sư chấp vào tà kiến.

Kinh kể rằng, nhà sư Sati chấp vào tà kiến rằng có một thức “dong ruồi, luân chuyển nhưng không đổi khác.” Biết như thế, các nhà sư khác khuyên rằng như thế là sai, vì nói thế là xuyên tạc Thế Tôn, vì thực tế Đức Phật nói rằng thức là do duyên khởi, làm gì có chuyện không đổi khác.

Kinh ghi lời các nhà sư khác khuyên Tỳ Kheo Sati: “Hiền giả Sati, chớ nói như vậy, chớ xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không có nói như vậy. Hiền giả Sati, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn nói thức do duyên khởi; không có duyên thì thức không hiện khởi.”

Nhưng Tỳ Kheo Sati “dù được các Tỳ-kheo ấy gạt vắn, thảo luận, vẫn nói lên ác tà kiến ấy, cứng đầu chấp chặt, nắm chặt tà kiến ấy.”

Các nhà sư mới trình lên Đức Phật, và Đức Phật gọi Tỳ Kheo Sati tới để dạy, trong đó có lời nghiêm khắc. Kinh MN 38 kể lại:

“—Thật sự là vậy, bạch Thế Tôn. Theo như con hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, thì thức này dong ruồi, luân chuyển nhưng không đổi khác.

—Này Sati, thế nào là thức ấy?

—Bạch Thế Tôn, chính thức ấy nói cảm thọ, thọ lãnh chỗ này, chỗ kia, kết quả các hành động thiện ác.

—Này kẻ mê mờ kia, vì ai mà Ông lại hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy. Này kẻ mê mờ kia, có phải chăng, Ta đã dùng nhiều pháp môn nói là thức do duyên khởi, không có duyên, thì thức không hiện khởi? Và này kẻ mê mờ kia, không những Ông xuyên tạc Ta, vì Ông đã tự chấp thủ sai lạc, Ông còn tự phá hoại Ông và tạo nên nhiều tổn đức. Này kẻ mê mờ kia, và như vậy sẽ đưa đến bất hạnh và đau khổ lâu dài cho Ông.” (3)

*

Lời cuối bài, nơi đây xin trân trọng cảm ơn Thầy Thích Chúc Phú qua bộ sách *Biện Chính Phật Học* đã trình bày về nhiều đề tài chắc chắn là có nhiều Phật Tử thắc mắc. Bộ sách này hiển nhiên là cần có trong tủ sách của tất cả các gia đình Phật Tử.

Và cũng đặc biệt cảm ơn tác giả Thích Chúc Phú về bài viết ghi nhận khi Đức Phật dùng lời thô ngữ, một cơ hội cho được “góp thêm lời” nơi đây – trước là để ngợi ca Đức Phật đã dùng nhiều phương tiện giáo hóa chúng sinh, sau là để tán thán những cuộc nghiên cứu rất uyên bác của tác giả bộ sách *Biện Chính Phật Học*, trong đó, mỗi bài cũng đều như đường nhắc nhở tới một nan đề nào tại quê nhà chỉ nhằm để sách tấn tu học.

Nguyễn Giác

GHI CHÚ:

(1) Kinh AN 4.111: https://suttacentral.net/an4.111/vi/minh_chau

(2) Kinh MN 22: https://suttacentral.net/mn22/vi/minh_chau

(3) Kinh MN 38: https://suttacentral.net/mn38/vi/minh_chau

TÌNH ƠI - MÁY DẠM ĐỘC HÀNH

01.
*Tình mơ bóng hạc lẻ loi
Sương mềm cánh mỏng trắng soi giữa đồng
Nắng vàng giữa cõi phù không*
02.
*Thu vàng hồ vắng mênh mông
Còn không dòng nước bến sông đợi chờ*
03.
*Gần nhau mà vẫn xa nhau
Mộng gì ảo ảnh ngàn sau lệ tràn
Ai ôm bao nỗi ngồn ngang*
04.
*Lá xanh rơi vội về đâu
Con chim đang hót giọt sầu nhân gian
Lệ tuôn ghênh thác hai hàng*
05.
*Nhìn hồ sâu tĩnh lặng
Bóng trắng gầy thanh tao
Ôm trăng mà chẳng đặng
Mộng nào càng hư hao*
06.
*Lòng đêm sâu và kín
Bóng vô thường đang loang
Đêm dài bao nhiêu mối
Nợ tình còn sắt son*
07.
*Ôm cái bóng vô thường
Hờn để biết còn thương
Nước, mây, sóng hay gió
Yêu chi đến đoạn trường*
08.
*Hương dương lay nhẹ ru tình
Nhân duyên màu nhiệm bóng hình nhân gian
Gió lay hương tỏa nhẹ lan*
09.
*Thân này tinh thể chế đôi
Trần gian mộng mị nước trôi theo dòng
Giác chơn bản thể mênh mông*
10.
*Mưa tuôn nước đọng khắp lối đi
Hồng tím trong ta tuổi dậy thì
Bụi trần còn vương thêm sầu mộng
Thành cát ngai vàng cũng thịnh suy*



Giữa thiên nhiên hùng vĩ - Tâm người bỗng dịu êm.
Photo: BXK

11.
*Áo cũ thơm mùi sữa
Ngập tràn mối tình xưa
Thương nhau cho lắm sao vừa
Em ơi, xin lỗi --
Dạ thưa mộng dài...
Ta còn có những ngày mai!*
12.
*Bàn tay lạnh
Thân nóng rang
Chạm nhau sinh tử
Muôn ngàn hợp tan.*
13.
*Nắng lên trên cõi mênh mông
Tiếng như thác đổ sông dài ngân xa
Bạch hạc nhẹ cánh bay qua*
14.
*Thiên nhiên là khúc ái ân
Tình tâm lặng chiếu trong ngàn tình ta*
15.
*Thu ngàn vàng lá nắng loang
Hạt sương lóng lánh vỡ toang vô thường*
16.
*Gần Thầy, gần Phật tĩnh tâm
Trần gian thường định trúc lâm thanh bình.
Giác nghiêm trăng sáng lung linh.*

thơ

BẠCH XUÂN PHÊ

Tên ăn trộm

MINH ĐỨC TRIỀU TÂM ẢNH



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Có tiếng ồn ào ở phía trên rầy, nhà sư vừa bước ra khỏi thiền thất thì chú Liễu Minh cũng vừa đi tới.

- Bạch thầy! Rầy mình vừa bị mất trộm, sáng nay lên nhờ sẵn chúng con mới biết.

- Thế à!

- Dạ mất đâu khoảng chừng vài vông.

Nhà sư dừng lại, chậm rãi nói:

- Con ạ! Mất sẵn và trộm sẵn không phải là vấn đề của chúng ta! Là kẻ tu hành, vấn đề của chúng ta là, nhân đó, ta thử lắng nghe lại lòng mình một cách trung thực hơn. Ta sẽ lắng nghe rằng: ta có thể rộng lượng tha thứ được cho người chằng? Ta có móng khởi một tiếc rẻ nào khi mất đi một ít vật chất, của cải? Ta có thể san sẻ cho người bằng cách nhin ăn một vài bữa! Và, sau hết, trong ta có dậy mỗi bất bình, phiền não chằng? Chúng ta là người học hạnh giải thoát, có gì phải giải quyết ngoài những vấn đề tương tự?

Liễu Minh sống lại, nhà

sư mỉm cười nắm tay chú theo lối mòn lên rầy.

Liễu Minh nói:

- Bạch thầy! Hồi nãy, con với chú Bất Đạt cãi nhau. Con thì nói tha. Chú Bất Đạt lại nói bắt. Con và chú ấy thường có quan niệm bất đồng.

Bất Đạt và Bất Ác từ trong những lùm sắn bước ra, mỗi người tay xách mấy chùm sắn vụn. Thấy nhà sư, Bất Đạt cất giọng oang oang:

- Bạch thầy! Cái lũ ăn trộm này, gặp con, chúng sẽ biết tay!

Liễu Minh cãi lại:

- Biết tay như thế nào? Chú bắt chằng? Ý thầy là thầy sẽ tha cho phù hợp với tâm từ!

Nhà sư nói:

- Không, Liễu Minh con! Thầy không tha! Vì tâm từ nên thầy không tha!

Bất Đạt reo lên:

- Đó, chú Liễu Minh thấy chưa? Vì tâm từ nên thầy không tha, thầy sẽ bắt.

Nhà sư cười:

- Không, Bất Đạt con!

Thầy không bắt! vì tâm từ nên thầy sẽ không bắt.

Cả ba chú đều ngờ ngác:

- Bạch thầy thế thì...

Thấy vắng trán và cặp chân mày của Liễu Minh cau lại, nhà sư dịu dàng nói:

- Liễu Minh! Con hiểu về tâm từ như thế nào mà bảo nên tha?

- Vì tâm từ là thương người, yêu chúng sanh, mong chúng sanh thay đều yên vui, hạnh phúc!

- Như vậy, vì tình thương mù quáng, con sẽ dung dưỡng kẻ trộm trên thế gian!

Bất Đạt góp lời:

- Vì không muốn dung dưỡng kẻ trộm trên thế gian, cho nên, con sẽ bắt mới đúng nghĩa tâm từ!

- Như vậy, vì tâm từ nóng vội con sẽ nuôi dưỡng hận thù giữa cuộc đời!

Im lặng một lúc, nhà sư tiếp:

- Các con ạ! Tâm từ là vậy mà không phải vậy. Thật ra, trong các con, chưa ai hiểu tâm từ là gì!

Biết là cả hai chú đều rơi vào hoài nghi to lớn, nhưng nhà sư vẫn chưa trả lời vội, người dẫn cả ba chú đến một lùm cây rậm, chỉ vào đám cỏ rạ.

- Đêm kia, thầy thấy cậu ăn trộm rình núp ở đây. Người bạn ăn đêm kiên nhẫn đợi thầy tắt đèn và đi nghỉ, nên thầy đã tắt đèn và đi nghỉ!

Không cưỡng được ý mình, Liễu Minh buột miệng:

- Thế là thầy đã tha!

- Ừ! Thầy đã tha nhưng cái tha của thầy khác với cái tha của con. Thầy tha mà không dung dưỡng kẻ trộm trên thế gian. Rồi con sẽ hiểu điều ấy.

Im lặng một lúc, Chú Liễu Minh lại nói:

- Thế là con sai ít mà chú Bất Đạt sai nhiều. Thầy đã không bắt!

- Không, không phải thế đâu con! Thầy có bắt, nhưng không nuôi dưỡng hận thù, nên cái bắt của thầy khác với cái bắt của Bất Đạt!

Đầu óc của các đệ tử rối loạn như một mớ bòng bong, như tổ chim, chẳng biết đạo lý câu chuyện nó nằm ở đâu nữa!

Buổi chiều, trong giờ học Đạo, nhà sư lấy trong túi ra một lá thư bằng giấy học trò, nét chữ cứng cáp, không thẳng hàng thẳng lối, chẳng có chấm phết, sại chính tả lung tung.

Liễu Minh và Bất Đạt chăm chú đọc:

"Thư thầy,

Thầy biết con là thần ăn cắp không những hai vòng thần mà còn ăn cắp một tượng Phật nhỏ bằng đồng đen, ăn cắp mười giò phong lan tước đây nữa. Thầy biết mà thầy lặng lẽ không nói với ai, cũng không hề tả lời một câu khi công an xã qua điều tra! Bây giờ thầy lại còn giúp con vốn liếng, tiền ăn tiêu mười ngày để con lên "đá bạc" khai thác đá là nghề cũ tước đây của con. Tiền thầy cho, con còn dư dả để sắm thanh dụng cụ hành nghề. Ơn đức thầy thật là kể thao cho xiết. Con hứa từ nay cho đến tận đời,

con sẽ làm người lương thiện để khỏi phụ tấm lòng cao cả của thầy.

Con, ..."

Lá thư bên dưới có ký tên nhưng nhà sư đã lấy kéo cắt đi rồi.

Bất Ác bây giờ mới cất giọng nói:

- Con nhận nhiệm vụ bí mật của thầy, con biết ạ. Con nghe hai chú Liễu Minh và Bất Đạt cãi nhau, con chỉ cười.

Nhà sư hỏi:

- Con cười sao?

- Con cười vì cả hai chú đều sai!

- Không đâu con! Cả hai chú đều không sai!

Câu trả lời của nhà sư thật bất ngờ.

Nhà sư lại phải giải thích:

- Cả hai không sai, nhưng cả hai chú đều không đúng! Tại sao vậy? Vì trên sự tương, tha hay bắt chỉ không quan trọng. Tha hay bắt chỉ quan trọng là khi tha để làm gì và bắt để làm gì? Tha rồi có giáo hóa được người và bắt thì có giáo hóa được người? Trên tất cả, đối với chúng ta, tha hay bắt là để học bài học giác ngộ mà thôi!

Bất Đạt chợt nói:

- Ý con cũng có thể là vậy lắm! Con bắt rồi con sẽ tìm cách giáo dục người ta nữa chứ!

Liễu Minh nhú mày:

- Chú mà giáo dục! Chú thương căng chân hạ căng tay thì có! Rồi chú còn bắt trói người ta mà giải qua công an! Cái bắt đó là cái bắt của người đời, chỉ tăng thêm oán thù chứ không được tích sự gì!

Bất Đạt không giận mà cười khi khi:

- Còn chú thì sao hử?

Chú tha rồi chú giáo dục người ta làm sao nào, nói đi? Tha trống không cái kiểu của chú thì chi bằng kêu ba thằng ăn trộm vô khiêng chùa chiền đi hết cho khỏe! Vậy là tha theo hạnh bố thí ba-la-mật đấy!

Nhà sư khoát tay:

- Các con tranh cãi hay tranh luận đấy? Các con đừng nghĩ rằng giải pháp của thầy là tối ưu, từ đó, lấy làm thước đo để xử sự ở đời! Các con có biết rằng, tha hay bắt chỉ là sự thể hiện bên ngoài? Tha hay bắt rồi sau đó tìm cách giáo hóa, cũng chỉ là sự khôn ngoan của sự thể hiện bên ngoài ấy mà thôi. Có một cái tâm, các con ạ! Khi biết cái tâm ấy, trú nơi cái tâm ấy, thì tha hay bắt đều trở nên đúng cả vậy. Tâm ấy là tâm gì, ai biết?

Cả ba chú đồng đáp:

- Dạ, tâm từ!

- Đúng thế! Vậy thì từ rày về sau, khi gặp bất cứ tình huống nào cũng phải sáng suốt, bình tĩnh. Sáng suốt là Tuệ, bình tĩnh là Định. Từ Tuệ, từ Định mà khởi tâm từ thì mọi hành động của các con đều phù hợp với giáo pháp cả, không sợ sai lầm đâu!

- Chúng con đã hiểu cả rồi. Ôi! Thật tuyệt vời thay cái bài học hôm nay!

Nhà sư từ bị nhìn ba chú, tủm tỉm cười, thầm nghĩ: "Chỉ nên dẫn cho chúng lên ngang chỗ đó thôi! Chúng đâu có hiểu rằng, tâm từ còn có trước ý, dụng ý, còn vấn đề lợi và hại, hay và dở, tốt và xấu thì tâm từ ấy đâu đã được gọi là từ vô lượng?"

*Trích từ sách:
"Chuyện Cửa Thiên"
của Minh Đức Triều Tâm Ảnh*



nước thuyền

*nước trôi theo ý nước
thuyền trôi theo ý người
mây trôi theo ý gió
mảng không người trôi khơi khơi
dè lục bình tôi theo con nước
trôi tới trôi lui
cuộc đời cũng trôi
dù mau dù chậm
1 vòng luân hồi*

2 đường

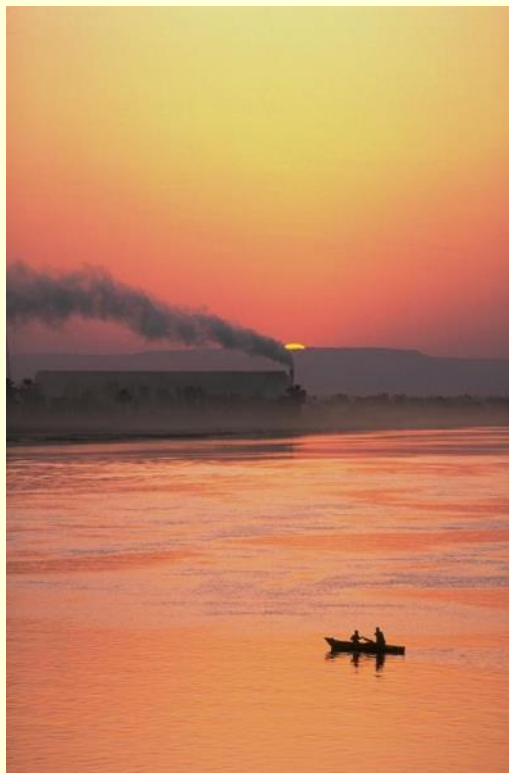
*1 đường vào bệnh viện
1 đường vào nghĩa trang
hành trình đời người
mưa bão gió ngàn
chớp mắt bây giờ
tiểu sử hồng hoang
đi theo nhau nhiều năm
còn 1 nụ trắng*

chờ

*chim đã bay về núi
mây chón hết chân trời
thuyền câu về bến đỗ
anh ngồi đây chờ ai?*

thơ

CHU VƯƠNG MIỆN



là ta

*thầy Thích Ca Mâu Ni
không cũng như có
có cũng như không
thầy Lão Tử
hoàn toàn số không
thầy Trang Tử
lúc tưởng mình là điệp
lúc tưởng mình là hoa
lúc tưởng mình là triết gia
thầy Liệt Tử nằm thẳng cẳng
không cục cựa thờ hất thờ ra
thầy Dương Tử đi cù bát cù bơ
không cửa chẳng nhà
ta soi bóng ta trong kiếng
ô đã qua 1 sắc na*

HIỆN TƯỢNG TRẦM CẢM

Phan Tấn Hải



Trầm cảm là hiện tượng đang thấy rõ trong giới trẻ tại Việt Nam, và cả ở khắp thế giới.

Các bản tin trong mấy ngày qua cho thấy một nỗi nguy: Ngành y tế Việt Nam báo động vì hiện tượng trầm cảm lan rộng trong giới trẻ... Trong các nguyên nhân chính được nhận ra là do nghiện Facebook và nghiện điện thoại.

Bản tin VTV ghi nhận rằng Bệnh viện Tâm thần Trung ương I vừa tiếp nhận trường hợp một nữ sinh 18 tuổi ở Hà Nội điều trị tại khoa Cấp tính nữ. Đây được xác định là ca trầm cảm điển hình do nghiện mạng xã hội. Nguy hiểm hơn, bố mẹ bệnh nhân phải cưỡng chế để đưa con nhập viện.

Bệnh nhân là chị Bùi Thị Thúy (Mễ Trì Hạ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội) bị trầm cảm sau sinh. Tuy nhiên, thời gian chị ở nhà chăm con, tần suất sử dụng điện thoại cũng tương đối nhiều. Theo bác sĩ, cũng không loại trừ nguyên nhân trầm cảm xuất phát do nghiện điện thoại.

VTV viết: *"Theo khuyến cáo của bác sĩ, các bậc cha mẹ, khi thấy con cái có những biểu hiện bất thường về tâm lý, suốt ngày ôm điện thoại, không ăn, ngủ, ít giao tiếp với mọi người thì nên đưa con đến cơ sở y tế chuyên khoa kiểm tra, không nên giấu giếm để làm tình trạng bệnh nặng nề thêm."*

Trong khi đó, bản tin CafeF/Pháp Luật TP cho biết rằng các bệnh viện tâm thần trên cả nước đang tiếp nhận ngày càng nhiều những trường hợp nghiện mạng xã hội nặng đến mức bị trầm cảm, co giật và ngất xỉu khi... không có Internet.

Theo một bản khảo sát của Bộ Giáo Dục & Đào Tạo, có đến hơn 97% trong số 424 học sinh 15-18 tuổi đang sử dụng Facebook. Và gần đây đã liên tiếp xuất hiện nhiều vụ học sinh nghiện Facebook quá nặng phải cưỡng chế nhập viện, thậm chí có trường hợp phát điên vì bị cấm dùng Facebook.

Bản tin ghi nhận một ca nguy hiểm vì nghiện *"suốt ngày ôm điện thoại, lướt Facebook hàng giờ đồng hồ."* Do vậy, nghe theo lời bác sĩ, vợ chồng ông đành phải dùng thuốc mê cho con rồi đưa con đi viện điều trị.

Bản tin CafeF/Pháp Luật TP viết:

"Trường hợp dở khóc dở cười xảy ra tại BV Tâm thần Trung ương 1 vào ngày 7-1. Bác sĩ tại đây tiếp nhận điều trị cho một nữ sinh 18 tuổi, ngụ Hà Nội, được cha mẹ đưa đến viện trong tình trạng hôn mê do tiêm thuốc mê."

Theo cha mẹ bệnh nhân kể lại, con gái của họ bị nghiện mạng xã hội rất nặng dẫn đến trầm cảm. Trước khi vào lớp 12, cô gái là học sinh giỏi, rất ngoan. Tuy nhiên, bốn tháng gần đây, cha mẹ em nhận ra tình hình học tập của con mình bị giảm sút trầm trọng..."

Trong khi đó, một bản tin tin BNews/TTXVN hôm 10/1/2018 ghi nhận:

"Theo bác sỹ Tô Thanh Phương, Phó Giám đốc Bệnh viện Tâm thần Trung ương I (Hà Nội), gần đây ngày càng có nhiều trường hợp trầm cảm do nghiện mạng xã hội, nghiện điện thoại, trò chơi game đến mức phải nhập viện."

Người bệnh chỉ thích tập trung vào điện thoại, ít tiếp xúc với thế giới bên ngoài; nếu để lâu trên 6 tháng thì sẽ chuyển sang mãn tính và thời gian điều trị có thể kéo dài 3-5 năm..."

Chính vì thế, các gia đình cần quan tâm, chú ý đến con em hơn nữa để phát hiện sớm, can thiệp kịp thời."

Theo các bác sỹ Bệnh viện Tâm thần Trung ương I, trầm cảm không phải bệnh nan y; có thể điều trị khỏi và giảm nguy cơ tái phát."

Điều trị bệnh chủ yếu bằng liệu pháp tâm lý và dùng thuốc. Bệnh có thể được điều trị tại cộng đồng, nhưng nếu không điều trị kịp thời có thể gây mãn tính, bệnh nặng hơn dẫn đến suy kiệt, bệnh nhân có ý định tự sát."

Một bản tin CBS News hôm 17/4/2017 ghi nhận thống kê từ U.S. Centers for Disease Control and Prevention (Viện Hoa Kỳ Phòng Chống Bệnh, thường viết tắt là CDC), cho thấy khoảng 8.3 triệu người thành niên Hoa Kỳ, tức là 3.4% dân số Mỹ, mang bệnh tâm thần trầm trọng -- chính xác bản nghiên cứu nói là căng thẳng tâm thần trầm trọng (serious psychological distress), và hiện tượng tâm thần này đa dạng, nếu không chăm sóc để đi tới tự sát, theo lời Judith Weissman, trưởng nhóm nghiên cứu y khoa ở bệnh viện NYU Langone Medical Center tại New York City. Nghiên cứu này in trên tạp chí Psychiatric Services chỉ nói về người thành niên.

Thực ra, trầm cảm không phải là hiện tượng độc đáo riêng cho giới trẻ Việt Nam. Nhưng lý do hẳn là có dị biệt, vì mỗi quốc gia có những nan đề riêng.

Thống kê của WHO phổ biến hồi tháng 2/2017 cho biết trên toàn thế giới đang có hơn 300 triệu người ở mọi lứa tuổi bị trầm cảm.

WHO nói rằng trầm cảm là lý do hàng đầu

gây nên mất năng lực. Chẩn đoán ở nhiều mức độ: từ chỗ tính khí dao động bất thường, cho tới ám ảnh dài hạn và nặng nề, sẽ làm bệnh nhân không làm việc bình thường được, và có khi đẩy tới mức tự sát.

Thống kê này nói có gần 800,000 người chết vì tự tử mỗi năm, và tự tử là lý do tử vong nhiều thứ nhì đối với nhóm người tuổi từ 15 tới 29.

Bi thảm là, WHO cho biết tại nhiều quốc gia chưa tới 10% được chữa trị hiệu quả.

Báo New York Times trong ấn bản ngày 11 tháng 10/2017, bài viết "Why Are More American Teenagers Than Ever Suffering From Severe Anxiety?" (Tại Sao Vị Thành Niên Hoa Kỳ Ngày Càng Bị Lo Âu Trầm Trọng?) của phóng viên Benoit Denizet-Lewis, có ghi một thống kê cho thấy, trích dịch:

"Trong bản khảo sát thường niên về sinh viên, viện American College Health Association thấy có mức tăng vọt -- tới 62% trong năm 2016 từ mức 50% trong năm 2011 -- các sinh viên bậc cử nhân nói là có lo lắng tột độ trong năm trước đó..."

Trong năm 1985, viện Higher Education Research Institute ở đại học U.C.L.A. khởi sự hỏi sinh viên năm đầu là họ có thấy bị tràn ngập về việc phải làm trong năm trước đó. Năm 1985 chỉ 18% nói có như thế. Năm 2010 con số đó tăng tới 29%. Năm 2016, tăng tới 41%..."

Giới trẻ Mỹ có nhiều lý do để ưu tư và trầm cảm.

Trang TeenHelp ghi nhận về một bản nghiên cứu ở thành phố Baltimore, cho thấy 5 nguyên nhân thường gây căng thẳng là từ:

- bài học trên trường (78%);
- ba mẹ (68%);
- tình cảm lãng mạn (64%);
- trở ngại với bạn (64%);
- các em trong nhà (64%).

Như thế, trẻ em Mỹ và Việt Nam có nhiều lý do dị biệt nhau để căng thẳng, lo âu, và

nặng hơn là sẽ tới mức trầm cảm.

Các chính phủ đối trị hiện tượng trẻ em căng thẳng ra sao?

Trong bài báo ngày 14/3/2017 trên QUARTZ nhan đề "The UK government will teach eight-year-olds mindfulness to tackle spike in kids' mental health problems" (Chính phủ Anh quốc sẽ dạy trẻ em 8 tuổi Thiền tỉnh thức để đối trị hiện tượng trẻ em bệnh tâm thần tăng vọt) cho biết rằng chính phủ Anh sẽ tài trợ thử nghiệm ở hơn 200 trường học khắp nước để xem Thiền tỉnh thức (mindfulness) hiệu quả thế nào để giảm căng thẳng và đối trị trầm cảm đối với trẻ em từ 8 tới 12 tuổi.

Chương trình phòng ngừa trong đó sẽ dạy ở 100 trường bậc tiểu học, và 50 trường bậc trung học cơ sở trong mùa hè 2017, trong đó dạy kỹ năng nhận biết về các cảm thọ bất an và về cách đối trị -- và các kỹ thuật thư giãn, và kỹ thuật thở.

Không tự nhiên mà dạy như thế. Thống kê của viện Institute for Public Policy Research tại Anh nói cứ mỗi lớp học là có 3 em mang dấu hiệu bệnh tâm thần, và 90% Hiệu trưởng ở Anh quốc báo cáo có hiện tượng tăng bệnh tâm thần trong 5 năm qua.

Bản khảo sát 300 bác sĩ do viện y tế National Health Service thực hiện cho thấy trẻ em Anh quốc tuổi 11-18 tăng 61% trường hợp tự gây tổn thương trong 5 năm qua, theo báo The Guardian.

Richard Layard (Giáo sư ở đại học London School of Economics and Political Science), cũng là một cố vấn chính phủ Anh hiện đang hướng dẫn thử nghiệm Thiền tỉnh thức ở 26 trường học nói với báo này rằng phát triển cá tính trẻ em là vấn đề cực kỳ quan trọng và phải có cách đo lường sự lành mạnh của các em.

Julie Lynn-Evans, một bác sĩ tâm lý trị liệu ở Anh, nói quyết định của chính phủ Anh là "tuyệt vời" nhưng bà lo ngại là chưa đi xa tới mức nhận ra nguy hại của mạng Internet trên trẻ em, và cũng phải bảo đảm rằng các em hiểu tại sao các em nên tập Thiền tỉnh thức.

Bà nói: *"Trẻ em cần phải biết vì sao điều quan trọng là các em phải tập [Thiền tỉnh thức], chứ không phải là một thứ khác để các em làm và cũng không phải mục tiêu khác để thầy cô đạt tới."*

Nghĩa là, phải Thiền thực sự, chứ không phải là một môn học trên giấy.

Thực tế, một số trường trung học Hoa Kỳ cũng đã dạy Thiền tỉnh thức rồi.

Bản tin CNN này 9 tháng 2/2016 cũng đã kể về chương trình dạy Thiền tỉnh thức ở trung học Marblehead High School tại Massachusetts, và trường này có một phòng gọi là Zen Room, mở cửa để hướng dẫn Thiền tập hàng ngày từ 9 giờ sáng tới 2:30 giờ chiều.

Chính phủ Việt Nam cũng nên nghĩ tới giải pháp Thiền tỉnh thức: tại sao không nới áo các Thiền sư VN?



Truyện ngắn trăm linh tám chữ

STEVEN N.



TAI MẮT

Buổi thuyết pháp hôm ấy thầy giảng về tâm tạo tác. Tên mật vụ trà trộn trong chúng ngựa miệng:

- Ông lạc hậu và mê tín quá, vật chất quyết định ý thức kia mà! Ví như không có ăn vậy tâm có tạo ra cơm không? Tôi chỉ tin những gì mắt thấy tai nghe!

Chúng xôn xao, thầy ra dấu yên lặng rồi hỏi y:

- Ông có thấy hay nghe chẳng? Vô số làn sóng điện và âm trong không gian!

Y cứng họng, thầy nói thêm:

- Khi ông đói ông sẽ tìm, mua, làm thức ăn mà ăn! Đây chẳng phải tâm tạo tác sao!

NGHĨA LÀ SAO

Cô bồ xinh lắm, anh rất yêu và hãnh diện. Có lần anh nói với cô ấy:

- Em đẹp như một thiên thần, anh có được em là mãn nguyện dù có chết cũng cam lòng.

Chư thiên đi ngang qua lấy làm lạ nhìn nhau:

- Cái đây da bất tịnh hôi thối, y chúí mũi vào lại còn bảo như thiên thần nghĩa là làm sao?

Một bầy quỷ dạ xoa cùng vô số hùm beo thì gầm gừ:

- Chà, đây là món ngon thịnh soạn đây!

Vị La Hán nói:

- Các vị nhìn bằng nghiệp lực của mình, quán tứ niệm xứ sẽ biết rõ hơn!

DỪNG LẠI LÀ RA THÔI

Cuối tuần hai cha con vào chợ thú vật để xem và mua thêm đồ ăn cho chó, mèo. Chú bé vui lắm, ngắm hết loài này đến loài khác. Thấy chuột bạch ở trong cái bánh xe quay tít,

nó thăm mệt nhưng không làm sao ra được, càng chạy thì bánh xe càng quay nhanh. Chú bé thì thăm:

- Cậu ngốc thế! dừng lại là ra ngay thôi mà!

Người cha đứng bên nghe được giạt mình.

- Mình và mọi người không khác gì con chuột bạch kia, cũng đang chạy thí mạng trong cái vòng ngũ dục đây, càng đắm nhiễm thì càng quay nhanh!

NHỮNG CHIẾC LÁ VÀNG

Mùa lại lên, muôn sắc nhuộm thắm không gian. Những chiếc lá vàng tung tăng theo cơn gió, những đám lá xào xạc trên con phố, trên triền đồi. Người hoan hỷ khen:

- Đẹp quá, muôn sắc như gấm thêu như tranh vẽ!

Đám cỏ dại ven đường sinh lòng đổ kỵ:

- Bọn lá khô vô tích sự!

Đám lá vàng sững lại giây lát rồi thủng thủng trả lời:

- Bọn tớ cả đời đem oxy đến cho muôn loài, những giây phút cuối khi về đất mẹ bọn tớ sẽ hoá mùn nuôi cây và cả các cậu nữa đấy!

Trời đất thì thăm lời tán thán.

CÓ GÌ GIỐNG NHAU

Cuộc nhậu tưng bừng và xôm tụ lắm. Đậu bắt ngờ hỏi đồ cả bàn:

- Trại gà, nhà xương và sòng bài có gì giống nhau?

Cả đám lao nhao phản đối:

- Ba lĩnh vực rất khác biệt, làm sao mà giống được cơ chứ!

Chờ một lát không ai nói được Đậu mới giải thích:

- Cả ba đều không có cửa

sổ, đồng hồ; vào trong rồi là không biết gì trời trăng bên ngoài nữa. Mục đích làm cho người và vật quên thời gian, khỏi phân tâm!

Bấy giờ mọi người ồ lên, có kẻ thốt:

- Gỡm thay cho cái tâm của tay thiết kế!

ÔNG TRÙM

Nổi gót ma đầu sơ tổ nhưng ông trùm em ra còn ghê gớm hơn. Y cho quân tịch thu hết tài sản, nhà cửa, ruộng vườn của người ta; đưa người ta lên rừng với chiêu bài:

- Phải dạy dỗ bọn bóc lột, lười biếng, nợ máu!

Muôn vạn cảnh đời mất của, người chết. Nhiều kẻ lao ra biển tìm đường sống trong cái chết. Ngày kia ông trùm chết, bọn thủ hạ buộc người ta phải nhớ ơn và để tang y. Nửa đêm có người viết lên tường:

- Mất của nhớ ơn kẻ cướp, người chết và thân nhân để tang kẻ giết người!

MŨI DÀI

Bên biển tây xưa có xứ sở từng làm bá chủ nhân gian, người xứ ấy hùng mạnh, yêu thi ca, hội họa, rất nghệ sĩ nhưng cũng giỏi kỹ nghệ lắm. Tổ tiên họ còn để lại bao kỳ quan thế giới nào là đền đài, thánh quách... Họ tự hào từng là trung tâm thế giới:

- Mọi con đường đều đổ về thành đô.

Họ chế ra chú bé mũi dài để dạy người ta sống trung thực, cứ mỗi lần nói dối thì mũi sẽ dài ra. Có người xứ mình đi chơi về kể lại:

- Các quan xứ mình mũi dài nhất thế giới.

STEVEN N

Georgia, 10/2018

MỠI NGÀY NÀO



*Mới ngày nào, mẹ dạy cầm đũa
Nhặt hạt com để biết ơn người
Chưa vững bước, con vội vàng bươn chạy
Trốn chính mình, trốn cả những lời hay.*

*Mới ngày nào, nắng ráo trời xanh mướt
Tắm trần trường mộng寐 giữa trần gian
Mơ ước mẹ cho cháy bỏng lưng còng
Con đâu hiểu sóng cuộn đến đau lòng.*

*Mới ngày nào, nụ cười tươi mẹ tặng
Lũ đũa con nghiệp quả méo tròn
Đời bảo nước mắt luôn chảy xuống
Mà sao ta cứ chúi ngược đầu.*

*Thật tâm thành "Án na lệ... ta bà ha"
Giọt sấm ngưng sữa mẹ nhận mà mừng
Gần như xa lắm, xa như gần kề
Con lần khần nối sợi dây đời đang đoạn.*

*Mới ngày nào, gôi quỳ nghe kể tội
Tóc đũa nào, đũa này cũng bạc rồi
Vai mẹ gầy, gánh sao nỗi buồn tôi
Chỉ biết âm thầm nhìn mong mỏi.*

*Mới ngày nào, hấp tấp về thăm
Rồi vội vã áo nã khóc chia lìa
... Đêm đã qua ngày, chằm hương bóng vía
Ngoài kia, chim phóng sanh mang lời nguyện bay xa.*

(Mùng 1/9 - Sơ thất Mẹ)

thơ

THỰC
ĐỘ

Lãng đăng tháng năm

ĐỒNG THIỆN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Thế là chớm thu, lá lác đác vàng. Thời gian đi rồi đến nhưng thật có đến đi chẳng? Năm xưa thi sĩ Bùi Giáng từng bảo: “Đếm là vọng tưởng, đo là nghi tâm” kia mà! Làm gì có đến đi; đến đi là vọng tâm sanh ra. Thời gian vô thủy vô chung, đất trời không đầu không cuối. Cái vọng tâm sanh ra đến đi, sanh diệt; không phải đến khi cái thân vật chất cơm gạo này tắt thở mới là sanh diệt. Mỗi một ngày sanh diệt không biết bao nhiêu lần, sanh diệt trong từng sát na; một lần khởi vui mừng, hờn giận là một lần sanh diệt, một mộng khởi yêu ghét là lại diệt sanh, sanh diệt trong từng hơi thở. Bởi thế thiền gia mới bảo: Không sống bằng quá khứ, không sống ở tương lai mà hãy sống ở ngay phút giây hiện tại này!

Thời gian lãng đăng như nước chảy mây bay, như hoa rơi lá rụng. Thời gian năm tháng ngày giờ vốn có mà không! Ấy là người ta đặt tên cho nó, cắt đặt cho nó để thuận tiện trong cuộc sống của mình. Thời gian nó chẳng tốt chẳng xấu, chẳng may chẳng rủi, chẳng lên chẳng xuống, chẳng nhanh chẳng chậm... Tất cả từ tâm vọng mà ra. Mình mê, người mê nên mới có ngày giờ tốt xấu, bói toán, xin xăm, cúng sao, giải hạn... Người không rõ lý đã đành, người khoác cà sa cũng làm vậy, ấy là gạt người, gạt mình.

Trong kinh Thắng Hạnh Thế Tôn từng dạy: “Khi thân

khẩu ý thanh tịnh và hiền thiện thì đó là giờ phút hạnh thông, cát tường...” Nhà Phật cũng có câu: “Tâm tịnh quốc độ tịnh,” lý là thế nhưng tịnh sao được đây khi mà ở cổ quận bất cứ ai, bất cứ lúc nào cũng có thể mất nhà cửa, mất ruộng vườn... Nếu mảnh đất ấy lọt vào mắt của gian thương phi quan và rồi nó sẽ bị cướp với cái mỹ từ: “Qui hoạch,” “sở hữu chung”... Tịnh thế nào được khi mà còn đồ ngang nhiên lộng hành, vô quân vô pháp; an thế nào được khi mà mạng người quá rẻ, vào cửa nha môn có thể chết với bất cứ lý do gì! An

thế nào được khi mà đồ ăn thức uống trở nên độc hại vô cùng. An thế nào? tịnh thế nào? Khi mà kẻ thù truyền kiếp nay xà mai xẻo mảnh đất ông cha, người của chúng tung hoành như chỗ không người. An sao được? tịnh sao được? khi mà núi rừng tan hoang, biển cả sóng ngoài... nhiệm độc, muôn loài chết thảm! Làm sao an? Một biệt phủ nổi lên giữa muôn vạn túp lều rách nát, nó được xây cất bằng tài vật quốc gia, mồ hôi nước mắt thậm chí xương máu của dân. An thế nào? Khi mà trí thức mũ ni che tai, tu sĩ như đà điều “rúc đầu vào cát” với luận

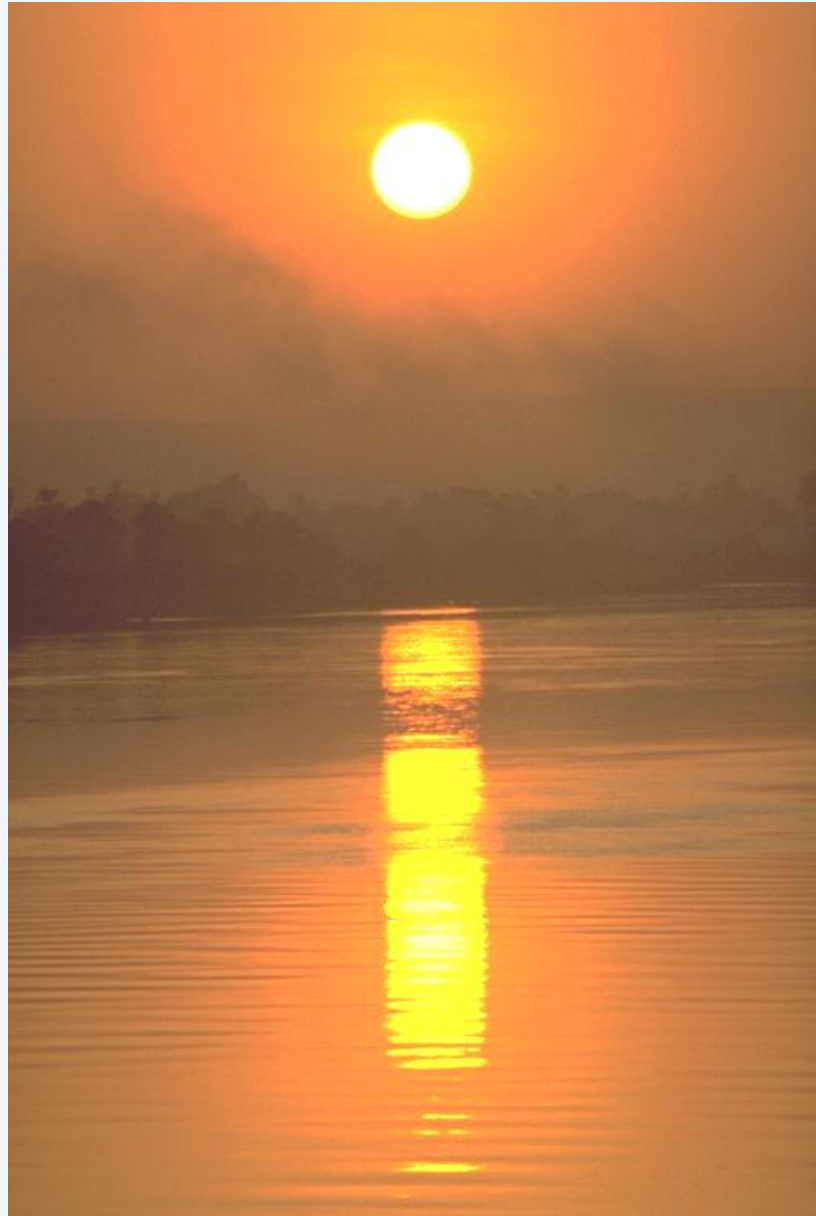


điều “Chỉ lo việc đạo” trong khi đất nước mất-còn mặc kệ, đồng bào sống-chết mặc bay! Đành rằng nhân quả không sai vay nhưng “Quốc gia hưng vong thất phu hữu trách.” Không thể sống vô cảm, thờ ơ mà còn nguy biện “nhân quả” để chạy tội cho cái ác, kẻ ác!

Lịch sử nhiều khi nghiệt ngã, lúc thịnh thì hiền nhân quân tử nhiều, khi suy thì lưu manh thẳng thắn. Nhớ năm xưa có người cung nữ già vào khóc với thái hậu: “...Nước Nam ta từ khi có đế vương đến giờ, chưa đời nào mà có ông vua luồn cúi đê hèn bạc nhược như thế!” - Hoàng Lê Nhất Thống Chí. Xưa nay người ta vẫn nhìn nữ nhân là hạng hai, chỉ biết kim chỉ, tầm nhìn không quá góc bếp... Ấy vậy mà người cung nữ già kia còn khí khái và biết lo lắng cho vận mệnh nước non. Cổ quận này còn những người như người cung nữ già kia thì vận nước ắt chưa tuyệt vọng!

Thời gian lằng đằng như bóng mây, mới phút trước là thế mà giây sau đã thay hình đổi dạng. Thời gian như bọt nước bồng bênh lớp lớp thế mà vỡ tan ngay. Thời gian như giọt sương, in bóng cả sơn hà vậy mà bốc hơi ngay dưới ánh mặt trời. Thời gian là thế, có kẻ học trò nấu nồi kê rồi ngủ quên, trong mơ thấy mình trải qua mấy mươi năm thì đậu làm quan, lên voi xuống chó suốt, giật mình thức dậy thì nồi kê chưa chín. Có tổ sư thiền nấu nồi cháo, tranh thủ ngồi thiền và khi xuất thiền thì nồi cháo đã lên meo mốc xanh rồi. Thời gian bởi vọng tưởng nên không thật, thế gian vốn vô thường chẳng có bền lâu, luôn luôn thay đổi. Ấy vậy mà người mê, đôi khi biết nhưng vì quyền lực, vì danh lợi của mình, của dòng tộc mình, của băng đảng mình... mà cưỡng lại vô thường. Vì mê nên muốn vạn tuế, vạn niên, đời đời ghi nhớ... thậm chí kẻ sát nhân bắt nạn nhân phải nhớ ơn mình! Quả là một tấn bi hài kịch của cuộc đời, một hí trường của dòng thời gian, của sự cười cợt vô thường!

Vùng phương ngoại chớm thu, lá lác đặc vàng, khí trời mát mẻ, lòng người cũng man mác theo. Rồi một ngày kia, thức giắc trong sớm mai sẽ thấy bừng lên muôn sắc màu gấm hoa. Cái xứ này nhân ái, bao dung biết bao, cứu mang hàng chục triệu con người tị nạn dù là tỵ nạn: chính trị, tôn giáo, giới tính, bất công, kinh tế... Tất cả tìm về đây “Đất lành chim đậu,” dù khác chủng tộc, khác màu da, khác tôn giáo, khác văn hoá... nhưng tất cả cùng chung sống, làm việc và xây dựng mảnh đất này. Không nhân bản sao được khi mà kết thúc nội chiến thì tử sĩ hai bên đều được chôn chung một nghĩa trang, tướng giỏi bên thắng hay thua cũng đều ghi danh bia đá tượng đồng... rất nhân bản, khai phóng và bao dung! Nhìn về cổ quận mình cũng như những quốc gia Đông phương khác, khi tàn cuộc chiến thì bên thắng sẽ trả thù tàn khốc, đảo mồ cuộc mả, tru di diệt tộc, sẽ vì bại đời mà trả thù... Âu cũng là phúc phần của mỗi cá nhân, mỗi dân



tộc khi sinh ra, khi cùng cộng sinh.

Trong mấy mươi triệu di dân đến đây, người Việt ta đến đây tính ra cũng gần nửa thế kỷ, tính từ ngày tàn cuộc can qua, thay ngôi đổi chủ. Những lớp người ra đi trước phải trải qua bao giông tố, hải tặc chín chết một sống... để đến được bến bờ tự do. Rồi đây, năm mươi năm nữa bụi thời gian phủ lấp, sóng vô thường đẩy đưa, sẽ nhạt nhoà, sẽ thành dĩ vãng. Nếu ngày ấy, khi cụ Bùi Viện đến xứ Cờ Hoa rồi về dâng số canh tân mà triều đình nghe theo thì biết đâu sẽ như Phù Tang. Có những cơ hội cứ lần lượt vượt qua tay, có những lúc vận may có thể thoát khỏi chiến tranh, kiến tạo hoà bình; có những lần có thời cơ phát triển và thoát khỏi cái “bóng đè” của gã côn đồ lẳng giềng... nhưng tất cả bỏ lỡ! Vận nước ta, số phận dân ta sao mà đau đến vậy!

Thời gian lằng đằng chớm vào thu.

ĐỒNG THIÊN
Ất lằng thành, 9/2018

HÃY CHIẾU SÁNG SỰ SỐNG

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức



Quý vị có biết rằng, chúng ta sống được trên trái đất này là nhờ có ánh sáng mặt trời. Ấy vậy mà đa số chúng ta đang bị thiếu những tia nắng đó.

Chúng ta đã dành một số thời gian khá nhiều làm việc trong văn phòng với rất ít ánh sáng rồi lại vội vã về nhà để ăn, để đọc, để coi tv, nghe nhạc, dùng computer hoặc tập thể dục rồi vào phòng tối ngủ cho tới sáng.

Nếu có ra ngoài nắng thì nhiều người lại mang kính râm để bảo vệ mắt, mặc quần áo phủ kín cơ thể để tránh râm nắng ung thư da. Và sự việc cứ như vậy tiếp diễn, ngày này tháng nọ. Chúng ta vô tình đã mất đi những tác dụng có ích của một chút tia nắng lên sự sống của ta, lên cơ thể ta. Từ đó, sức khỏe của chúng ta suy giảm.

Nhà nghiên cứu người Anh, tiến sĩ Thomas Low Nichols, cổ nhận xét rằng: *"Nếu nhất một lực sĩ khỏe mạnh vào một căn phòng không ánh sáng mặt trời, sau một thời gian anh ta sẽ nhợt nhạt như một xác chết, máu mất tinh khí, cơ thể đau yếu. Anh ta đã mất đi khả năng chống cự với bệnh tật"*

Trước hết, nếu không có tia nắng mặt trời, sẽ không có sự sống trên trái đất, không có cỏ cây hoa lá, không thực phẩm nuôi súc vật, không thịt cá rau trái cho con người, và trái đất trở thành giá lạnh, không có sự sống.

Thiếu ánh sáng đưa tới trầm buồn, uể oải, kém tập trung vào công việc, tính tình gắt gỏng, chán đời, thèm ăn của ngọt, lên cân thậm chí giảm cả ước muốn tình dục. Đó là dấu hiệu của chứng "Nỗi buồn Mùa Đông" - Blue Winter, của Seasonal Affective Disorder đối với cư dân tại các địa phương thiếu ánh nắng mặt trời vào những ngày đông tháng giá.

Thiếu ánh sáng mặt trời, chúng ta đã mất đi một nguồn cung cấp vitamin D đáng kể, và xương cốt yếu mềm, bệnh loãng xương xuất hiện, xương giòn, dễ gãy.

So với dân chúng ở nam bán cầu, người sống ở miền bắc có tỷ lệ mắc bệnh tiểu đường, bệnh tim mạch, bệnh ung thư ruột già, niễp hộ tuyến nhiều hơn, vì thiếu ánh nắng mặt trời.

Và nhiều ảnh hưởng tiêu cực khác nữa.

Vậy thì xin hãy cùng nhau thu hút ánh sáng mặt trời vào mỗi sớm bình minh và trước khi mặt trời lặn, khi mà bóng râm mình dài hơn chiều dài cơ thể, như gợi ý của bác sĩ Edwin Flatto. Và không cần lâu, chỉ mười phút mỗi ngày là đủ.

Đồng thời ăn nhiều rau và trái cây, vì chúng chứa nhiều năng lượng từ ánh nắng mặt trời.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
www.nguyenyduc.com

MẸ TRONG MƠ

(Kính dâng lên hương hồn MẸ)

*Trong mơ con gặp MẸ
Bên bờ sông quê nhà
Nơi bến đò quê ngoại
Rợp bóng chiều thướt tha ...*

*Trong mơ con gặp MẸ
Trên cánh đồng lúa vàng
Con như thời thơ ấu
Cùng cánh diều tung tăng.*

*Trong mơ con gặp MẸ
Dưới mái chùa ngày xưa
Với tiếng rền sấm chớp
Bóng MẸ nhòa trong mưa..*

*Con giật mình thức giấc
Ảnh MẸ trên bàn thờ
Nhớ MẸ con bật khóc
Nước mắt đọng thành thơ...*



thơ

BÙI VĨNH HÙNG

MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

CÁCH LÀM ĐẬU HŨ RÁN NHỒI CÀ CHUA
CHO NGƯỜI CAO HUYẾT ÁP

Cà chua nhồi đậu phụ rán là một món ăn chay thanh đạm nhưng lại không kém phần hấp dẫn, thích hợp cho những dịp ăn chay hoặc bữa cơm cuối tuần. Lại còn rất phù hợp với những người cao huyết áp, mỡ máu hay tiểu đường. Món này hội tụ đủ vị chua chua của cà chua, mặn vừa phải, sốt cà đậm đà, phần nhân mềm, thơm đậm ngon không tả nổi, ăn cùng cơm nóng hay bánh mì đều được. Cách làm món ăn này thì khá đơn giản bạn cùng làm theo hướng dẫn dưới đây nhé.

**Nguyên liệu:**

- Cà chua to ngon 6 quả
- Đậu phụ 2 bìa
- Hạt tiêu xay 1 thìa cà phê
- Hành khô 0,50g
- Nấm rơm 100g
- Dầu ăn 300ml
- Lạc 0,30g
- Kẹo mùi 1 mớ

Cách làm:

Cà chua rửa sạch cắt đôi, móc bỏ ruột, úp xuống rồi cho ráo nước. Nấm rơm làm sạch, băm nhỏ.

Đậu phụ bóp nhỏ.

Bắc chảo dầu lên bếp, đun nóng già, phi thơm hành khô băm nhỏ. Cho nấm rơm, đậu phụ, lạc rang chín giã nhỏ, muối, hạt tiêu xay vào xào đều. Lấy thìa múc bỏ vào ruột cà chua cho đầy, miết bề mặt cho đẹp. Cho vào chỗ hấp cách thủy.

Cà chín lấy ra để nguội, thả vào chảo dầu nóng già rán chín vàng. Cho ra đĩa, rắc hạt tiêu xay, rau mùi lên trên. Ăn với cơm. Món này ăn tốt với người kiêng ăn thịt.

Cà nhồi đều, không bị vỡ nát, nhân bên trong vừa gia vị, thơm mùi đặc trưng.

(Nguồn: Huyền Trân)

Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

Những gã du tử mang nghiệp chữ

TIỂU LỤC THẦN PHONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Thế là gã thành thi sĩ, sau bao nhiêu năm đăng rả rác trên báo. Giờ gã in riêng cho mình một tập. Bạn bè, người thân chúc mừng nhiều lắm. Gã không thật sự biết mình vui hay buồn. Trong lòng gã tự nhủ: Người ta thành thương gia nghiệp chữ, ông nọ bà kia. Mình cứ quần quanh với mớ chữ nghĩa có làm chi nên đời! Người ta thành đạt, vợ con sung sướng nở mày nở mặt. Mình thì chỉ làm vợ con thêm bận lòng: “Ông suốt ngày mơ mộng thơ thần!” hoặc là “Bài này ông viết cho con nào?”... đại loại như thế!

Nhưng người ta cũng bảo: “Nghiệp chữ,” đã là nghiệp thì dù muốn hay không cũng không thể tránh. Nghiệp là kết quả tạo tác, mình không thể chối từ. Mình đã sanh vào cõi Sa Bà này thì cuộc trăm năm này cũng lý thú lắm chứ! Với những kẻ mang nghiệp chữ thì cuộc trăm năm này là một cuộc rong chơi đầy cảm hứng. Người ta bảo gã là nhà thơ, gã không dám nhận, chỉ đơn giản là một gã du tử rong chơi mà thôi, chỉ đơn giản là một tay mang nghiệp chữ tài tử mà thôi! Gã rong chơi cuối trời phương ngoại, tháng năm quên đi, đôi khi chỉ là kẻ vớt lầy làn hương, chỉ là kẻ múc

mảnh trăng đáy nước! Sẽ có người bảo: “Hương làm sao vớt? trăng đáy nước làm sao múc?” Ấy mà vớt được, ấy mà múc được, bởi vì những kẻ du tử mang nghiệp chữ “biết” cách. Nếu không “vớt,” không “múc” được làm sao họ có thể viết cho đời những bài thơ hay, những câu tuyệt cú...

Kẻ du tử rong chơi trời phương ngoại nhớ về cố quận. Cố quận oằn mình núi rừng loang lổ, sông ngòi, biển cả... ô nhiễm trầm trọng, khí trời cũng không còn trong lành để thở nữa. Muốn loài trên rừng dưới biển bị tàn sát không thương tiếc. Vật đã thế, môi trường đã thế thì con người làm sao an! Cho dù có sống trong những biệt phủ nguy nga nhưng đồng loại bất an một mình an được sao? Giặc phương Bắc như tằm ăn dâu, vẫn ngày đêm xâm thực. Kẻ du tử lòng đau nhưng không thể làm gì hơn được, thế thì những vần thơ, những bài văn lại là sóng âm khêu gợi lòng người!

Năm xưa khi đánh giặc Tống bên bờ sông Như Nguyệt, Lý Thường Kiệt viết thơ thần. Ngài đã thể hiện “nghiệp chữ” trong hoàn cảnh nước sôi lửa bỏng một cách tuyệt vời. Thơ thần như một

bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc. Khi đánh đuổi được giặc Minh, Nguyễn Trãi (một đại du tử) đã viết Bình Ngô Đại Cáo. Một áng văn tuyệt tác vô tiền khoáng hậu. Nguyễn Trãi phô bày nghiệp chữ một cách trác tuyệt. Bình Ngô Đại Cáo là bản tuyên ngôn độc lập thứ hai của nước Việt! Nghìn năm phong kiến vốn trọng văn khinh võ coi thường kinh kỹ... Có lẽ đó là thời kỳ huy hoàng của kẻ mang nghiệp chữ. Bởi vậy dân gian mới bảo:

*Văn thì tứ phẩm đã sang
Võ thì nhị phẩm còn mang
gươm hầu*

Hoặc như kẻ “Du tử” Lý Bạch thì quả thật xưa nay chưa hề thấy: Y là kẻ thư sinh, uống rượu làm thơ ấy vậy mà được thái úy cỡi giày, tể tướng mài mực cho, đã thế còn được kim bài uống rượu suốt đời không phải trả tiền! Bên trời Tây thì những kẻ mang nghiệp chữ cũng vinh quang không kém. Bọn du tử với nghiệp chữ được giới quý tộc, triều đình nuôi dưỡng. Bọn họ chỉ mỗi việc uống rượu và viết thơ, nhạc ngợi ca, trong vô số những bài tụng ca có không ít những tuyệt tác vượt thời gian!

Thời gian như nước chảy

mây bay, như hoa rơi diệp lạc... mình đến rồi cũng sẽ đi mau thôi, những tháng ngày rong ruổi có đôi khi níu kéo một vầng mây trắng mà ca ngợi đời này, có đôi khi lắng lòng nghe hơi thở đất trời, có đôi khi chia sẻ với tiếng đời bất hạnh... Cảnh chim bay qua bầu trời không lưu dấu vết nhưng đã có những kẻ du tử giữ hộ rồi. Hết mùa thì hoa tàn hương tận nhưng những kẻ mang nghiệp chữ đã kịp lưu lại cho đời. Những kẻ rong chơi ở giữa con đường bất tận quên tháng ngày lại là hạnh phúc, an lạc lắm thay! Nào ai hay, tâm hồn đồng điệu rung lên như tơ đàn hoà nhập với đất trời, với cung bậc thanh âm của kiếp người. Giữa con đường ấy là đường nào? đường tình, đường đạo, đường đời... sẽ mãi mãi không bao giờ đến đích, vì một khi đến đích rồi thì có còn là du tử nữa! Con đường bất tận, kẻ rong chơi giữa con đường với: "Mùa xuân phía trước miên trường phía sau" - Bùi Giáng.

Trên con đường những vết trầm như dấu ấn chứng in sâu trong tâm hồn, trong tim dù thời gian năm tháng có bồi xóa thế nào cũng không thể nhạt nhoà hay phai được. Những gã du tử rong chơi với tháng năm đến cõi này:

"Tôi đến nơi này một sớm mai

Rong chơi kể chuyện với muôn loài"

(Thơ TLTP)

Những gã rong chơi kể chuyện với muôn loài hay muôn loài tâm sự với bọn họ? có ai mà biết được, chỉ có bọn họ mới biết mà thôi! Họ sống với một trời phương ngoại. Trời phương ngoại hay vùng phương ngoại ấy ở đâu? Có trên cõi đời này thật sao? Trời phương ngoại đẹp lắm, yên ả lắm. Trời phương ngoại sáng lạnh và thanh khiết lắm, ở đây không có năm tháng bao giờ, ở đây không có những kẻ thô tục, không có bon chen, không có khổ đau... Trời phương ngoại không phải là thiên đường, thiên thai. Trời phương ngoại không có ở trên mặt đất này và cũng không ở ngoài thế gian này. Dù có chỉ bảo, giải thích thế nào người khác cũng không sao hiểu hay thọ hưởng được. Chỉ có tự chính bản thân mình đạt được thì mới biết vùng phương ngoại ấy đẹp biết dường nào! Vùng phương ngoại vốn không có ở trên mặt đất này, ấy vậy mà:

Rong rêu một giải giang hà

Phần hoa chi mộ dưới tà dương huy

*Say hồ điệp khúc lưu ly
Hồn hoa lay động người đi
chứa về*

(Thơ TLTP)

Vốn không ấy thế mà có, vốn có nhưng thật lại là không, có-không vốn không là một mà cũng chẳng là hai. Người đi đâu về đâu mà phần hoa chi mộ vẫn thiết tha dưới ánh tà dương!

Thành Ất Lăng này từng bị đốt cháy và san thành bình địa trong cuộc nội chiến năm nào. Trang trại Tara ở miền Jonesboro của gia đình nàng Scarlet cũng thăng trầm theo thế cuộc. Thời gian bồi xóa và vùi lấp đi tất cả, may mà có nữ du tử Mitchell với nghiệp chữ của mình đã giữ lấy tất cả những hình ảnh, hơi thở của thành Ất Lăng cho thế hệ mai sau. Nữ du tử đã đi rồi nhưng tháng năm rong chơi rong cuộc hồng trần này vẫn còn mãi mãi. Vùng phương ngoại xa xôi, vùng phương ngoại lung linh... Bảo chỉ chỗ nào làm sao ta biết, chỉ tự mình mở lấy cửa mà vào thôi! Những kẻ du tử gìn giữ lấy làn hương, vớt trăng dưới nước, chao ôi khổ khạo một cách dễ thương biết dường nào! HỌC / NGHỆ THUẬT



EM VỀ MANG CẢ THU SANG

Tôi từ cố độ về đây
Gặp em ở giữa tháng ngày mãi mê
Rong chơi từ tận bao giờ
Tuổi bao nhiêu kỷ chưa hề quên nhau

Đời dù đẹp vẫn thương đau
Tình dầu tha thiết vẫn sâu thức thao
Chút duyên gieo tự khi nào
Hồng hoang mấy độ còn nao nao lòng

Vì chưng mắt biếc má hồng
Vẫn hoài lặn đặng giữa dòng tử-sanh
Bao nhiêu mộng ước chưa thành
Áo cơm ràng buộc loanh quanh tháng ngày

Đã từng mấy thuở mê say
Mùa thu em nhé chốn này gần ngơ
Phải chăng rất mực tình cờ
Nàng về phó hội bến bờ hương quan

Hoa dương rực rỡ nở vàng
Niềm vui bất tận con đường em qua
Nghìn trùng chẳng ngại ngừng xa
Mà trong gang tấc lại là trăm năm

Niệm này lắng đọng trong tâm
Đi về vô tận vẫn thâm luyện thương
Rằng hồ điệp mộng vô thường
Kể từ tao ngộ như đường chưa tan

Em về mang cả thu sang
Gót son đạp vỡ lá vàng rụng rơi
Mình còn mê mãi cuộc chơi
Giang hồ đồng vọng nhắn lời nước non

Mùa qua mùa vĩnh viễn còn
Đến đi mình mãi trên con đường này
Hồn vàng chiếc lá thu bay
Một chiều phương ngoại lòng say hồng trần.

(9/2018)

thơ

HIỀN
NGUYỄN



Suối Tào-khê Dòng Cam-lộ bao đời vẫn chảy



HẠNH CHI

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Giữa tháng 11 năm 2007, khi tôi đang nhập chúng, An Cư Kiết Đông tại Làng Mai, Pháp quốc, chờ được thọ giới Sa-Di-Ni trong Đại Giới Đàn Thanh Lương Địa, thì gia đình gửi điện sang, cho biết đã tìm được một chỗ khá tương tất theo nhu cầu và khả năng của tôi, nhưng phải trả lời ngay trong vòng 24 tiếng!

Số là, sau khi chính thức xuất gia giữa tháng 8 năm 2007, tôi gom góp những gì còn lại, nhờ gia đình tìm một nơi cư ngụ trong khu chung cư nào xa nơi ồn động, để từ phòng trọ, sẽ dọn về đó "định cư."

Nhưng trong suốt hơn 2 tháng tìm kiếm mà không được. Cái hợp với nhu cầu thì không đủ khả năng; hoặc ngược lại! Ngày lên đường qua Pháp, tôi nghĩ, chắc còn ở trọ dài dài ...

Qua điện thư báo tin về nơi cư ngụ tương lai, gia đình cũng cho biết vài chi tiết. Đó là căn hộ một phòng, ở tầng dưới, trong khu chung cư không xa trung tâm, nhưng lại rất yên tĩnh, đa số cư dân là gốc Nhật Bản và Đại Hàn. Nội thất đã sẵn mọi tiện nghi do chủ cũ để lại, nhà bếp, phòng khách, phòng ngủ gọn sạch, lại có phòng giặt riêng, là điều ngoài mong ước, và một hàng hiên vừa đủ đón nắng ban mai cho

những chậu Bonsai reo vui, nhảy múa.

Nơi lý tưởng như thế, lại vừa với túi tiền, vì đó là căn hộ nhà băng đang rao bán đầu giá. Gia đình đến ghi danh cho tôi thì đã có năm người tới trước. Nhưng rồi, cả năm người đó, không biết thiếu điều kiện gì mà khi làm việc với nhà băng thì đều rút dài, nên tôi mới có cơ hội. Tôi gửi điện về cho gia đình là không cần tới 24 tiếng mới trả lời, mà hãy tới làm thủ tục ngay đi, hy vọng mình không là người thứ sáu bị từ chối.

Và tôi đã hội đủ tiêu chuẩn nhà băng đưa ra để sẽ làm chủ một nơi tôi chưa từng nhìn thấy!

Cũng lạ!

Từ Pháp về, tôi hoàn tất ngay những thủ tục giấy tờ nào còn lại, mà người đại diện không thể đại diện, để nhận chìa khóa căn chung cư.

Cảnh trí đầu tiên đánh động tâm tôi là dòng suối nhân tạo chảy ngang ngay trước lối vào nhà. Đây là chi tiết bất ngờ, vì không được gia đình mô tả trong điện thư, có lẽ vì nội thất mới quan trọng chứ cảnh ngoài, tả làm chi!

Tiếng suối róc rách, êm ả, như có mãnh lực dán cứng tôi trên lối sỏi. Cây cối, lá hoa hai bên suối được chăm sóc khá sạch sẽ, gọn gàng. Chúng

thân thiện với nhau bằng một cầu gỗ nhỏ, bắc ngang qua. Dưới lòng suối là những tảng đá đủ cỡ lớn nhỏ tạo thành bức họa thiên nhiên không thể hoàn mỹ hơn với cư dân trung lưu trong vùng.

Ngay khi đó, trước khi bước vào nhà, tôi đã biết tôi sẽ đặt tên nơi cư ngụ này là Tào-Khê Tịnh Thất.

Tôi gọi như vậy chỉ vì có dòng suối róc rách ngày đêm đã khiến tôi liên tưởng tới suối Tào-Khê chảy ngang Nam Hoa Thiên Tự, tọa lạc tại tỉnh Tào Khê, bên núi Song Phong, huyện Khúc Giang, thuộc Quảng Đông, Trung Quốc.

Chính nơi đây, Lục Tổ Huệ Năng, vị Tổ đời thứ sáu của Thiền Tông Trung Quốc đã dừng chân, lập nên Thiền Tông Nam Phái, trao truyền những tinh hoa cực kỳ toàn hảo, lấy Vô Niệm làm Tông, Vô Tướng làm Thể, Vô Trụ làm Gốc, đem lại niềm an lạc kỳ diệu cho hàng triệu người đã tới thọ pháp và đạt được giải thoát, giác ngộ.

Qua bao thế kỷ, tinh thần "Túc Tâm Túc Phật" vẫn không ngừng phát triển khắp năm châu. Thiền vị từ dòng suối Tào Khê đó đã tùy thời, tùy duyên mà uyển chuyển tuôn chảy. Ngay tại Việt Nam, ở miền Bắc, Thiền Tào Động đã sớm được truyền thừa tại chùa Trấn Quốc, chùa Hòe Nhai. Vào



miền Trung, dấu ấn của phái Lâm Tế Chúc Thánh cũng đã in đậm ở chùa Từ Đàm, chùa Chúc Thánh; phái Lâm Tế Liễu Quán thì nở rộ thiền lục từ Huế, qua Nha Trang, Hội An, Sài Gòn, Đà Lạt... Nhiều thập niên qua, âm thanh kỳ diệu của dòng Cam Lộ đó cũng ngân vang qua thi kệ Làng Mai, một tăng đoàn mang hành trang "Hiếu và Thương" đã và đang có mặt khắp hoàn vũ để chia sẻ và xoa dịu thương đau cho bất kỳ sắc dân nào, màu áo nào có đủ duyên gặp gỡ:

*"Tào-Khê một dòng biếc
Chảy mãi về phương Đông
Quan Âm bình nước tịnh
Tẩy sạch dấu phong trần
Cành dương rười Cam Lộ
Làm sống dậy mùa Xuân
Để hồ trong cổ họng
Làm lắng dịu muôn lòng
Nam Mô Bồ Tát Cam Lộ vị
Nam Mô Bồ Tát Cam Lộ vị
Nam Mô Bồ Tát Cam Lộ vị"*

Còn dòng suối Tào Khê chảy ngang Nam Hoa Thiên Tự thì sao?

Nước suối Tào Khê đó đã thực sự là nước Cam Lộ mà hàng năm, những hành giả đến thăm nơi xưa, đắm chìm trong niềm cung kính hoài tưởng vị Tổ đã dẫn dắt muôn người giác ngộ, không thể không đón nhận một tách trà được pha từ nước suối Tào Khê. Một lần, vâng, dù chỉ một lần được nếm vị Cam Lộ đó thì dư hương kỳ diệu sẽ xông ướp vào những thời thiền tọa, dù hành giả đang hành

thiền nơi đâu, trên trái đất này.

Theo lời chia sẻ của những hành giả đã tới, rồi đi, thì cảm xúc đích thực này chỉ chính hành giả đó mới cảm nhận hết. Khi kể lại chỉ là tương đối qua âm thanh cao thấp; viết lại, chỉ là ngôn từ giới hạn trên mặt phẳng của giấy mực chứ không thể thuần khiết là điều kỳ diệu lung linh trong chiều sâu tâm thức nữa!

Làm sao mà ngôn ngữ thế gian có thể diễn tả trọn vẹn sự hài hòa của Y Báo và Chánh Báo!

Trở lại dòng suối trước tinh thất tôi. Tuy chỉ là suối nhân tạo, nhưng tiếng nước róc rách len qua những tảng đá chênh vênh thì ai tạo?

Người tạo được suối nhưng không tạo được âm thanh này. Tiếng róc rách, êm ả, nhẹ nhàng này là do nước và đá tạo ra. Nước có mời gọi và đá có đáp lại không, mà âm thanh đã thể hiện tấm lòng tri kỷ của Bá Nha-Tử Kỳ! Ôi, chỉ nước và đá biết mà thôi. Mênh mang trời đất có lẽ cũng còn bao lắng thầm tri kỷ mà ta chưa nhận ra để trân quý, để đồng hành! Thương thay!

Một lần, sau khi quét lá sân trước, tôi đã ngồi khá lâu bên bờ suối và lần lần cảm nhận như thế. Dòng suối gần hàng hiên đến mức ngồi bên hiên những sớm mai, khoan chân kiết già trước tôn tượng Bốn Sư Thích Ca, hay khi chiều xuống, niệm Phật thầm trước tôn tượng Phật A Di Đà, tôi cũng nghe rõ tiếng nước chảy; nhưng chỉ khi vừa nghe, vừa quan sát tôi mới nhận ra như thế. Nước, chất lỏng không nắm bắt được, và đá, chất cứng giữ chắc trong tay, hai loại tương phản, khi hài hòa lại có thể tạo thành tuyệt tác phẩm mà những gì đồng loại chưa chắc đã tạo được!

Tiếng suối róc rách đó cũng giúp tôi thường nhớ lời nhắc nhở của Đại Lão Hòa Thượng Hư Vân, là những

hành giả chuyên tu niệm Phật phải giữ câu niệm Phật như dòng nước, cứ rì rả liên tục chảy hoài, mới mong đạt tới nhất tâm bất loạn.

Tiếng suối từ con suối nhân tạo này cũng đã vô tình trợ lực cho tôi trong những thời công phu tĩnh lặng để thoảng hoặc, bất chợt nghe được tự cõi lòng mình từ những lời không nói, khóc được tự cõi lòng mình bằng những hạt lệ không rơi... để rồi quý xuống cảm tạ Chư Phật đã ban cho những sát na "Bất khả tư nghì" như thế.

Thăm thoát, tôi đã gấn bó với Tào-Khê Tịnh Thất hơn 11 năm và cư dân trong chung cư, khi đi dạo, dừng lại bên hiên, thích thú nhìn ngắm những chậu Bonsai, cũng đã đủ thời gian để họ biết, sau những cây kiểng là tôn tượng Chư Phật mà tôi cung kính bái lạy mỗi sáng sớm, khi mở cửa chào một ngày mới. Tôi thật cảm động khi thỉnh thoảng, từ sau rèm cửa trong nhà nhìn ra, bất ngờ thấy khách dừng chân, không chỉ ngắm cảnh mà còn hướng về tôn tượng, chấp tay xá Phật.

Những điều thầm lặng cảm nhận khiến tôi càng thương Tào-Khê Tịnh Thất hơn và nghĩ rằng mình sẽ trụ nơi đây cho tới ngày rời Cõi-Tạm-Ta-Bà này.

Nhưng vừa khởi nghĩ thế, bỗng giật mình tưởng như lời Lục Tổ đang phảng phất trong làn gió thu sang "Ứng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm."

Ôi, cái tâm phàm phu còn vương cảnh, lụy tình là còn tu, còn sửa, còn chinh đồn dài...

Ai đó có nói, muốn "chỉnh," phải mạnh mẽ "đốn."

Nên lại tự an ủi rằng, cũng may còn nhận ra cái tâm "ưng trụ" để mà chỉnh đốn!

Hạnh Chi
*(Tào-Khê Tịnh Thất – Thu chí,
Mộ Tuất niên)*

NIỆM PHẬT MỘT MÌNH

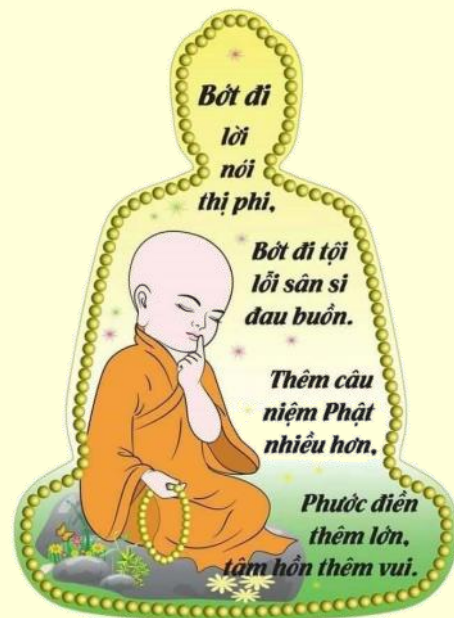
*Có người trải chiếu ngoài sân
Một mình niệm Phật,
Chẳng cần ai hay
Tình cờ qua khoảng sân này
Chư Thiên tán thán,
Hương bay ngạt ngào
Niệm thâm, niệm thấp, niệm cao
Thân tâm cùng niệm,
Biết bao an lành
A Di Đà Phật, xưng danh
Tin sâu, nguyện thiết,
Phụng hành tinh chuyên
Xin Phật chứng minh lòng thành
Nguyện về Tịnh Độ,
Tử sanh không còn.*

(Thân tặng Phật tử Thiện Ảnh, người lặng lẽ niệm Phật ngoài sân mà không ngờ hình ảnh chí thành đã làm cảm động bao bạn đạo)

thơ

TN HUỆ TRÂN

(Tào-Khê Tịnh Thất, cuối thu Cali)



TƯỜNG THUẬT NGÀY VỀ NGUỒN LẦN THỨ 11 TẠI CHÙA KHÁNH ANH - PHÁP QUỐC TỪ NGÀY 27 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2018

Thích Như Điển



Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu chính thức nhận lãnh trách nhiệm tổ chức ngày về nguồn lần thứ 11 tại Pháp nhân kỷ Về Nguồn tại thủ đô Ottawa, Canada năm 2016. Nên năm nay giáo hội đã có thư mời đến các châu lục cung thỉnh chư Tôn đức Tăng Ni và các đồng hương Phật tử khắp nơi về Pháp quốc để tham dự ngày trọng đại này.

Kết quả là có trên 150 chư Tôn đức Tăng Ni và hơn 300 Phật tử đến từ các châu lục như: Canada, Hoa Kỳ, Úc châu, Âu châu và Việt Nam. Chương trình sinh hoạt trong 4 ngày rất linh động. Kể từ tối ngày 27.9.2018, Giáo hội các châu đã có một buổi họp tiền hội nghị để hoạch định chương trình làm việc trong 3 ngày tiếp theo.



Photos by Võ Văn Tường



Ngày 28.9.2018 có lễ Khai mạc tại chánh điện chùa Khánh Anh rất trang trọng gồm chư Tôn đức trong các Giáo hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất hải ngoại cùng ban điều hợp liên châu và đặc biệt có HT Thích Hạnh Đạt đến từ Hoa Kỳ đại diện cho tổng hội Phật giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ; HT Thích Trí Hải đến từ Hawaii đại diện cho Giáo hội Phật giáo Linh Sơn trên thế giới và HT Thích Giác Huệ đại diện cho Giáo hội Tăng Già Khất Sĩ tại Pháp. Trong khung

cảnh trầm hùng của đại lễ, HT Thích Như Điển, đệ nhị chủ tịch Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất Âu châu đã đọc lời chào mừng khai mạc ngày Về Nguồn và Hiệp Kỳ chư Lịch Đại Tổ Sư lần này. Tiếp theo đó là nghi thức cầu nguyện cho ngày Hiệp Kỳ được viên mãn và cuối cùng là chụp hình lưu niệm.

Buổi chiều và tối cùng ngày có hai thời hội luận về vấn đề hoàng pháp và giáo dục cũng như mở trường đào tạo Tăng tài do quý HT



Photos by Võ Văn Tường



Thích Quảng Hiền, TT Thích Tâm Huệ; HT Thích Thông Hải, Hòa thượng Thích Bồn Đạt. Kết quả thật sôi nổi và có nhiều triển vọng trong tương lai. Nhưng trên thực tế thì những vấn đề chính vẫn chưa giải quyết rất rõ ràng được.

Sáng sớm ngày 29.9.2018 sau thời tọa thiền và công phu khuya, toàn thể đại chúng đã quỳ xuống lắng nghe đạo từ của trưởng lão Hòa thượng Thích Thắng Hoan gửi đi từ Hoa kỳ do Hòa thượng Thích Nguyên Siêu tuyên đọc; tiếp đến là thời tụng Bồ Tát giới cho giới xuất gia và tại gia tại chánh điện của chùa.

Chương trình tiếp theo trong ngày gồm có 2 buổi thuyết trình và đức kết trong những ngày hội luận. Đề tài buổi sáng do Ni trưởng Thích Nữ Giới Châu và Thích Nữ Huệ Nghiêm thuyết trình đề tài: Công Hạnh của Sư Bà Diệu Không. Đề tài này đã được chư Tôn đức Tăng Ni bổ túc thêm nhiều điều lí thú mà trong hành trạng của Sư Bà chưa có lần được đề cập đến. Thời thuyết trình buổi chiều do HT Thích Bảo Lạc và HT Thích Quảng Ba. Các Ngài đã trình bày về sự nghiệp của cố HT Thích Thiện Hòa. Trên từ chư Tôn đức Tăng Ni, dưới cho đến bà con Phật tử không ai là không cảm nhận được công đức của cố HT đã mang đến không biết bao nhiêu sự lợi lạc cho Tăng tín đồ Phật giáo Việt Nam ở trong cũng như ngoài nước.

Buổi tối cùng ngày có một lễ tri ân báo ân, khánh chúc đến chư vị tôn túc Tăng Ni có từ 45 tuổi hạ trở đi. Thượng tọa Thích Quảng Đạo, trụ trì chùa Khánh Anh cũng là phó ban tổ chức trong kỳ Về Nguồn lần này đã đại diện cho Tăng Ni và Phật tử hiện diện dâng lên tấm lòng chân thành của mình đối với các bậc Tôn túc. Hòa thượng Thích Bảo Lạc đến từ Úc châu đã có lời đạo từ thật thâm sâu và ý nghĩa đối với xứ mạng của một người xuất gia làm việc đạo cũng như phụng sự cho đời. Hôm đó có sự hiện diện của 11 vị Hòa thượng và một Sư Bà đến từ bốn châu lục, đốt nến và cắt bánh khánh chúc

xen lẫn với tiếng hát lời ca của nhạc sĩ Phi Long (*Thích Viên Giác*) cùng với sự đóng góp của các ca sĩ cây nhà lá vườn thật là âm cúng đầy ắp tình nghĩa thầy trò đạo bạn.

Cũng như thường lệ, mỗi buổi sáng tại chánh điện chùa Khánh Anh đều có thời ngồi thiền và trì tụng thần chú Thủ Lăng Nghiêm và đặc biệt sáng ngày 30.9.2018 có lễ chúc tán thù ân, đàn lễ chư Phật chư Bồ Tát, chư vị Tổ Sư truyền thừa nhân ngày thanh tịnh này. Đúng 10 giờ sáng cùng ngày, ba hồi chuông trống Bát Nhã được cử lên một cách trầm hùng để cung đôn chư Tôn đức giáo phẩm trên bốn châu lục tiến vào đại điện. Đi đầu là khay trầm hương, lễ thỉnh, tiếp đến là biểu tượng ngày Về Nguồn; kế theo sau là bệ, tích tượng và long tàn để cung nghinh. Sáng mai hôm ấy, trời trong và đẹp, ngọn gió thu nhẹ nhàng lan tỏa vào những chiếc hoàng y, làm gợi lên một hình ảnh hòa hợp thanh tịnh của Tăng già, mà ở hải ngoại điều này rất ít nhìn thấy được. Sau khi chư Tôn đức và Phật tử an tọa, Thượng tọa MC Thích Hoàng Khai đã duyên dáng, tử tế thông qua chương trình của buổi đại lễ. Hòa thượng Thích Tánh Thiệt, trưởng ban tổ chức ngày Về Nguồn lần thứ 11 đã đồng đặc tuyên dương công hạnh của chư Lịch Đại Tổ Sư qua bao đời và ngày nay việc kế thừa pháp vị ấy được tiếp nối bởi những trưởng tử của Như Lai qua công việc hoằng pháp và hành đạo khắp nơi trên thế giới này. Tiếp đến là lời tâm nguyện của Tăng Ni hải ngoại do Thượng tọa Thích Tâm Phương tuyên đọc. Hòa thượng Thích Nguyên Trí đã tuyên đọc lời truy tán công hạnh của Lịch Đại Tổ Sư tiền bối thật trang trọng; trong khi chư Tôn trưởng lão cùng Tăng Ni và quý đồng hương Phật tử quỳ xuống chấp tay để chiêm nghiệm về hành trạng của các Ngài qua hàng mấy ngàn năm nay.

Hòa thượng Thích Phước Thuận, Hòa thượng Tín Nghĩa, HT Thích Tánh Thiệt, HT





Thích Bổn Đạt đại diện cho các châu lục dâng hương cúng dường ngày Hiệp kỳ chư Lịch Đại Tổ Sư. Sau đó là lễ tiến giác linh và lễ cúng trà cùng với những giọng tán tụng trầm hùng của Ban Kinh Sư hòa lẫn với tiếng chuông, tiếng khánh, tiếng mõ, tiếng trống làm cho người nghe sâu lắng tận đáy lòng.

Cuối cùng, Thượng tọa Thích Quảng Đạo, TT Thích Nguyên Lộc, ĐĐ Thích Nhuận Hương Ni Sư Thích Nữ Diệu Trạm đã tuyên đọc diễn

văn bế mạc ngày Hiệp Kỳ Về Nguồn và Lễ hoàn nguyện ngôi đại tự Khánh Anh trong sự xúc động đối với bậc ân sư khả kính là cố Hòa thượng Thích Minh Tâm; người đã lều lái con thuyền của giáo hội trong nhiều thập niên qua; nhưng chẳng may ngày nay không còn ân sư nữa trong giờ phút linh thiêng này. Cuối cùng, mọi người một lần nữa chụp hình lưu niệm trước bảo tháp Quan Âm, nơi tôn trí tro cốt của Ân Sư.





Sư kỳ thứ 11 và lễ Hoàn nguyện ngôi đại tự Khánh Anh kết thúc bằng lễ cúng dường trai Tăng do Thượng tọa trụ trì tác bạch và lời giáo huấn của Hòa thượng Thích Tín Nghĩa, chủ tịch Hội đồng điều hành GHPG VN Thống Nhất Hoa Kỳ.

Trong khi đại diện chùa Khánh Anh, chư Tăng Ni và Phật tử cúng đại thí Mông Sơn thì tại quảng trường Trocadéro dưới gần chân tháp Eiffel có một buổi lễ cầu nguyện và biểu tình của GHPG VN Thống Nhất liên châu phản đối nhà cầm quyền Đảng Cộng Sản Việt Nam cho Trung cộng thuê 99 năm ba đặc khu Vân Đồn, Bắc Vân Phong và Phú Quốc cũng như Luật An Ninh mạng (*xin xem tường thuật riêng về việc này*).

Đến, đi, còn, mất vốn là sự vô thường bởi sanh, trụ, dị, diệt trên thế gian này; nhưng hình ảnh ngôi đại tự Khánh Anh tại Evry, Pháp quốc vẫn sừng sững với gió sương năm tháng như để che chở hồn người lữ khách tha phương, mà ngày Hiệp Kỳ Về Nguồn cũng đã gói trọn niềm tin yêu của người con Phật đối với quê hương, dân tộc và đạo pháp./.

HT. Thích Như Điển tường thuật
Hình ảnh của **Võ Văn Tường**

Phần quan trọng nhất và cũng sau cùng nhất đó là phần trao truyền bình bát Về Nguồn luân lưu đến châu Úc cho ban điều hợp liên châu nhiệm kỳ 2018-2020. Hòa thượng Thích Bảo Lạc, HT Thích Quảng Ba, TT Thích Tâm Phương, TT Thích Nhuận An, Ni Sư Thích Nữ Huệ Kiệt, Sư cô Thích Nữ Viên Khai cùng chư Tôn đức Tăng tại Âu châu đã trao truyền bình bát đến địa phương Úc châu và theo như Thượng tọa Thích Tâm Phương đã đề đạt lời thỉnh cầu lên chư Tôn đức là vào tháng 10 năm 2020 sẽ tổ chức ngày Về Nguồn Hiệp Kỳ chư Lịch Đại Tổ Sư tại Tu Viện Quảng Đức, Melbourne, Úc châu nhân lễ kỷ niệm 30 năm thành lập Tu Viện Quảng Đức.

Ngày Về Nguồn Hiệp Kỳ chư Lịch Đại Tổ

Lời ru của trái tim

MÃN ĐƯỜNG HỒNG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Sức chịu đựng của tôi thuộc loại ghê gớm lắm. Tôi có được, luyện được sức chịu đựng ấy là nhờ học từ chữ Nhân của đạo Phật. Nhân là chiến thắng. Nhân là thành công. Nhịn nhường là bản lĩnh, là dũng cảm. Nhịn nhường là cao thượng, là bao dung. Tôi đã từng ngồi im cả tiếng đồng hồ để lắng nghe bà chị Hai chửi vì cái tội coi lên nhật ký của bà. Tôi đã từng nín thính, để nghe chị Ba chửi về chuyện bà ngờ tôi lấy tiền của bà để dưới gối đầu giường, mà thực sự thì chính thằng Ut em tôi nó chôm để mua mấy cuốn sách mớ đê tài "tâm hồn cao thượng." Tôi cũng đã từng trừng mắt lên, đứng bất động như pho tượng gỗ, khi bị thằng Ut hỗn láo mắng nhiếc vì tôi đã tố cáo nó cái tội "trốn đi học thêm để vào quán Net chơi game online" trước ba mẹ và các chị...

Vậy mà chẳng hiểu sao, tôi lại không chịu nổi sự quấy rầy của Nhạc, bạn cùng lớp 12A4, ngồi ngay sau lưng tôi. Có lẽ trời xui đất xui, sắp đặt cho tôi phải ngồi trước mặt một kẻ quấy rối để có dịp thử thách tính Nhân Nhục mà tôi từng tự hào có được dồi dào. Rõ ràng là Nhạc đã cố tình muốn chọc cho tôi phải quay đầu lại, để hằm nhìn cho rõ dung nhan diện mạo của tôi

trong cự ly thật gần. Muốn làm quen kiểu ấy chỉ làm cho tôi thêm ghét. Hằm hết hỏi cái này, lại nhờ cái khác, mượn cái nọ khoe cái kia, đủ thứ chuyện trong trường ngoài phố...

Sáng hôm ấy nhằm tiết Toán, Nhạc hết mượn thước, lại mượn compa, rồi bút đỏ. Đến khi hằm chằm lên lần nữa để mượn thước êke, tay khoèo khoèo vào vai tôi mấy cái, tôi chịu hết nổi, gằn giọng:

"Thôi dẹp đi. Mượn, mượn, mượn hoài. Mệt quá!"

Hằm tấn công ngay:

"Ích kỷ dữ vậy, Hồng?"

Tôi sùng gan, cộc cằn:

"Đi học mà không sấm. Lớp 12 rồi chớ bộ lớp 1 à?"

Cô giáo nghe xì xào, nhìn xuống hỏi:

"Gì đó, Hồng?"

Tôi đứng phắt dậy, làm mặt chùng bủng:

"Thưa cô, cho em đổi chỗ ngồi. Em không thể ngồi chỗ này lâu được ạ!"

"Lý do?" cô giáo nghiêm giọng.

Tôi thưa:

"Bạn Nhạc ngồi sau thường quấy rầy em trong giờ học, thưa cô!"

Cô bước xuống bên tôi nhỏ nhẹ:

"Nhạc quấy rối thế nào?"

Tôi thành thật:

"Bạn ấy... mượn dụng cụ hoài, hết thứ này đến thứ khác. Lại còn hay khoèo vào mình em nữa ạ!"

"Phải vậy không Nhạc?" cô trợn mắt hỏi hằm.

Tôi không nhìn, nhưng nghe được hằm trả lời:

"Em không có, nên phải mượn. Khi mượn phải khoèo, khoèo ở vai, vì sợ lên tiếng sẽ ồn, cô la ạ!"

Cô giáo nhìn chăm chăm Nhạc, rất lâu mới nhìn tôi, nói:

"Em hơi khó tính đó, Hồng à. Bạn không có nên mới mượn chứ!"

Tôi đỏ mặt, nói ngay:

"Không phải chỉ bữa nay, những buổi học khác đều xảy ra chuyện mượn, chuyện khoèo này ạ. Bạn ấy cố tình quấy rối em. Tại sao không mượn bạn khác, mà cứ mượn em nhỉ?"

Cô giáo mím môi hỏi Nhạc:

"Tại sao vậy nhỉ?"

"Tại em thích. Hơn nữa, các bạn kia cũng thiếu như em, chỉ có bạn Hồng là đầy đủ, nếu không muốn nói là dư ạ!"

Cô giáo phì cười, đặt tay lên vai tôi, nói:

"Thôi, em hãy thông cảm cho bạn. Chuyện này không nên ồn ào, giúp đỡ nhau trong học tập mà, mượn qua mượn lại chứ mất mát gì. Lúc này, em chưa mượn Nhạc thứ gì,

nhưng biết đâu sau này sẽ đến phiên em phải mượn bạn thứ gì đó!”

Lời cô giáo như một đoạn triết lý về “nhân quả vay mượn” đã bất ngờ ập vào tâm trí đang nháy nhót lung tung của tôi. Tôi hơi lúng túng, nhưng rồi tôi lấy lại được bình tĩnh:

“Em sẽ không mượn bạn Nhạc thứ gì hết, thưa cô!” Tôi dứt khoát, rồi bồi thêm, “mà nếu có mượn thì sẽ mượn một bạn nào khác, chớ nhất định không chịu mượn của bạn Nhạc!”

“Đừng nên nói vậy. Lời nói bay ra chụp lại không kịp, em ơi!” cô giáo nghiêm sắc mặt.

Tôi vẫn khẳng khái:

“Cô cho em đổi chỗ ngồi ngay ạ!”

Cô cười nửa miệng, giọng vẫn nghiêm:

“Điều quan trọng không phải đổi chỗ ngồi, mà là đổi tâm tính của con người. Em có đổi đi nơi khác, đi bất cứ nơi nào, mà vẫn mang tính tình ấy, thì luôn luôn gặp những người bạn quấy rầy em. Em hiểu ý cô chứ?”

Lại là một bài học mang tính minh triết. Tôi mím môi, gục đầu. Cô giáo tiếp:

“Hết giờ học em hãy đến gặp cô. Cô sẽ nói chuyện này cho em nghe, vì là chuyện tế nhị nên không thể nói ra ở đây được!”

Tan học. Tôi gặp cô giáo. Cô cười cười, nói:

“Em phải thông cảm cho bạn Nhạc, đừng khó khăn như vậy kỳ lắm!”

Tôi nũng nịu:

“Cô cứ bênh vực cho các bạn trai, nữ sinh tụi em bị ăn hiếp hoài!”

Giọng cô giáo bỗng chùng xuống:

“Em không hiểu. Cô biết rõ về gia cảnh của Nhạc. Nhà Nhạc bi đát lắm. Nói gọn là rất nghèo. Đi học được đã là một chuyện phi thường đối với Nhạc rồi. Dụng cụ học tập thiếu là lẽ đương nhiên. Muốn có đủ thứ như em, chắc Nhạc phải nhịn đói nhiều ngày. Em nên giúp đỡ, đừng so đo tính



toán, và không chỉ giúp bạn Nhạc, mà còn nhiều bạn khác cũng cần những sự giúp đỡ tuy nhỏ nhoi, nhưng lại rất to tát, đầy ý nghĩa đối với một người bạn nghèo!”

Tôi nghe lời cô giáo, vì cô là một người nhân hậu, là một Phật tử thuần thành, đã từng sáng tác nhiều truyện ngắn được đăng trên các tờ tạp chí của Phật giáo trong nước. Nhưng tôi vẫn mang ác cảm với hẫn, tên Nhạc ngồi phía sau lưng tôi ở lớp.

... Hết tiết, tôi theo các bạn ùa ra sân chơi, đang thơ thẩn, chợt tôi nghe những tiếng cười khúc khích phía sau, nhìn lại, thấy các bạn nhìn mình, chỉ chỗ, bùm miệng cười khoái trá.

Con nhỏ Thuý Vi đang sau sườn tôi, níu tôi lại, nói:

“Đứa nào ghi gì trên tà áo mi kia!”

Tôi tái mặt, nấp tà áo lên xem. “I love you,” chữ mực đỏ bút nguyên tử. Tôi giận run lên, nghĩ ngay đến hẫn. Không còn ai khác, chính hẫn ngồi sau lưng tôi mới viết được. Tôi không chần chừ, đi thẳng đến phòng giám hiệu. Gặp thầy giám thị, tôi cáo trình sự việc. Nhạc được ban trật tự mời lên phòng giám hiệu ngay sau đó. Ban đầu hẫn chối leo lẻo. Sau, khi thầy giám thị hăm:

“Nếu em không nhận, tôi sẽ bắt cả lớp quỳ suốt cho

đến khi tìm ra thủ phạm!”

Hẫn phải gục đầu nhận tội. Thầy giám thị ra lệnh:

“Hai em theo tôi ra giếng nước!”

Thầy nắm vành tai hẫn, vặn một cái, kéo hẫn đi. Tôi lẻo đẻo theo sau, ra đến giếng nước.

Thầy gằn giọng:

“Tẩy cho sạch, làm cho khô trước giờ vào lớp. Không thì quỳ luôn ở đây cho đến ... hết ngày!”

Thầy bước đi ngay. Còn lại hai đứa bên giếng nước. Hẫn nhìn tôi. Tôi nhìn hẫn. Hẫn phì cười, lấy gàu múc nước. Múc xong, hẫn nói:

“Đứng chờ chút nha!”

Hẫn chạy ù một hơi vào nhà bác cai trường gần đó. Một lát sau, hẫn đã chạy ra với bùm xà phòng bột trong tay. Hẫn cười:

“Xà phòng thứ xịn đây, tẩy sạch mọi vết bẩn, chuyên gia hàng đầu!”

Rồi hẫn nấp tà áo của tôi hất nước cho ướt, chà xà phòng, bắt đầu vò. Tôi quá tức... cười, nhưng ráng nghĩ rằng bậm miệng mà nín, nhìn hẫn đang thần nhiên vò vò áo của mình, vừa khẽ hát bài “Ngâm ngủi” của nhà thơ Huy Cận, do Phạm Duy phổ nhạc:

“*Nặng chia nửa bãi chiều rồi... Vườn hoang trinh nữ khếp đôi lá sầu...*”

Những chữ “I love you” đã được tẩy nhòa đi. Hẫn vẫn

vò tà áo của tôi, miệng khe khẽ hát tiếp đến đoạn: "*Ngủ đi mộng vẫn bình thường... À ơi có tiếng thùy dương mấy bờ...*"

Xong, hần đứng thẳng lên, nói: "Chờ chút!" rồi lại chạy vào nhà bác cai, chạy trở lại với chiếc quạt giấy trên tay, mặt hí hửng lắm. Tôi hỏi:

"Bày cái trò gì nữa đây?"

Hần cười khoe hàm răng trắng muốt:

"Quạt cho khô để kịp giờ vào lớp chớ. Chịu khó đứng mà chờ nghen!"

Hần bắt đầu vừa quạt vừa hát tinh bơ: "*Ngủ đi mộng vẫn bình thường... À ơi có tiếng thùy dương mấy bờ...*" Tôi nhin không nổi, bật cười khanh khách. Đến lúc ấy, bạn Tấn chạy tới với vẻ mặt lấm lét. Nhạc trợn mắt nói:

"Tới bây giờ mới chịu chường mặt ra, xong xuôi hết rồi. Mấy đến quạt thay tao cho khô tà áo dài thướt tha của người ta đi chớ, đồ quý báu!"

Tấn cười gượng gạo, nhận lấy quạt giấy, định quạt cho tôi, tôi bước tránh qua một bên, hỏi:

"Mắc mớ gì ông phải gánh cái khổ thay người khác?"

Vò đầu bút tóc, Tấn lúng búng:

"Không phải nó viết lên áo của Hồng, mà thủ phạm chính là... tui. Nó bị oan, còn tui thì sợ bị phạt!"

Tôi sừng sốt. Chỉ còn có nước là la trời.

... Xe của đoàn cứu trợ đã vào đến sân Ủy ban nhân dân Xã. Thời tiết xấu, chung quanh là cảnh vật tiêu điều, ướt ảm. Đám học trò của chúng tôi sắp hàng khiêng những thùng hàng cứu trợ đi theo các thầy cô. Người ôm thùng hàng to và có lẽ nặng nhất là Nhạc. Hần đi sau lưng tôi, cứ giục:

"Đi lẹ lẹ chút đi, tiểu thư dài các! Cứu nạn mà sao chậm như rùa vậy?"

Tôi đã hết giận, hết ác cảm với hần từ dạo giặt áo bên giếng, liền quay lại nói:

"Đổi chỗ. Muốn mau thì đi trước đi!"

Hần cười:

"Không, tui thích đi sau để được ngắm mái tóc thề. Đi trước, ngắm cái đầu húi cua của thằng Tấn chán ngắt!"

Tôi bật cười, kể ra hần cũng có duyên lắm. Và dường như hần không biết mỗi mệt, lại hát bản tình ca cũ mèm: "*Ngủ đi mộng vẫn bình thường...*" Đi bộ một khoảng đường dài, nghe hần hát quả là bớt mệt. Đến địa điểm tập trung, hần thả thùng hàng xuống cái phịch, ngồi phịch ra đất thờ phào. Tôi nhìn hần với lòng xôn xang khó hiểu, hỏi:

"Mệt lắm hờ?"

Hần cười:

"Mệt nhưng vui!"

Tôi rút khăn tay ra, đưa cho hần. Hần trở mắt nhìn tôi, có lẽ hần không tin, hần sợ bị tôi chơi xỏ, nên lưỡng lự thoáng chốc, mới từ từ nhận lấy khăn lau mồ hôi trán. Tôi cũng hết thấy mệt.

... Tin có người chết đuối làm náo động cả trụ sở Ủy ban nhân dân Xã, nơi đoàn cứu trợ bão lụt tạm trú, mọi người nhao nhao chạy đi xem. Tôi cùng lũ bạn cũng chạy theo. Hỏi thầy trưởng đoàn cứu trợ, mới hay: một em bé trượt chân xuống cầu ván, lọt tùm xuống dòng nước đang trôi cuồn cuộn. Thời may, đã có một nam sinh nhảy xuống theo để cứu em bé. Nhờ các bạn khác kêu cứu kịp thời, nên đã có người đem thuyền thúng đến cứu hộ, phụ vớt em bé lên thuyền an toàn. Nhưng, bạn nam sinh kia đã đuối sức, đã bị chìm ngay sau khi vừa giao em bé cho những người trên thuyền. Bọn nữ sinh chúng tôi vừa nghe vừa chạy ra phía cầu xảy ra tai nạn. Đọc đường lại nghe tin "Vớt được rồi, vớt được thằng nhỏ cứu em bé rồi!" Ai nấy đều mừng trong bụng. Chạy một đoạn nữa lại nghe: "Thằng nhỏ gan thiệt, đã vớt được nó, nhưng nó bất tỉnh mê man rồi!" Đến nơi tôi cố gắng chen vào đám đông đang xì xầm bàn tán bên cầu ván. Tôi gần bật ngựa ra sau khi nhận ra ngay bạn nam sinh gan dạ và nghĩa hiệp kia

chính là... Nhạc. Nhạc đang được hô hấp nhân tạo, xoa dầu nóng khắp mình. Tôi trào hai dòng nước mắt khi nào không hay. Người ta khiêng Nhạc vào một nhà dân gần đó để làm mọi cách hồi sức cho con người dũng cảm.

... Tôi bước vào. Nhạc đang tỉnh, mắt sáng rực khi thấy tôi xuất hiện. Tôi ngồi xuống ghế đặt cạnh giường, hỏi khẽ:

"Mệt không?"

Nhạc mỉm cười:

"Đã đỡ mệt. Nghe em bé được bình an, liền khỏe hẳn ra!"

Tôi không biết nói gì nữa, chỉ biết lặng thinh nhìn Nhạc bằng đôi mắt đầy khâm phục, cùng trái tim đang xao xuyến xúc động...

Thật lâu, tôi nói khẽ:

"Thôi, Nhạc ngủ đi cho khỏe!"

Nhạc gật đầu:

"Ừ, ngủ cho khỏe!"

Tôi lấy khăn tay lau những giọt nước mắt đang ứa ra hai khoé mắt của Nhạc. Sao hần khóc vậy ta?

Vậy rồi, ngồi bên ngắm hần đang khép đôi mi, không hiểu sao tôi lại cất tiếng hát, hát bản "*Ngâm ngủ*" với ca từ được hoán đổi ngẫu hứng:

"Nặng chia nửa bãi chiều rồi... Vườn hoang trính nữ khép đôi lá sầu... Sợ buồn con nhện giăng mau... Anh ơi hãy ngủ, em hầu quạt đây... Lòng em mở với quạt này... Trăm con chim mộng về bay đầu giường... Ngủ đi anh, mộng bình thường... Ru anh sẵn tiếng thùy dương mấy bờ..."

Tôi hát, hát ngân nga say sưa cho đến khi Nhạc chìm vào giấc ngủ chắc chắn sẽ có nhiều mộng đẹp với tiếng ru của những hàng dương reo giữa gió trắng sương nắng, với én bay chim hót giữa mệnh mang hoa khai lộc nảy, với nhạc trời thánh thót giữa chập chùng núi xanh mây ngàn, và với tình yêu thương tràn trề đối với cuộc sống đầy hi vọng ái ố bi đục lạc...

Lỗi không phải tại thầy thuốc

Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU
(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Xưa có một chàng thanh niên đau nặng, đã hết phương cứu chữa mà bệnh tình vẫn không thuyên giảm. Các thầy thuốc danh tiếng trong vùng đều bó tay, nên chàng ta thất vọng đau khổ lắm.

Nhưng may thay, một hôm có một vị lương y tìm đến thăm bệnh cho chàng rồi nói:

"Bệnh anh trầm trọng lắm rồi, chỉ còn một phương thuốc cứu chữa mà thôi, thuốc ấy tuy khó tìm, nhưng cố gắng sẽ tìm được. Thứ thuốc ấy là thứ thịt chim trĩ, anh phải tìm mua cho được mà ăn, thì bệnh sẽ lành. Anh cứ y theo lời tôi thì một thời gian sẽ thấy hiệu quả ngay. Bây giờ tôi phải đi nơi xa để cứu chữa cho những người khác."

Chàng ta nghe qua lấy làm mừng rỡ, liền mượn một người hàng xóm đi mua hộ chim trĩ. Người hàng xóm thấy tình cảnh của chàng và lấy làm thương hại nên cố gắng đi tìm mua giùm. Đi tìm mãi mua được một con về cho chàng. Sau khi ăn xong thấy bệnh tình thuyên giảm nhiều, chàng rất sung sướng và tán tụng vị lương y không ngớt. Nhưng tiếc thay, anh chỉ ăn một con rồi không ăn nữa, nên bất ngờ bệnh tình trở lại như cũ. Chàng lại than phiền thuốc không hay thầy không giỏi.

Thời gian sau, vị lương y trở lại hỏi:

"Bệnh bớt chưa?"

Chàng đáp:

"Dạ thưa không bớt gì

cả. Trước kia Ngài bảo tôi mua chim trĩ ăn thì hết bệnh sẽ lành, tôi y theo lời mượn người mua được một con đem về ăn. Khi ăn xong thì bệnh có giảm một đôi phần, nhưng trải qua vài ngày thì bệnh trở lại như cũ."

Vị lương y nói:

"Sở dĩ bệnh của anh không lành là không phải lỗi vì tôi, cũng không phải tại thuốc không hay, mà lỗi tại anh. Vì bệnh của anh là trọng bệnh cần phải ăn nhiều chim trĩ mới có thể lành, chứ mới ăn một con mà mong lành bệnh sao được."

Nghe ra chàng ta tự giận và trách mình quá dại khờ nông nổi...

Câu chuyện này Đức Phật ví dụ cho chúng sanh bị khổ trầm luân sanh tử nhiều đời nhiều kiếp. Đức Phật ra đời chỉ cho phương pháp thoát khổ nhưng chúng sanh biếng nhác không chịu y theo giáo pháp tiếp tục tinh tấn tu hành, nên vẫn bị sanh tử luân hồi mãi không giải thoát, trở lại trách Phật không độ, Phật pháp không nhiệm mầu...

Thiên Chơn

"Ta như thầy thuốc hay biết bệnh cho thuốc, uống hay không uống không phải tại thầy, ta như vị chỉ đường dạy con đường phải, nghe mà không đi, lỗi không phải tại người chỉ đường."



CẢM ƠN ĐƯỢC KIẾP LÀM NGƯỜI

Sớm muộn gì rồi cũng phải ra đi
Dù chẳng phá chấp mê hay bẻ câu sinh tử
Lòng có muốn hay là không đi nữa
Cũng hòa tan trong vũ điệu vô thường
Cũng bất giác trôi theo cũng buồn vui chan chứa
Cũng ồn ào - Tịch mịch dưới tà dương
Xin chớ hỏi rằng ta từ đâu đến
Chúng tử nào đã nảy phát nên ta
Hãy biết ta! Khách trần ai tục lụy
Mang tâm hồn sớm nở những bóng hoa
Dẫu năm tháng bay vèo nhanh chóng ngọp
Vẫn cảm ơn được làm kiếp con người
Bao biến dịch vẫn trau mình sống đẹp
Chẳng ngậm ngùi khi tóc ngã màu sương
Dẫu có lúc dập vùi trong giá tuyết
Trong nộ cuồng trong gió táp mưa sa
Vẫn lạnh lặn một màu hoa tinh khiết
Một chữ tâm son nét mực chưa nhòa
Dẫu có lúc bên quán đời hiu quạnh
Cũng hoang liêu hiu hắt giữa luân hồi
Gắng tự tại bên dòng sông khổ lụy
Thông dong nhìn sinh tử lặng lẽ trôi
Hồn rạo rỡ đón mùa xuân miên viễn
Xác tàn hao luân chuyển bấy thu đông
Vui vẻ sống trọn kiếp người lương thiện
Tuổi hoàng hôn lòng vẫn ấm mai hồng.

CHA NĂM NHƯ NÚI NGŨ

Bao năm đời xuôi ngược
Đôi khi lòng quên cha
Cha gò anh khuôn thước
Anh yêu mẹ nhất nhà
Giờ cha anh nằm đó
Hết một đời bão giông
Im lìm như cây cỏ
Quên con mình ngổ ngông
Anh về lay bóng núi
Anh về gọi hồn sông
Núi sông mờ mịt vẽ
Một trời buồn mênh mông
Ôi! Chiều vàng cố xứ
Anh như kẻ không nhà
Cha năm như núi ngũ
Mùa thu vừa đi qua.

(Cuối thu 2018)

EM HAY PHẬT

Chàng thanh niên tuyệt vọng
Giữa biển đời mênh mông
Đường về quê xa quá
Người quen không - Tiền không

Tô mì tôm nóng hổi
Anh mời tận tay em
Em vội vàng chẳng thổi
Phố bước dần sang đêm

Chỉ cho em năm chục
Mà đời em đổi thay
Khi gặp người giúp tiếp
Khi nhờ trời ban may

Bỏ hàng rong em mở
Một quán nhậu bình dân
Anh thành ông khách quý
Người chỉ đường - Ân nhân

Anh cho em năm chục
Em dâng đời tấm lòng
Trẻ lạc loài cơ nhờ
Giúp liền chẳng nệ công

Quán nhậu đang đắt khách
Em sang ngay cho người
Về mở quày bán sách
Vui Phật học Kinh thư

Bao năm trời gặp lại
Chỗ em ngồi như đư
Anh biển đời xô mãi
Em tìm về chân như.

thơ LƯU LÃNG KHÁCH



Bụi đường

(tức Phương Trời Cao Rộng 2)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

Chương Chín

Lâu lắm tôi mới được ăn lại món bánh xèo nên thấy rất ngon miệng, dù rằng chú Đức chiên bánh không phải là khéo lắm. Ăn xong thì cũng vừa khóa lễ Tịnh độ (tụng kinh A Di Đà vào tám giờ tối). Ba đưa chúng tôi (tính luôn chú Thế) tụng kinh xong, đóng hết các cửa rồi lên giường nằm đọc sách thì thầy Trùng Hùng về, gõ cửa.

"Thế! Mở cửa," thầy ấy từ ngoài gọi lớn.

Chú Thế lật đật chạy đến cửa.

"Tao nói qua mở cửa bên kia chứ không phải mở cửa ở đây."

Dãy nhà Tây của thầy ấy không có khóa bên ngoài, chỉ khóa được phía trong. Mỗi lần thầy ấy xuống núi trở về, muốn vào nhà Tây, nơi có phòng riêng của thầy, thì phải gọi những người bên nhà Đông bằng ngang chánh điện để qua nhà Tây mà mở cửa.

Chú Thế lại lật đật chạy bằng ngang cửa hông chánh điện để qua nhà Tây. Nhân cửa nhà Đông mở, thầy Trùng Hùng bước vào nhìn chúng tôi, đôi mắt trừng trừng như giận dữ. Thực ra, tánh thầy vốn nóng nảy, cúng đám mệt, về tới nơi lại phải leo một trăm mấy chục bậc cấp mới đến

chùa nên mới sinh quạu quọ, khó chịu. Chẳng phải chúng tôi có lỗi gì, chỉ vì thầy ấy đi về mệt mà thôi. Thầy hỏi:

"Hồi chiều mấy đứa bây ăn thứ chi vậy?"

"Dạ ăn bánh xèo," chú Đức đáp.

"Tại sao vậy? tại sao không nấu cơm lại bày đặt nấu bánh xèo cho mất thì giờ?"

"Dạ... thì lâu lâu đổi món cho vui vậy mà. Mấy món như vậy thầy đâu có dùng được nên..." chú Đức nói ngang đó thì thầy Trùng Hùng ngắt lời:

"Bây ăn thì kệ bây chứ, đâu phải tao hỏi cho tao! Rồi bánh xèo ăn với thứ chi? Phải đi chợ à?"

"Dạ, chạy xuống chợ chút xíu để mua rau, mua đậu," chú Đức đáp.

Thầy Trùng Hùng quát chú Đức một cái rồi bước ra, đến ngang cửa thì dừng lại:

"Có tiền không biết giữ, chỉ biết xài tào lao không à! Mà rồi có mua dầu ăn không?"

"Dầu ăn?... Dạ không. Dầu ở chùa có rồi, đâu cần mua thêm chi."

"Dầu của chùa đâu phải để chiên bánh xèo ăn chơi. Muốn chơi, muốn xài tiền sao không giỏi mua luôn dầu!"

Chú Đức cứng họng chẳng biết nói gì. Tôi nghe

chuyện cũng muốn lên tiếng nhưng chưa kịp nói gì thì thầy ấy đã bỏ đi qua nhà Tây.

Hôm sau, đến lượt chú Thế nấu cơm thì phát giác cơm dư ngày trước còn lại trong nồi đã bị thiu. Cơm ngày trước là do chú Đức nấu, vì vậy chú Thế gọi chú Đức, hỏi:

"Cơm chú nấu dư hôm qua bây giờ thiu rồi, làm sao đây chú?"

"Vậy hả? Sao mau quá vậy? Chắc tại trời nóng quá," chú Đức nói.

"Thôi lờ rờ, chắc phải đem đổ cho chim sóc ăn chứ làm sao bây giờ," tôi góp ý vào.

Chú Đức suýt một tiếng:

"Nói nhỏ á, thầy Trùng Hùng nghe được la chết. Lâu lâu cũng bị thiu một lần như vậy, đem đổ ngoài bụi đá kia kia, nhưng lần nào cũng bị thầy cắn nhằn suốt buổi."

Vừa nói đến đó thì thầy Trùng Hùng bước xuống, đứng ngang cửa bển hỏi:

"Chi dó? Cơm thiu phải không?"

Chú Đức gãi đầu đáp:

"Dạ, thiu. Chắc tại trời nóng quá."

"Đừng có đổ hô trời nóng với trời lạnh. Tao bảo bao nhiêu lần rồi, nấu cơm phải lựa chừng, đừng bao giờ nấu dư."

"Thì cũng lựa chừng đó

chứ sao không, nhưng có bữa ai cũng ăn ít hết thì cơm phải dư. Làm sao biết được bụng dạ mọi người mà nấu cho đúng để khỏi dư."

"Chứ không phải tại hôm qua mi đúc bánh xèo nên để cơm dư bữa trưa lại cho thiu sao?"

"Có khi để từ trưa hôm nay đến chiều hôm sau cũng chưa thiu nữa, chắc tại..."

"Không có *chắc tại* gì hết. Mi làm cơm thiu thì đừng có *chắc tại*. Bây giờ đem đi đâu đó?"

"Đa đem đồ cho chim ăn," chú Đức đáp.

"Hừm, khỏe vậy đó hả, cứ nấu cơm nhiều cho dư, để thiu, rồi đem đồ cho chim ăn! Chà, chùa này giàu quá há. Cơm gạo của tín thí mà phung phí vậy à?"

"Chứ bây giờ làm sao, không cho chim sóc ăn thì còn phí của hơn là đem chôn nữa."

"Ai bảo mi là đem chôn?" thầy Trùng Hùng quắc mắt hỏi lại.

"Đa... nếu không chôn thì đem đồ cho chim ăn," chú Đức nói, lại tính mang cơm đi đồ.

"Khoan," thầy Trùng Hùng gọi giắt lại, "để đó, tao có biểu mi đem đồ đâu mà định đem đi."

Chú Đức không kềm được bực mình, đặt nồi cơm trên bàn, bước ra ngoài cửa bếp. Tưởng cũng nên nhắc ở đây rằng chú Đức tuy còn là sa-di, chưa thọ giới tỳ - kheo nhưng tuổi chú cũng khá lớn, chỉ thua thầy Trùng Hùng chừng vài tuổi. Cho nên, chỉ vì giới phẩm mà chú phải kiêng dè không dám cãi ngang với thầy Trùng Hùng chứ tính theo tuổi tác thì hai người chỉ như huynh đệ với nhau mà thôi. Tôi biết là chú ấy kềm lòng, nhịn nhục dữ lắm.

"Đứng lại, mi định đi đâu?" thầy Trùng Hùng gọi chú Đức lại.

"Có đi đâu đâu," chú Đức trả lời, đứng lại ngang cửa sau của bếp.

Thầy Trùng Hùng nghiêm giọng nói:

"Đức, nghe tao nói nè: cơm thiu đó mi phải ăn cho

hết, không được đem đồ cho chim sóc gì hết."

Chú Đức vùng quay lại: "Thầy nói sao? Tôi ăn?"

Tôi cũng bất bình nói vào: "Lỡ thiu rồi thì đồ cho chim, chú ấy đâu có cố ý. Chuyện vậy có gì mà thầy bắt chú ấy phải ăn."

"Không có nói tới nói lui chi hết. Tao bảo thằng Đức phải ăn cho hết mớ cơm thiu đó!" thầy Trùng Hùng quả quyết nhắc lại.

Chú Đức hình như ức quá không nói được nên lời nữa. Tôi lại xen vào:

"Cơm đồ chim sóc ăn được. Nói rằng đem đồ, thực ra là đem cho chúng nó ăn chứ không mất gì hết. Thầy bắt chú ấy ăn cơm thiu lỡ chú mang bệnh thì ai lo? Thầy có lo thuốc men không hay để chú chạy về xin tiền gia đình?"

"Chuyện có mắc mớ gì đến mi mà mi xía vô? Tao nói với thằng Đức, tao không nói với mi. Đức, mi nghe không? Tao bảo mi phải ăn cho hết mớ cơm thiu đó, không được đem đồ. Làm chi thì làm, mi phải ăn trước mặt tao. Có bệnh có hoạn chi tao chịu hết. Mi mà không ăn mớ cơm thiu đó thì đừng có bao giờ ngó mặt tao nữa."

Nói rồi, thầy Trùng Hùng bỏ lên nhà trên. Chúng tôi hiểu những chữ "*đừng ngó mặt tao*" có nghĩa là gì. Có lẽ đó là cụm từ nhả nhận, khiêm nhường nhất mà thầy Trùng Hùng có được thay vì dùng cụm từ "đuổi cổ ra khỏi chùa."

Những năm trước 1975, bọn sa-di chúng tôi không ở được chùa này có thể xin qua ở chùa khác, nhất là khi mình không có lỗi gì trầm trọng đối với thầy trụ trì hay giáo hội. Trường hợp một chú sa-di bị đuổi khỏi chùa không phải là hiếm, nhưng chú ấy có thể xin vào bất cứ chùa nào, và có thể xin thọ giáo từ bất cứ vị thầy nào khác; ngoài ra, chú ấy cũng có thể xin vào tu học tại các tu viện, Phật học viện có đông tăng chúng; hoàn cảnh như vậy không có

gì bức ngặt lắm. Còn trường hợp một tu sĩ bị khai trừ bởi giáo hội địa phương hay trung ương là trường hợp rất hy hữu. Mà giáo hội Phật giáo, vì không có giáo quyền tuyệt đối nên sự khai trừ đó cũng chỉ có ảnh hưởng rất giới hạn. Như vậy, chuyện bị đuổi ra khỏi chùa, thực ra ở cỡ tuổi tôi và chú Đức thì không đáng ngại. Thậm chí lớp sa-di chúng tôi có thể tự tạo lấy một cái am tranh chứ không cần phải ở chùa. Chuyện tu học tìm cầu giải thoát đâu có quan hệ gì với chùa to, chùa nhỏ hay nhà gạch, nhà lá! Từ năm 1975 đến nay, đã có khá nhiều thầy trẻ và các chú sa-di cỡ tuổi chúng tôi vì lý do nào đó, đi kinh tế mới, hoặc khai phá đất rẫy để tự túc sinh sống tu học. Những chòi tranh, nhà lá rải rác trên các miền rừng núi đó chẳng mang dáng vẻ gì của một ngôi chùa, nhưng không ai phủ nhận được hình thức và cương vị xuất gia của những vị chủ nhân đang sống trong đó. Dù sao, muốn có được cái am tranh trên một cái rẫy cũng phải chuẩn bị trước, và liệu rằng có xin được hộ khẩu hợp pháp ở địa phương đó hay không. Hộ khẩu dưới chế độ cộng sản là bùa hộ mệnh của mỗi người dân. Chú Đức đã xin được hộ khẩu tại chùa Linh Phong, nếu bất ngờ bị thầy Trùng Hùng đuổi đi, đòi gạch tên khỏi hộ khẩu thì thực là phiền. Có lẽ thầy Trùng Hùng đã nắm được chỗ nhược này.

Từ lúc nghe thầy Trùng Hùng ra lệnh hăm dọa, chú Đức ngồi im ở bàn ăn, mặt sầm xuống trông rất tội nghiệp. Tưởng tá vạm vỡ, vai u thịt bắp của chú, ai nhìn cũng thấy sợ, mà kỳ thực, chú hiền như cục đất. Thịnh thoảng chú cũng nổi chút ngang ngạnh, cãi lại với người khác, nhưng rồi cũng dịu ngay sau đó, để rồi trở lại với nguyên trạng của một cục đất.

Phải một lúc sau, hình như là để đợi cho cơn nóng giận phần uất trong lòng lắng xuống hoàn toàn, chú mới đứng dậy trút cơm thiu từ trong nồi ra một cái rổ nhựa,

đặt vào trong một cái thau, mang ra sau bếp, chỗ thùng phuy đựng nước. Tôi bước theo chú, hỏi:

"Chú làm gì vậy?"

"Rửa," chú đáp.

"Rửa cơm à? Chi vậy?"

"Rửa cho bớt chất nhớt rồi để ráo nước một chút, đem vào chiên ăn."

Tôi nghe như vậy thì cổ họng thấy nghẹn lại. Chợt nghĩ, có lẽ khi này chú ngồi im để nhớ đến gia đình ruột thịt với sự chăm sóc yêu thương của cha mẹ, của anh chị em, tận ngoài Huế - mấy ông thầy tu trẻ thường có cái tâm cảnh đó: một là khi bệnh nặng, hai là lúc bị hắt hủi, thường hay nhớ về gia đình ruột thịt. Chú có kể tôi nghe, chỉ vì muốn sống xa gia đình cho dễ tu học nên khi Phật học viện Nguyễn Hương ở Phan Thiết giải tán (vì cộng sản toàn chiếm miền Nam) chú mới ghé Nha Trang xin vào chùa Linh Phong chứ đâu phải ngoài Huế chú không có chỗ ở.

Nhìn chú cúi gằm mặt xuống rửa cơm thiu, mặt tái xanh, mắt như rướm lệ, bất giác trong tôi bỗng trỗi dậy một niềm thương cảm vô hạn, đồng thời một niềm tin trong sạch và cao khiết cũng bùng tỏa trong tôi như một luồng sáng, trong chớp nhoáng tràn ngập khắp không gian, hay như một tiếng hét, một tiếng ca hùng tráng vươn khỏi mây từng cây cao trên đầu núi... Tôi liền nhớ đến mấy câu thơ của thi nhân sư Huyền Giác trong *Chứng Đạo Ca* do cụ Trúc Thiên dịch mà tôi thuộc lòng, cảm hứng đọc cho chú Đức nghe:

"Đi cũng thiền, ngồi cũng thiền,

Nói - im, động - tịnh, thảy an nhiên

Phóng gập gươm đao thường nhẹ hững

Ví nhắm thuốc độc vẫn bằng tên."

Chú Đức ngược lên nhìn tôi, cười nói:

"Cái này chẳng phải thuốc độc đâu. An vào chẳng chết chóc gì, nhưng ớn quá là ớn! Ớn rùng mình đi được."



Tôi ngồi xuống cạnh chú, nói:

"Thì mình học theo ngài Ca Diếp hồi xưa, uống cạn chén nước mà của bà già ăn mày dâng cúng."

Chú Đức nói:

"Vẫn ớn như thường!"

Tôi lấy hai tay vốc nước rửa cơm thiu trong thau nước của chú, đưa lên miệng uống. Chú Đức ngưng tay, trở mắt nhìn tôi. Tôi nói:

"Trong *Chứng Đạo Ca* cũng có đoạn nói là những kẻ hại mình, chửi mắng, dèm pha, báng bổ mình chính là thầy của mình đó. Vị thầy này dạy cho mình hạnh nhân nhục. Phải đón nhận những điều chua cay đó như uống nước cam lồ. Không những mình không oán mà còn phải cung kính tạ ơn vị thầy đó nữa. *Chứng Đạo Ca* chú từng đọc rồi. Tôi chỉ nhắc lại để chú nhớ thôi. Ở chùa này mình cần thiết phải học cái hạnh nhục nếu không thì chịu không thấu đâu."

"Chú uống nước cơm thiu đó không thấy... gì hết sao?"

"Thì đọc một đoạn *Bát Nhã Tâm Kinh* rồi uống thôi," tôi cười đáp, "đúng ra thì mình phải áp dụng pháp vô phân biệt quán, nhưng không cần công phu đến như vậy đâu, chỉ cần đọc bài *Bát Nhã*

một cách chú tâm, đi sâu vào nghĩa lý là được rồi."

Bữa cơm do chú Thế nấu đã dọn ra, đơn giản. Món đầu hủ kho và canh rau muống. Chùa có bốn người nên dọn chung một bàn, chia làm hai mâm. Thầy Trùng Hùng một mâm, ba đứa chúng tôi một mâm. Nhưng trong mâm cơm của chúng tôi hôm nay, có thêm một tô cơm thiu chiên lại của chú Đức. Ngồi vào bàn ăn, thầy Trùng Hùng liếc qua một cái rồi nói:

"Cơm đó để thẳng Đức ăn một mình. Tao không bắt thẳng Khang, thẳng Thế ăn."

"Dĩ nhiên là ăn một mình chứ có kêu ai ăn phụ đâu," chú Đức nói lầm bầm rồi bới cơm thiu vào chén của chú. Tôi cũng kéo tô cơm thiu về phía mình, chú Đức cố giằng lại nhưng tôi đã giành hẳn tô cơm, tự động lấy vá xúc cho mình một chén. Vậy mà tô cơm hầy còn lại gần hai chén. Thầy Trùng Hùng nói:

"Tao bảo để thẳng Đức ăn một mình."

"Chú ấy ăn không hết đâu. Con muốn ăn phụ," tôi đáp.

Thầy Trùng Hùng nguyệt tôi rồi nói:

"Thôi kệ bây, muốn làm chi đó thì làm."

Tôi chan nước tương vào chén cơm thiu, và ăn. Dù chú Đức đã rửa bớt, cơm vẫn còn nhớt và dĩ nhiên là hôi chua rất khó nuốt. Tôi chú tâm đọc bài kinh *Bát Nhã*, cơm lùa vào miệng chỉ việc nhai rồi nuốt, không để cho vị giác nảy sinh phân biệt, vô tâm vô niệm như nước chảy qua ghềnh, như mây bay qua núi... Chú Đức cũng nhăn mặt nhăn mày nuốt cơm thiu một lúc rồi chợt ngó qua tôi, cười, hỏi nhỏ một câu:

"Khi này chú nói chỉ cần đọc một đoạn *Bát Nhã Tâm Kinh*... Vậy có phải đoạn đó là: *Thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm*...?"

Tôi vừa mới gật đầu thì thầy Trùng Hùng la:

"Ăn cơm không có nói chuyện. Muốn nói chi thì ra ngoài đường mà nói."

Hết chén thứ nhất của

mình rồi, tôi và chú Đức lại chia nhau phần cơm thiu còn lại. xong chén cơm thiu thứ hai, chúng tôi không còn bụng dạ nào để ăn thêm cơm mới nấu của chú Thế. Bữa ăn trôi qua.

Với ý niệm xem những nghịch cảnh như là ân nhân, là thầy dạy, là thử thách cần thiết cho bước đường tu tập của mình, những ngày kể tiếp, tôi đã dễ dàng chấp nhận nếp sống khô khan, khuôn thước một cách cổ lỗ của chùa Linh Phong, và tôi cũng đã dễ dàng vui vẻ hòa nhập với tính ý của thầy Trùng Hùng. Tôi và chú Đức thường theo thầy Trùng Hùng đi cúng đám, từ đám cầu an, an vị Phật cho đến cầu siêu, đám tang v.v... Không có đám nào ở Nha Trang mới mà thầy Trùng Hùng từ chối. Hết ít đám thì thầy kéo cả tôi và chú Đức cùng theo để hộ niệm, còn nhiều đám cúng chung một giờ trong một ngày thì thầy chia mỗi người lãnh một đám, không bỏ sót đám nào. Tôi và Đức sành nghi lễ Huế, lại thêm có hơi giọng mạnh nên thầy Trùng Hùng rất thích. Có khi trong một ngày, thầy kéo chúng tôi đi cúng ba, bốn đám, từ sáng sớm đến tối mịt mới về tối chùa. Chỉ có chú Thế là được cất ở chùa để lo thỉnh chuông và tụng kinh hàng ngày.

Chính trong thời gian đi tụng đám khắp Nha Trang đó, tôi có cơ hội tìm hiểu thêm về sinh hoạt thực tế dưới chế độ mới. Trong một khóa lễ ở chùa, có thể có hàng trăm thiện nam tín nữ tham dự. Nhưng con số hàng trăm người đó chỉ có mặt để tụng niệm, không phải để giải bày tâm tình và hoàn cảnh sống của họ. Khi đến nhà từng người để tụng kinh, người tăng sĩ mới thực sự lắng nghe và chứng kiến đời sống thể tục, đời sống thực tế. Có gia đình chẳng than vãn gì, nhưng mức sống kham khổ và nỗi đau tinh thần của họ cũng được phơi bày qua mức chi tiêu, sắm sửa cho



một đám tang, một khóa lễ riêng tại nhà. Bao nhiêu sách vở báo chí nói về chủ nghĩa cộng sản cũng không thể đầy đủ bằng một giờ một ngày sống dưới chế độ ấy, nhìn thấy thực trạng xã hội diễn ra trong từng bữa cơm, từng mẩu đối thoại nhỏ của những người trong gia đình. Và ngay cả những gì tôi được biết về chế độ mới qua những ngày ở chùa Long Tuyên Hội An, ở viện Hải Đức, chuyên nhà nước chiếm chùa, theo dõi tăng sĩ, bắt bớ tăng sĩ đi nghĩa vụ quân sự, chuyện đốt sách báo, chuyện sĩ quan và công chức chế độ cũ bị tập trung cải tạo, chuyện nhà nước chiếm dụng nhà riêng của dân... bao nhiêu điều đó cũng chỉ là một phần nhỏ trong bức tranh đời sống hiện thực của xã hội ngày nay. Cứ nhìn những bộ mặt nơm nớp lo âu của những người trên đường thì biết. Dường như người dân chung quanh tôi đã không còn cất nổi tiếng cười, thậm chí không còn mỉm được nụ cười chào nhau. Mọi người có vẻ như đang cúi gằm mặt xuống để cam chịu một gánh nặng trên vai, trên lưng. Với kiến thức nông cạn của một thanh niên mười tám tuổi, tôi không làm sao hiểu

nổi ngoài hiện trạng là người cộng sản đang cầm quyền, đâu là những nguyên do chẳng chịt liên hệ dẫn đến thảm trạng này cho đất nước quê hương; nhưng tôi có thể linh cảm được rằng, hình như dần dần tôi đang bị lừa dẫn vào một thảm họa. Cái thảm họa kinh khiếp nhất, ghê tởm nhất, mà ở đó, tất cả ý thức về đạo đức, tất cả niềm tin và hoài vọng cao đẹp, thậm chí tất cả những ý niệm về chân thiện mỹ cũng bị lột và vất bỏ đi như những cái vỏ chuối, để lại những cái máy người cằn cỗi với những cái đầu rỗng tuếch, và với những trái tim vô hồn, vô cảm.

Cho nên chuyện người dân bỏ trốn ra khỏi nước - nhà nước mới gọi là *vượt biển*, *vượt biên* và kết tội *phản quốc* - ban đầu có vẻ như chỉ dành cho những người giàu có và những người Hoa kiều đi bán chính thức, nhưng càng ngày nó càng trở nên phổ biến và trở thành giấc mộng chung của những người yêu chuộng tự do, những người muốn tìm đường cứu nước, lẫn những người muốn được yên thân hay vinh thân bằng cơ hội tiến thân dễ dàng ở các nước văn minh tự do. Ai cũng có thể đi vượt biên được miễn là có chút

ít tiền để chung góp với nhau, kẻ mua lương thực, người mua xăng nhớt, hoặc đóng tàu đóng ghe. Thậm chí có người không có tiền bạc chi cả nhưng có tấm hải đồ, hoặc cái hải bàn, hay chỉ một cái ống dòm là cũng có thể được đi vượt biên. Những anh hoa tiêu trong hải quân là hạng ưu tiên số một được các nhóm vượt biển mời đi miễn phí. Sau này, có người giả xưng hoa tiêu, hoặc chỉ xưng mình là lính hải quân của chế độ cũ, là cũng được tin tưởng để giao phó công tác làm hoa tiêu cho một chuyến hải hành. Giấc mộng tự do đã tạo nên một phong trào hấp dẫn nhất, và có thể nói là quan trọng nhất trong sinh hoạt quốc gia, thu hút bao nhiêu người dân và kéo theo cả những cán bộ, bộ đội cộng sản vào. Những người cán bộ cộng sản nếu không vượt biên theo dân thì cũng bị cuốn theo dòng thác vượt biên bằng các mảnh khốe, các cách làm ăn phi pháp: nào là bán bãi, nào là làm giấy tờ giả, giấy phép đánh cá, giấy phép đi biển, giấy xuất cảnh v.v... Dù các ngõ ngách để moi móc túi tiền của những người mê vượt biên. Rồi trong sự phản diện giữa một xã hội đói thiếu gạo cơm và viễn ảnh tự do no ấm ở nước ngoài, tự dưng có một số người nẩy ra những sáng kiến lừa gạt, tráo trở vô cùng tinh tế, miễn sao thu được tiền bạc hoặc chen chân được xuống ghe tàu là quý, chẳng màng đến chuyện đạo đức thị phi gì nữa. Trong khi những cán bộ cộng sản lợi dụng sự khát khao tự do của người dân để làm tiền thì những người ấy cũng nhận danh cứu cánh tự do mà không từ bỏ bất cứ một xảo thuật gian trá, đảo điên nào để thủ lợi cho mình. Nạn nhân của chuyện lường gạt vượt biên ấy không thiếu gì. Chú Đức và tôi cũng là hai nạn nhân rất buồn cười trong giai đoạn ấy.

(còn tiếp)

CHÁNH ĐẠO

*Bát Chánh Đạo con đường hướng thượng
Từ phàm phu tiến tới Thánh nhân
Thánh-phàm cũng một cái TÂM
Tâm mà bát chánh đời ta khôn cùng.*

*Cũng do bởi lầm hai lỗ một
Khiên cho ta đi mãi luân hồi
Cái thân quả báo nhiều đời
Sóng vùi, gió dập toi bờ đôn đau!*

*Cõi nhân gian biết bao khổ cảnh
Phật khuyên ta giải thoát luân hồi
Có thân là có khổ rồi*

*Khổ già, khổ chết, khổ đời trầm luân!
Chỉ biết khổ khi nào thức tỉnh
Quay trở về học Đạo tu Tâm
Tránh xa đường dừ, nẻo tà
Ác đạo, tà kiến, sân si dẹp trừ!*

Kìa nhìn xem anh chàng Triều quốc ()*

*Quen sông tà, hôn phách như mê
Chẳng việc ác gì "hắn" chê*

*Bóp trán nghĩ kế... ra liền mưu sâu!
Không vừa ý giết ngay tức khắc
Bao oan hôn tức tưới khóc than
Đầu rơi, máu đổ, xương tan
Bầu trời u ám sạm màu tóc tang!*

Phật giáo vốn từ bi, tuệ trí

Chúng sanh thì tâm tối vô minh

Hành động lầm lúc ngu si

Không tin tội phước thì nhau làm bừa!

*Chỉ tài đức lưu danh hậu thế
Còn quyền cao, chức trọng phù du
Bạo tàn bia miệng ngàn thu
Tiền tài, danh vọng mây mù mà thôi!*

Ý quyền thế gây bao ác nghiệp

Đừng tưởng rằng đời mãi đế vương!

Thân này sớm, tôi vô thường

Địa ngục đến trả bao giờ mới xong!

*Cũng đừng tưởng "chết" là chấm dứt...
Mà vẫn còn tiếp nối đời sau
Vậy chớ gieo thương đau
Tu nhân, tích đức mới là khôn ngoan.*

Ánh vàng tỏa khắp mười phương

Sống theo Chánh Đạo con đường thẳng hoa.



thơ **DIỆU VIÊN**
San Jose 2018

(*) Kim Jong Un